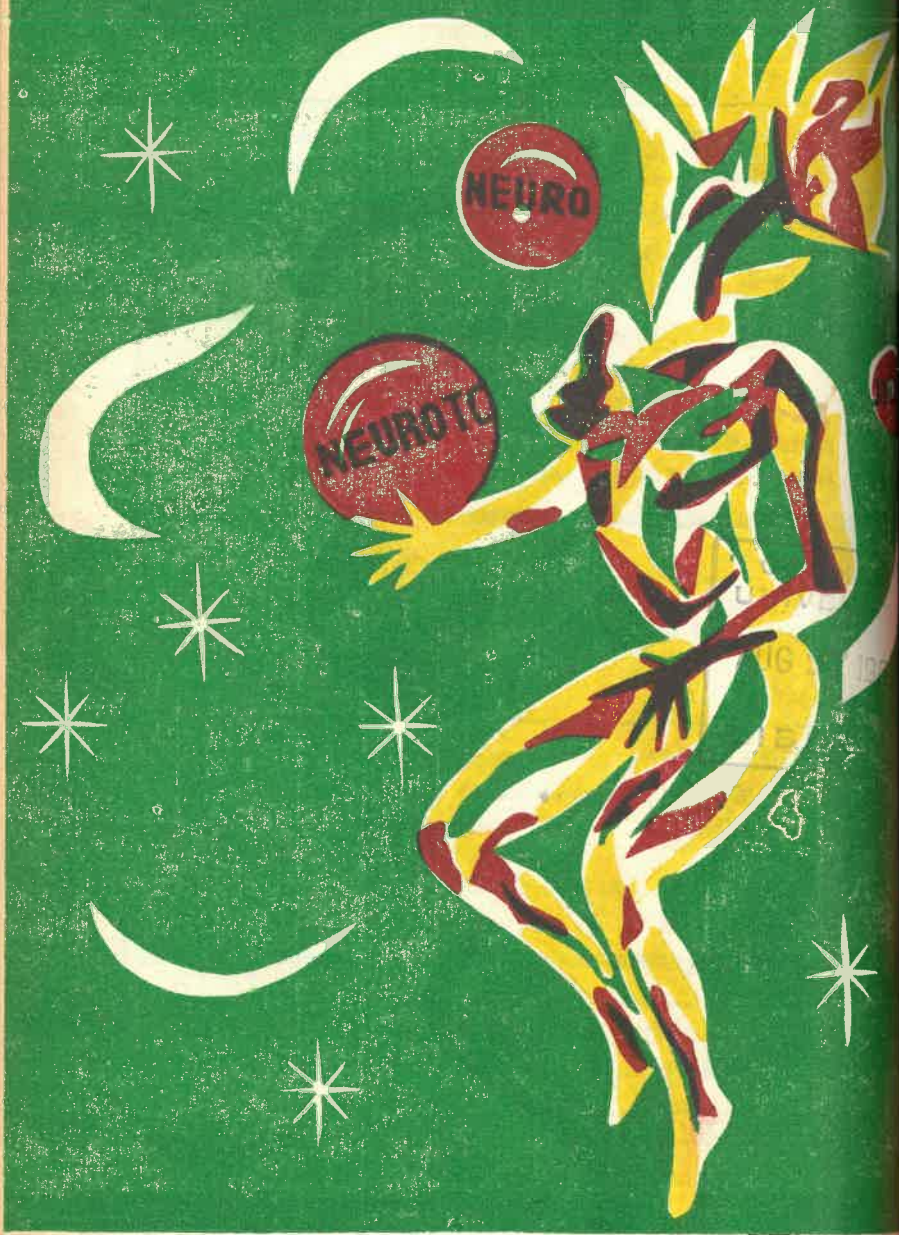


PHỒ THỒNG

221
15-4-1969

Tập-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đốc: NGUYỄN - VỸ



NEUROTONIC

CÔNG DỤNG NHƯA THƯỜNG

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC

Những tác-phẩm của Nguyễn-Vũ

Đang in :

★ Do nhà Xuất-Bản Khai-Trí, 60 đại lộ Lê Lợi, Sg:

- Minh Oai ! — Quyển 1 (trọn bộ 10 quyển)
- Kỳ Phong — truyện dài Tình yêu và Cách mạng
- Vết Sơn — tuyển tập truyện ngắn.
- Văn-Thi-Sĩ-Tiền-Chiến — chứng dẫn của một thời đại Văn-Học.

★ Do nhà Xuất-bản Sống-Mới, 30B Ph. Ngũ Lão, Sg

- Những Đàn Bà Lừng Danh — Tài liệu Lịch-sử thế giới Cồ-Kim.
- Lợi Ngược — truyện dài trào phúng xã-hội.
- Thạch Bích Sơn — truyện dài phiêu lưu.
- Hậu Thạch-Bích-Son

★ Do nhà Xuất-bản Phổ-Thông,

231 Phạm ngũ Lão — Saigon

- Bướn Muốn Khóc Lên. (thơ Hoang-Vũ, quyển II)
- Lên Ruột (Quyển I) thơ trào phúng thời đại.

●●●● Những tác phẩm trên đây sẽ lần lượt xuất bản trong năm 1969 ●●●●●

Những tác phẩm khác : Tuấn Chàng Trai Nước Việt, Giấc Mơ Hoa, Phê Bình Văn-Học, Hồ Xuân Hương, Thơ Hoang Vũ quyển III, Thơ Lên Ruột quyển II, v.v... sẽ tiếp tục xuất bản trong năm 1970, và kế tiếp.

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

COP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNA
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIING

Giám-đọc, Chủ bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lạc — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 221 — 15 4-1969

1 — Cơm, Áo và Tự-Do	N.V. 5 — 10
2 — Kinh Thi	Đông-Tùng 11 — 19
3 — Âm thanh nổi	Chu-Minh-Thuy 20 — 22
4 — Các loại vật	Tiêu-Khanh 23 — 29
5 — Đầu nguồn (thơ)	Mịch-La-Phong 30
6 — Người lính giữ máy	Ng. Kim-Phượng 31 — 35
7 — Tiếng nói thế hệ	1) Dương-quang-Anh 36 — 38
	2) Hoàng-quốc-Nam 39 — 40
8 — Chờ đợi	Vân-Khanh 41 — 47
9 — Bao-Cộng tra án	Lúy.Kha 48 — 51
10 — Ngổ ngàng (thơ)	Lý-Thuy-Ý 52 — 53
11 — Lão Tử	Nguyễn-Hiền 54 — 60
12 — Hàng me xanh	So-Li 67 — 70
13 — Thuyết Nam-Nữ bình-quyền	Cầm-Chân 71 — 72
14 — Minh ơi!	D.H. 73 — 81
15 — Tào-Tháo	Nguyễn-Quang-Lục 82 — 88

16 — Trần-Kế-Xương	Phạm-văn-Sơn 89 — 96
17 — Sinh-khi Văn-nghệ	97 — 100
18 — Một chuyến tàu (thơ)	Nguyễn-Màu-Lãm 101
19 — Saigon lai rai	Hoàng-Thắng 102 — 105
20 — Hồ-Xuân-Hương	N.V. 106 — 110
21 — Bạn đọc viết	Lê-Bá-Trần 111 — 112
22 — Đồ bộ lên Trăng	113
23 — Raspoutine	Thi-Vân 114 — 123
24 — Đáp bạn bốn phương	P.T 124 — 125
25 — Sách Báo mới	P.T 126 — 130

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Viet-Nam.

Tổng phát hành PHỒ-THÔNG toàn-quốc :
ĐÔNG NAI 270 Đà-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa — Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
Vente — abonnements — Publicité)

Xã Luận
XXXXXXXXXXXXXX

**CƠM,
ÁO
và TỰ-DO**



VẤN nghệ Tự do luôn luôn đứng về hàng ngũ Nhân Dân. Bởi vì Vấn nghệ Tự Do, tức là vấn nghệ chân chính, tiêu biểu cho tinh thần của khối Quảng Đại Quần Chúng, là tư tưởng tiến bộ vươn lên lãnh mạnh của mỗi giai đoạn Lịch sử.

Lịch sử biến chuyển thường xuyên, nhưng bất cứ như thế nào, bất cứ ở nơi nào, bất cứ ở thời nào, Cơm — Áo và Tự-Do vẫn luôn luôn là những nhu cầu ưu tiên, thiết yếu, trọng đại, của toàn thể Nhân dân, cũng như của mỗi con người. Những kẻ nghèo khổ, chiếm phần đa số, lại càng phải có đầy đủ cơm áo, áo ấm, và sống tự do trên mảnh đất tự do yêu quý của Quê hương.

Cơm áo và Tự do đều liên hệ mật thiết với nhau để nuôi sống thân thể và tinh thần của con người. Thiếu một trong hai nhu cầu thực tế đó thì đời sống của chúng ta, của mỗi

người trong chúng ta, sẽ mất hẳn thăng bằng,
và chìm trong khổ hận.

Chính Văn hóa tự do, — và chỉ có Văn
hóa tự do, trái với Văn hóa nô bộc, — là có
nhiệm vụ cao quý nuôi dưỡng và bảo vệ tinh
thần bất khuất của Dân tộc trong cuộc sống
tự do của cá nhân. Dân chủ, Công bằng, Tiến
bộ, là những yếu tố tạo ra tinh thần Tự do
bất khuất ấy.

Dưới các chế độ đế quốc thực dân, tư bản
phong kiến, dân chủ đối trá, Cộng sản độc
tài, Văn hóa Tự do cứ phải luôn luôn đương
đầu với bao nhiêu trở lực, để duy trì, với
bất cứ giá nào, tinh thần bất khuất, tự do,
truyền thống của Nhân dân ta.

Bởi vì Văn hóa tự do không chấp nhận
một hình thức nô lệ nào, của thực dân, phong
kiến, độc tài Cộng sản hay tư bản đế quốc, có
dã tâm làm chủ chén cơm manh áo và Tự do
truyền thống của Dân ta.

Những kẻ cầm bút yêu chuộng Tự Do,
chán ghét nô lệ, có ý thức nhiệm vụ cao quý

của mình, hãy cương quyết bảo vệ Văn hóa
tự do. Hãy coi chừng mầm mống Văn hóa nô
bộc, Văn hóa phản động, âm mưu xó đàng nhân
dân ta vào xiềng xích nô lệ của ngoại bang, và
tạo đời sống ngọt ngọt cho dân chúng,

Kinh nghiệm lịch sử từ nửa thế kỷ nay đã
cho chúng ta thấy rõ rằng Văn hóa nô bộc là
dụng cụ của độc tài, cộng sản, hay tư bản đế
quốc, thực dân, phong kiến, dùng làm phương
tiên để bóc lột Dân ta, đàn áp Dân ta, khủng
bố Dân ta.

Chén cơm manh áo của Dân ta và Tự do
của Dân ta, bị tùy thuộc vào bàn tay ủa thực
dân chủ nghĩa, của đế quốc chủ nghĩa, hoặc
của Cộng sản Chủ nghĩa, — Từ ngoại bang
rình rập xen vào, sẽ bị đầu độc bởi Văn hóa
Nô bộc đóng vai trò nội công.

Trong tạp chí Phổ Thông này chúng tôi
đã tố cáo Văn hóa nô bộc dưới thời Ngô đình.
Đó là tai nạn của Độc tài phong kiến, quan
liêu. Chúng tôi đã chống lại mầm mống Văn
hóa nô bộc của những tay sai ngoại bang. Nếu
Nhân dân ta, và thanh niên trí thức ta, không

đề phòng, không sáng suốt, không cương quyết, chúng ta sẽ rơi vào cạm bẫy của bọn Văn hóa nô bộc mạo danh Dân tộc, Tổ quốc, hòa bình, tiến bộ, len lỏi phá hoại chung quanh ta.

Văn Hóa Tự Do, không chấp nhận chủ nghĩa đế quốc tư bản, hay chủ nghĩa đế quốc cộng sản, không mạo danh xã hội chủ nghĩa, chỉ biết hết mình làm nhiệm vụ bảo vệ Chén Cơm, Manh Áo, và Đời sống Tự Do của Nhân dân, theo tiêu chuẩn Công bằng, Dân chủ, Tiến bộ.



CÁO LỜI

Bạn đọc lưu ý, trong số này lộn trang 18 và 81. Vì lý do kỹ thuật ấn loát, thợ xấp lộn, trang 18 thành 81 và trang 81 thành 18.

Thành thật xin bạn đọc thứ lỗi.

P.T.

KINH-THI

của Không-Phu-Tử

● ĐÔNG-TÙNG

★ Định nghĩa :

Kinh : sách. Thi : thơ. kinh-Thư là I bộ sách, hợp tuyển những bài thơ trong triều đình, ngoài thông dã của cổ Đại Trung quốc. Nó là một trong sáu bộ văn học Trung-Hoa nói chung, Nho giáo nói riêng, mà Không-Tử là người soạn định (hợp tuyển). Nội dung kinh thi gồm có hai phần, văn chương Bác học và văn chương Bình dân. Muốn hiểu kinh thi, ta hãy đọc lại bài đề tựa của nó :

Thi giả chí chí, sở chí giả, tại tâm vị chí, phát ngôn chí thi ; ứng động vu trung,

nhi hiệh vu ngôn, ngôn chí bất túc, cổ ta thán chí, ta thán chí bất túc, cổ ca vịnh chí, ca vịnh chí bất túc, bất tri thủ chí vũ chí, lúc chí đạo chí'.

Nghĩa là ; Thơ là cái chỗ của Chí đi đến, là biểu thị của chí, ở trong lòng của chí, phát ra lời nói là thơ; Tình cảm xác động bên trong, rồi biến hình ra lời nói, nói không đủ, cho nên phải ngâm vịnh, ngâm vịnh không đầy đủ, thì tự nhiên tay múa chân dặm vậy.

Phác qua vài giòng trong bài đề tựa, chúng ta có thể hiểu kinh

Thi là một tập thơ hợp tuyển. Nhưng là một sản phẩm của một nền văn Hóa Đông Phương, trên nền tảng: «Vấn dĩ tải Đạo, ngôn dĩ phổ Đạo, hành dĩ hiện Đạo»... (vấn-chương cốt để ghi chép hay chuyên chở Đạo-Lý, lời nói cốt để thực hiện Đạo-Lý). Là một sản phẩm về thi ca nên nội dung kinh Thi cũng gồm đủ 4 thành phần: Tình Cảm, Văn Tự, Âm Diệu, Hình Thức, và có 4 công dụng: Ngôn tình Thuyết lý, Tự sự và Tả vật.

Tầm quan trọng của Kinh-Thi đối với Khổng-Phu-Tử, Người san định (Hợp tuyển) ra nó như thế nào?

Để trả lời câu hỏi trên, chúng tôi xin trích dẫn câu của Khổng-Phu Tử nói về kinh thi.

Khổng Phu Tử nói: «Hưng khởi ý chí và nguồn tình cảm của con người thì không có sách nào hơn Kinh-Thi» (Hưng ư Thi) (Luận Ngữ, Thiên Thái Bá thứ 8)

Không những thế, Khổng Phu Tử còn cho rằng, học kinh Thi

rất bổ ích về nhiều phương diện cả về kiến thức cũng như việc lập thân xử thế, nên đã có lần Ngài nói: «Các trò ta sao không chịu chăm học kỹ Kinh Thi, học Kinh Thi có những tác dụng: Hưng khởi nguồn tình cảm của ta về khả năng quan sát sự vật, hợp quần và oán ghét đúng trường hợp, đúng đối tượng. Học kỹ Kinh Thi, gần thì hiểu được Đạo biểu phụng dưỡng cha mẹ, xa thì hiểu được Đạo Trung để thờ vua; ngoài ra Kinh Thi lại còn giúp ta biết thêm những tên chim, muông, cây, cỏ, vật dụng v.v. (Tiêu từ hà mà học phù thi. Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhi chí sự phụ, Viễn chí sự quân, đa chí ư điều, thú, thảo, mộc chi danh) (Luận-Ngữ, Thiên Dương-hóa).

Cũng theo Khổng-Tử thì Kinh Thi có một hiệu lực phi thường đối với việc lập thân xử thế, nên đã có lần ngài nói với ông Bá-Ngư, con Ngài rằng: Con đã học kỹ 2 thiên Chu Nam và Thiệu Nam trong kinh chưa? Nếu không biết học 2 Thiên đó, không khác gì một người đứng trở mặt vào tường không trông thấy gì nữa hết («Từ Vị Bá Ngư viết: Như Vị Chu Nam, Thiệu Nam hỷ hồ, nhân nhi bất vị Chu Nam Thiệu Nam, kỳ

đo chính tường diện nhi lập giá đư).

Lại một lần khác, ông Trần-Cương hỏi riêng ông Bá Ngư, con ngài rằng: Thầy có nói riêng với bạn điều gì khác với những bài giảng dạy cho học trò chúng tôi chăng? Thực tình cha tôi không nói riêng điều gì mới lạ đặc biệt với tôi cả; chỉ có một lần cha tôi đứng thềm thờ, một mình trước cửa, nhân tôi đi qua đó, ông gọi tôi lại tận nơi rồi hỏi:

- Con đã học kỹ Kinh Thi chưa?

- Thưa cha chưa, tôi trả lời.

- Nếu không biết học kỹ Kinh Thi, thi khoa ứng đối ngôn ngữ sẽ bị thiếu thốn nhiều. Từ đó tôi về học kỹ Kinh Thi.

Lại một lần khác, cha tôi cũng đứng trước cửa, rồi cũng nhân tôi đi qua, ông cũng gọi lại gần và hỏi:

- Con đã học kỹ Kinh Lễ chưa?

- Thưa cha chưa! Tôi trả lời.

- Nếu không học kỹ Kinh Lễ, không đủ điều kiện để lập thân. Từ hôm đó, tôi về học kỹ Kinh Lễ. Chỉ có 2 lần ấy mà thôi, ngoài

ra cha tôi không hề nói riêng với tôi một điều gì nữa.

Trần Cương về nhà mừng rỡ mà nói rằng: Chỉ hỏi một việc mà được trả lời ba.

1. Sự ích lợi của việc học Kinh Thi.

2. Sự cần-thiết của việc học Kinh Lễ.

3. Thái độ người quân tử đối với con mình.

(Trần Cương văn Ứ Bá Ngư viết, từ diệc hữu dĩ vấn hồ? đối viết vị giá, thường độc-lập, Lý Xu nhi quá đình, viết học Th Hồ? Đối viết vị giá, bất học Thi vô dĩ ngôn, Lý thôi nhi học Thi. Tha nhật hữu độc-lập, Lý Xu nhi quá đình, viết học Lễ Hồ? Đối viết vị giá, bất học Lễ vô dĩ lập, Lý thôi nhi học Lễ, văn tư nhi giá, Trần Cương thối nhi hi viết, văn nhất đặc tam văn thi văn lễ, hữu văn quân tử chi viễn kỳ từ. giá) (thiên Quý thị thứ 13).

Lại một lần khác, học trò là thầy Từ Hạ hỏi ngài rằng: Thưa thầy, trong kinh thi nói: Khéo

cười miệng có duyên, mắt liếc tình tứ, sắc trắng dề trau dồi chải chuốt, là ý nói làm sao vậy? Không Tử giải thích, là ý nói:

—Thầy Tử Hạ thừa tiếp, phải chăng là trong Kinh Thi bảo rằng: cho dù người có đẹp đẽ bao nhiêu, cũng cần phải có lễ độ, có phải thế không, thưa thầy?

Không Tử vui mừng bảo rằng: làm ta phần khởi trong việc dạy học trò, chính là trò Thương (tên tục thầy Tử Hạ) ấy mới gọi là người biết nói chuyện Kinh Thi.

(Tử Hạ văn viết, xảo diệu thuyên hễ, mỹ mục miển hễ, tố dĩ vi luyện hễ, hà vị giả, tứ viết, nội sự hậu tố viết Lê hậu hồ, Tử viết: khởi du giả Thương giả, thị khả dư ngôn Thi dĩ dĩ (Luận ngữ, thiên Bát Đạt).

Lại một lần khác, học trò ngài Thầy tử Cống hỏi: Thưa thầy: những kẻ nghèo mà không nịnh hót, giàu mà không kiêu căng, là người như thế nào? Ngài trả lời: những người khác, nhưng chưa bằng những người nghèo mà an

vui, giàu sang mà ham chuộng nghĩa.

Thầy Tử Cống hỏi lại: Thưa thầy có phải như trong Kinh Thi bảo rằng, một viên ngọc đã đẹp lắm rồi, nhưng thêm những hạt thợ ngọc lánh nghề cắt, dũa, mài, thì nó lại càng đẹp hơn lên, có phải là nói như thế không? Không Tử vui mừng nói: Trò Tử (tên thật Tử Cống) là người biết nói chuyện Kinh Thi, ta nói với cậu này mà biết suy-luận sang cái khác (Tử Cống văn viết: bản nhi vi siêm, phú nhi vô kêu hạ như, Tử viết khả giả, vị nhược bản nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả) Tử Cống viết: Thi văn, như thiên, như tha, như trúc như ma, kỳ tự chi vị dư, Tử viết: Tứ giả thị khả dư ngôn thi dĩ dĩ, cáo như vãng nhi tri lai giả: (luận ngữ, thiên Học Nhi).

Văn-Hóa Trung - Hoa hình thành vào triều Đại Tây Chu cực thịnh vào triều Đại Đông Chu tức là thời Xuân Thu, thời mà Không Tử hợp tuyền kinh thi nếu gộp cả hai nền văn-chương bác học và văn chương bình-dân thì

có hàng ngàn hàng vạn bài thơ. Thế như Không Tử chỉ hợp tuyền vào Kinh thi có 300 bài và 300 bài thơ đó theo ý kiến Ngài, chỉ nói một câu rất cô đọng là bao nhiêu lam sao đề khỏi sa và chỗ nào là (Tử viết: Thi tam bách nhất ngôn dĩ tề chi, viết tự vô dư) (Luận ngữ: thiên vi chính).

Ngoài ra Không Tử lại còn cho rằng: Kinh Thi là một tập thơ-tiểu rất có giá trị trong việc đào tạo cán bộ chính-trị và ngoại giao, cho nên đã có lần Ngài nói: Đọc hết 300 bài trong Kinh thi, mà giao cho việc chính trị, làm không trôi chảy, đi sứ sang các nước lân bang cũng đối đáp không trôi, một người như vậy, thì dù cho có học nhiều bao nhiêu nữa, cũng chẳng làm nên trò trống gì. (Tử viết: Tụng thi tam bách, thị chi dĩ chính bất đạt, sứ ư tứ phương bất năng chuyên đối, tuy dĩ diệc hể dĩ vi).

(Sách luận ngữ, thiên Tử Lô)

Kinh Thi, một tác phẩm phản ánh thực trạng Xã-Hội.

Thi ca, nếu là thi ca đúng với cái nghĩa chính yếu của nó, xuất hiện ở thời đại nào tức là tiếng nói hay là phản ánh một cách trung thực của thời đại ấy, cái mà lý thuyết văn nghệ Tây phương thường bảo: « Thơ văn, tức là những tâm trạng bị dồn ép được thể dần nở ra ».

Thi đây Kinh Thi cũng không thể ở ngoài thường lệ ấy được.

Truy cứu lịch-sử Trung-hoa, vào triều đại nhà Chu cực thịnh với Vũ Vương Thành Vương (do Chu công nhiếp chính). Căn bản văn học gồm có 3 bộ sách.

Kinh Thi, kinh Thư, và kinh Dịch.

Chuyển xuống thời Xuân Thu (772-479) trước công quyền) bọn Nhung địch ở mạn Tây bắc hay dòm ngó vào đất Trung-nguyên là cơ sở văn-hóa định cư có vẻ phong phú của xã hội nông-nghiệp, cho nên nhà Chu mới

thiên đô từ phía bắc lui xuống
phía đông nam tức là Lạc ấp ở
đất Hà Nam.

... Từ đây gọi là Đông Chu, và
cũng là thời đại Xuân Thu, một
thời đại hết sức rối loạn, nhân-
dân vô cùng cực khổ. Trong
Trung-quốc triết-học sử đại cương
Bác sĩ Hồ Thích cũng căn cứ vào
Kinh Thi để phân ảnh lại thời
đại Xuân Thu như sau :

Hồ Tiên sinh viết : « Chiến
tranh kéo dài, hết chống nhau với
Tây nhưng lại đến chiến tranh
giữa các Chư hầu, bao nhiêu nước
mất, bao nhiêu đau thương. Các
chư hầu một ngày một cường
thịnh, xem thường hay làm le
cạnh tranh với thế-lực trung ương
của nhà Đông Chu. Do đây mà
dân gian đau khổ, xiêu bạt tứ
phương, vọng gia thất thổ, thốt
ra những lời ta oán, mà Kinh
Thi là tiếng nói của thời đại ấy.
Ví dụ :

THO ĐƯỜNG PHONG.

Vương sự mị cổ
Bất năng nghệ thủ tắc

Phụ mẫu hà hộ
Du du thương thiên
Hạt kỳ hữu sở

Tạm dịch :

Việc vua dài giặc dầy đưa
Cho dân không được cấy
bừa sinh nhai

Mẹ cha trông cậy vào ai
Xanh kia thăm thăm trời ơi
hỡi trời
Khi nào định chốn yên nơi

Và :

Trắc bỉ hộ hế
Chiêm vông phụ hề
Phụ viết: Ta đi từ hành dịch
Tục dã vô dung
Thương thận chiên tai,
Do lai vô chỉ.

Tạm dịch:

Trèo lên núi Hộ trông nhà
Bây giờ không biết Cha già
nơi nào
Cha rằng con cái mình đâu

Canh đồn gác lũy, đêm thâu
chẳng năm

Thân già ta phải lo chăm
Nhờ trời phù hộ sang năm
con về.

Và :

Trắc bỉ khởi hề
Chiêm vông mẫu hề
Mậu viết ta đi từ hành dịch
Tục dã vô my
Thương thận chiên tai
Do lai vô khi

Tạm dịch :

Trèo lên núi khởi trông nhà
Bây giờ nào biết mẹ già nơi
nào ?
Mẹ rằng con của tôi đâu
Kia thân linh trắng đêm
thâu chẳng năm
Thân già ta phải lo chăm
On thời khỏe mạnh sang năm
con về

Và :

Hà thảo bất huyền
Nhà nhân bất căng

Ai ngã chinh phu
Độc vi phỉ dân

Tạm dịch :

Cỏ nào nắng chẳng xám vàng
Người nào mà chẳng can
trường quận đau
Thương thay mấy gã chinh
phu
Làm than khổ cực, còn đâu
la người

Các nước chư hầu xâm lăng lẫn
nhau, bày ra cảnh tượng chiến
tranh tang tóc, bao nhiêu nước
mất, bao nhiêu nhà tan, bao nhiêu
cảnh đau xót, con mất cha, vợ
mất chồng, làm cho nhân-dân đau
khổ, ghê lợm, chán ghét.

Chẳng những thế, xã hội Xuân
thu hỗn loạn, chính trị các nước
đôi bại, cá lớn nuốt cá bé, cứ biết
đánh đụt nhau về quyền và lợi.

Nhân hữu thổ điền
Nhữ phần hữu chi
Nhân hữu dân nhân
Nhữ phúc đoạt chi

là «New Sound» và đã trình bày những «Shows» vô cùng thu hút. Chính nhờ mấy tháng ở Ham bourg, hòa mình với các giới ca nhạc thanh niên Đức đã cho họ kết quả phi thường đó mà họ không ngờ.

Từ tháng 1-1961 đến tháng 2-

1962, họ đã lên sân khấu Uther land Town Hall 292 lần, và danh tiếng nổi dậy như cồn ở thành phố Liverpool. Họ được thanh niên thiếu nữ «Fans» ở đây tôn sùng họ là «Thần tượng Beatles»

(Kỳ Sau Tiếp)



Cuộc thi Văn Chương của Đoàn Văn nghệ sĩ Phật tử Việt nam

I. — Bộ môn thi

1) VĂN XUÔI : Truyện ngắn, Tùy bút, Bút ký, Ký sự...

2) VĂN VẦN : Thơ cũ, Thơ mới, Thơ tự do, Vè, Ca trù, Hát chèo...

Đề tài tự do song nội dung phải lành mạnh, tiến bộ, xây dựng, nhằm phục vụ Dân tộc và Đạo pháp.

II. Thời hạn

Từ 13-3-69 đến 12-5-69. Ngày phát giải thưởng sẽ được tổ chức trọng thể tại Saigon, trong tuần lễ Phật Đản Kỷ Dậu.

Tác phẩm dự thi xin gửi về :

BOÀN VĂN-NGHỆ-SĨ PHẬT-TỬ VIỆT-NAM

52, Phạm Hồng-Thái, Saigon.



midol *trị các chứng đau nhức*
và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/817/800C

Đề giáo hóa cho con người, trước hết phải định chính lại nguồn tình cảm, mà chính nguồn tình cảm, thì không gì bằng thơ, vì thơ là tiếng nói của tình cảm, theo luật « Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu »

Hay nói khác đi, Không Tử cũng tin rằng nghệ-thuật là sản

phẩm của tình cảm. Tin tưởng này trong Không học có một giá trị tuyệt đối.

Vì thế cho nên ta có thể kết-luận : Kinh Thi là một bộ sách tối quan trọng trong văn-học sử Trung-quốc.-



● Courage is rightly esteemed the first of all others qualities because it is the quality which guarantees all others.

(WINSTON CHURCHILL)

Lòng can đảm được coi là đứng đầu trong tất cả các đức tính khác bởi vì nó bảo đảm cho tất cả các đức tính khác,

● You are not going to get peace with millions of armed men. The chariot of peace cannot advance over a road littered with cannon,

(LLOYD GEORGE)

Không thể nào anh tạo ra hòa bình được với hàng triệu người nài nịt vũ khí. Chiếc xe hòa bình không thể tiến được trên con đường ngổn ngang súng đại bác.

âm thanh nổi

Trung thực hay

phản thực ?

● CHU-MINH THỤY

Kể từ khi Charles Cros 1 người Pháp, phát minh ra quyền tắc của chiếc máy hát (năm 1877) và được Thomas A. EDISON, người Mỹ, thực hiện (1878) thì cách thức thâu, giữ và phát thanh đã tiến một đoạn đường dài.

Một đĩa hát được khắc theo lối thường (mono) chỉ có một lần sâu (sillon) trong khi một đĩa khắc theo lối âm thanh nổi (stéréophonique) thì có lần đôi. Khi mũi kim cọ trên lần đôi đó thì các âm thanh của một lần được khuếch đại ra một (hay một nhóm) loa, và các âm thanh của một lần thì được khuếch

đại ra một (hay một nhóm) loa khác.

Đại khái, người ta có thể chia các giai đoạn tiến triển quan trọng ra làm bốn thời kỳ.

— Về chiếc máy phát âm,

Thì từ máy chạy bằng giấy thiều (phonographe) tới chạy bằng điện (électrophone) tới âm thanh nổi (stéréophonie) và bây giờ là máy ghi phát âm bằng từ điện (magnétophone)

— Về phương diện «giữ» âm thanh,

Thì từ ống tròn (rouleau) tiến

ÂM THANH NỔI

tới đĩa 78 vòng mỗi phút, rồi đĩa 33, 45, 16 vòng mỗi phút, và bây giờ thì bằng băng nhựa và «cassettes».

Càng ngày, với đà tiến bộ của kỹ thuật, các âm thanh được thâu và phát một cách trung thực hơn, và nếu đem so sánh giàn âm thanh nổi tài tử hiện nay với một cái máy chạy bằng giấy thiều của thời «Đây là gánh hát của thầy Năm Tú ở tại Mỹ Tho, hát cho hãng Pathé- phổ nô nghe chơi...» thì quả là một trời một vực.

Nhưng sự thiệt có đáng cho ta lạc quan như mọi người thường nghĩ chăng ?

Gần đây, một số nhạc sĩ và người sành nhạc, như danh nghệ thuật, đã nêu lên những tai hại của sự tiến bộ đó, như sau.

Như chúng ta biết, các tần số quyết định bậc trầm bổng của âm thanh. Đối với các chuyên viên kỹ thuật (mà khả năng thưởng thức nhạc có hạn định) thì thay vì tìm cách ghi thật sát các âm thanh mà ta nghe

được, thì nhiều khi, muốn làm hơn, họ lại thâu luôn cả những âm thanh mà nhạc cụ không hề phát ra. Do đó, thay vì tiếng vĩ cầm, ta lại nghe như tiếng sáo hoặc một loại nhạc cụ xa lạ nào.

Đối với chuyên viên kỹ thuật trên bục gỗ, các nhạc sĩ kéo vĩ cầm chiếm vị trí bên trái, còn nhạc sĩ kéo đại vĩ cầm chiếm vị trí bên mặt, và họ rần thực hiện quan niệm đó khi thâu. Nhưng đó là một sự sai lầm, có tánh cách giả tạo vì nhiều bản nhạc (chẳng hạn như mấy hóa tấu khúc của Wagner) cần sự tổng hợp của tất cả các nhạc cụ với nhau.

Tại hại là các hãng thâu nhạc vì nhắm mục đích biểu diễn, nên đã tách rời các âm thanh không đúng chỗ.

Hồi đầu, khi mới phát minh âm thanh nổi, người ta thường khuyên khi sử dụng, không nên đặt một đĩa được khắc theo lối âm thanh nổi trong một máy chỉ có đầu kim thường. Nhưng

về sau, người ta lại chế ra cách gọi là «gravure universelle» khiến đĩa hát có thể sử dụng được trên máy thường hay âm thanh nổi.

Ngày xưa, khi chỉ có loại đĩa chạy 78 vòng mỗi phút, thì người ta chỉ thâu những bản nhạc ngắn, độ 1 hoặc 2 bản mỗi mặt. Gặp những bản nhạc dài, người ta phân làm sao cho mỗi mặt là một đoạn rõ rệt, điều đó cũng có lợi. Là nếu mặt nào thâu không vừa ý thì chỉ cần bỏ bên đó thôi.

Bây giờ, với sự phát minh của loại đĩa chạy 45, 33 và 16 vòng mỗi phút, người ta có thể thâu liên tục những bản dài hơn, chẳng hạn như các hòa tấu khúc của nhạc cổ điển Tây phương. Sự phát minh này trùng hợp với sự phát minh ra lối ghi âm thanh bằng từ điện (băng nhựa).

Nhờ vậy, và cũng vì vậy, người ta lại muốn làm cho công việc thâu âm thật hoàn hảo : bất cứ mỗi lời

nhỏ nhất nào do nhạc cụ hay ca sĩ gây nên cũng đều khiến cho đoạn đó bị xóa bỏ. Đó là điều rất hay, nhưng nhiều khi, vì quá chú trọng vấn đề kỹ thuật, bất nghệ sĩ lập đi lập lại mãi một đoạn, lần sau cùng họ lại trình diễn kém xa lần đầu — nhất là về khía cạnh «chất sống».

Điều tai hại cuối cùng là : cũng vì đề sảm một bộ đĩa, một băng nhựa thâu lời ca (đã được thâu và ráp nối thiết kỹ, và có khi được chế biến cho âm thanh «khá» (1) hơn thiệt sự) làm cho nhiều người có một khái niệm sai lầm về một giọng ca hoặc một giàn nhạc.

Khi họ đi nghe một buổi trình diễn của chính nghệ sĩ hoặc giàn nhạc đó, họ thất vọng vì thấy không đúng với những gì họ nghĩ từ lâu. Đó là trường hợp đã xảy ra cho các ca sĩ nổi danh TEBALDI và CALLAS, ở Âu châu.



(1) Chẳng hạn như trong hơn, hoặc đực hơn,

Các loài vật biết tự giải quyết vấn đề ăn, ở không cần ai viện trợ.

★ TIN-KHANI

Mỗi con vật đều có «túp lều tranh» thiên nhiên hay do nó tự tạo ra, thích hợp với nó. Đó là khả năng thích nghi. Cũng có khi thích nghi ấy hoàn toàn đầy đủ đến nỗi, ngoài chỗ quen ở, con vật không thể ở một nơi khác nào được nữa.

Mỗi con vật một hoàn cảnh. —

Một con lạc đà không thể ăn ở sinh sống ở vùng đồng lầy cũng như nếu đem con cò, con vạc sống giữa sa mạc.. Chúng sẽ không sống được mấy ngày. Dơi hay chuột, cực chẳng đã lắm mới phải dời chỗ ở, và mỗi lần về ở mới, chúng tỏ ra rất khó chịu.

Thích nghi của một con vật lắm khi rất phức tạp. Ta hãy lấy một số ví dụ để thấy huyền diệu của Tạo Hóa.

● Con lạc đà thường được mệnh danh là «chiếc tàu trên sa mạc» vì người nó được cấu tạo để đi rất lâu mà không cần ăn hay



uống. Mặt khác, đất sa mạc là cát xốp «một chân bước đi, 3 chân kéo lại», lúc bị bão cát, bụi tung

bay mịt mù, rất khó cho việc đi đứng.

Lạc đà không uống nước nhiều lần, nhưng mỗi lần uống phải 80 lít nước mới đủ. Một phần nước này được trữ lại trong vài bộ phận trong mình nó và «rĩ rã» lần ra nuôi nó khỏi khát.

Ngoài nước, nó còn dự trữ được món ăn, phần nhiều là mỡ ở trong các bướu. Nhờ đó, nó có thể đi lâu ngày không cần ăn. Các chất dự trữ kia sẽ tiêu dần, một cách tiết kiệm như nước để nuôi nó.



Nhờ đầu lạc đà đi trên cát như đất thịt? Dưới bàn chân, móng nó rộng ra, rộng sấp: soát chân voi nên đi không lún, và nhờ móng dày nên cát nóng không thấm vào da chân.

Trong những lúc bão lớn, cát

có thể bay xát vào cơ thể, nát cả da thịt người, thể nhưng lạc đà vẫn xem như không. Khấp mình nó có lớp lông rất cứng, rất dày. Đôi mắt nó lại có 2 đường lông nheo dài thành hình một cái màn che hẳn con mắt khỏi bụi bay vào. Hai lỗ tai cũng có một chùm lông bịt kín lại, và nó còn có thể tự bịt lỗ mũi lúc cần.



● Con cò, con vạc cẳng cao để dễ đi lại trên các đầm ao, chen chân trong cỏ lùm, cổ dài thêm mỏ dài và nhọn để có thể gắp cá, nhái hay các loại côn trùng ở nước. Ăn uống no say, nó lại bay về tổ, nhờ cánh rộng và bắp thịt mạnh.

● Dơi là loài có vú nhưng lại sinh ra để sống ở không trung.

Nó thích nghi với lối sống ấy hoàn toàn nên rúi ròi xuống đất, nó khó mà bay lại lên không trung như trước.



Nó ngủ treo mình trên cây, đầu thông xuống đất, hoặc bám vào thành đá, trên miệng hang hay trong giữa bông cây. Mặt trời vừa chen lặn là dơi đã thức giấc sau một ngày ngủ ngon lành. Mắt nó mở tròn xoe và sáng như đôi hạt ngọc. Nó bắt đầu đi kiếm ăn. Mắt nó nhìn trong tối là một thích nghi đặc biệt nhất.

Nó có một bộ phận như Radar nên lúc bay dù tối, không va chạm vào cây cối. Tiếng nó cao nên

người nghe được, và đồng loại nó nhận ra tiếng nhau.

● Chuột chù sống suốt đời dưới hang. Lông nó dày và mượt như nhung, có thể xù ra phía trước hay phía sau. Nhờ đó mà dưới hang, dù chật chội, nó bò đến trước hay thụt lùi cũng dễ dàng như trên đất liền.

Từ chỗ nằm, nó đào thêm nhiều ngách ở khắp bốn phía, lập thành một khu vực riêng rẽ. Mồm nó nhọn và mạnh không khác đầu xe ủi đất hay đào tuyết.

Hai chân trước làm thường xúc đất còn móng chân làm cuộc đào với dụng cụ như thế, một con chuột mình dài 10 phân có thể đào trong một đêm 90 thước hầm dưới lòng đất. Trong lúc làm việc, chuột ta gắp côn trùng hay giun đất, chú ăn bớt một phần, còn dự trữ vào kho dự trữ, Chuột chù có hai



CÁC LOẠI LẬT

mắt như mọi vật nhưng bị che kín dưới một lớp lông nên không thấy bao nhiêu. Và lại nó còn gì thấy rõ khi giang sơn nó là bóng tối triền miên?

Có tổ chức và lối kiếm ăn riêng để bảo vệ sinh tồn.—

Hàng loài vật có nhiều loại khác nhau vì nhiều yếu tố vật lý như nhiệt độ, ánh sáng, sức ép của không khí v.v.

Ở mỗi lớp đất, thích hợp cho một loại thú vật. Thú vật ở miền nào, xứ nào cũng có. Rất ít nơi nào trên quả-đất mà không có thú vật ở.

Thú vật ở nơi nào thường có một cuộc tổ chức riêng thích ứng với sinh tồn chung. Tại đây chúng tìm ra thức ăn và đề tìm dễ dàng món ăn, mỗi con vật có những phương tiện thích nghi.

—Con bọ nóng trắng ăn cá là món chính. Trong lúc bơi, gặp con cá nào là nó bắt ngay nhờ chiếc dây như một tấm lưới treo dưới

mõ. Mỗi lần xúc được con mồi, nó để nước chảy hết mới nuốt con cá.

Nuôi con, nó cũng dùng chiếc dây ấy để đựng thức ăn đặc biệt là món «xúp» do nó nấu trong bao tử. Đến giờ con ăn, món xúp ấy từ trong bao tử trào ra trong dây. Bờ nông con chỉ cần dút mồi



vào mỏ mẹ để ăn, có khi đầu con con lọt tuốt vào trong dây.

Có nhiều loại bắt mồi bằng lưới. Cóc và nhái lưới dài và có chất dẻo ở phía trước họng, khi một con con trong nằm ở vừa tầm, cóc phóng lưới ra, con mồi dính vào chất dẻo, lưới thụt vào và đẩy con mồi vào cuống họng.

Đôi mắt cóc lồi ra ngoài, và cũng có thể lồi vào trong họng nhưng không tỏ ngại đến việc nuốt món ăn vì có thể uổi lên trút xuống lúc cần.

CÁC LOẠI VẬT

— Có một loại phúc túc gọi là *Carmillot* hay ăn thịt người, sò, cũng biết dùng lưới như loàiếch nhái. Vì không có cách mở được nắp sò, nó dùng lưới khoang cho thủng nhờ lưới có nhiều răng nhọn rất nhỏ ở đầu chóp, xử dụng như một lưới dũa.

● **Loại Hải Tinh** (sao biển) lại dùng mấy «cánh tay» dày cả vòi, hút mạnh vào vỏ sò và mở ra, nhưng con sò không bị nuốt vào bụng bằng miệng và vào bụng như mọi con vật khác mà trái lại, bao tử của Hải Tinh rúc ra khỏi miệng và bám vào con mồi, làm tiêu lẫn. Sự tiêu hóa ở bên ngoài con Hải tinh vậy.

● **Con bạch đầu ống** tức Hải qui (*Anémone*) ở đáy biển chỉ nằm đợi cho mồi tới để bắt. Từ lúc mới sinh Hải qui sống gò vào vỏ sò hay gành đá dưới đáy bể. Nó không thể đi đâu được, cần lắm mới xê dịch một chút rất chậm chạp. Tuy thế, lối bắt mồi của nó còn tinh xảo hơn nhiều con khác. Chung quanh miệng nó có rất nhiều vòi hút. Mỗi vòi có rất

nhiều mũi tên bé, rất độc, dính vào vòi bằng những sợi dây rắng và dài. Khi con mồi bị các mũi tên kia bắn phải, mấy vòi tự nhiên cuốn vào giữa và đưa mồi vào miệng. Miệng hải ra là bao tử đã nằm sát miệng. Đây là một cái bọc nằm choáng cả thân con hải qui và thân hình ấy lại khác hẳn mọi vật, chỉ vốn vẹn như một gốc cây thu bé và vô rất dày.

Không phải con vật nằm im đợi mồi nào cũng có lối gài bắt mồi như Hải qui cả. Như con *Anatife* chẳng hạn (một loại công nhò thường sống gò trên các vật bằng gỗ trôi mặt bể) có cách bắt mồi khác hơn. Nó có những sợi râu như lông chim cử động trên mặt nước, và những con vật nhỏ nghe động lại gào bị lừa vào miệng.

— Con chim sâu có mỏ dài, cong để dễ hút nhụy vào giữa hoa cũng như con bướm và cái lưới nó là cái máy hút. Hình lưới nó rất khác, hai bên cuốn tròn như ống nhựa uống nước ngọt, không khác hai ống xối đưa nhụy vào



cuống họng. Nhưng chim sâu, vì nặng mình không đậu trên hoa như bướm bướm được, nên Trời lại phú cho một tài riêng, đập cách đứng im một chỗ suốt cả thời gian hút nhụy. Nó bú rất nhanh và phát ra một tiếng đều đều nghe như tiếng ong.

Nó lại được tài bay lui không trở đầu nên lúc gặp gió lay động cánh hoa, nó vẫn hút được nhụy.

Nói về thích nghi hay thích ứng của loài vật không biết mấy cho vừa. Cổ dài của con hươu cao cổ, đôi càng rất mạnh của con tôm hùm cái, vòi của con voi, mõ dài và lưỡi nhỏ, dài và nhọn của con kiến, lối nhả tơ của con nhện để dệt lưới bắt mồi, và những con vật kể trên

là một số thích nghi và thích ứng trong việc kiếm miếng ăn hàng ngày vậy.

Tính di trú của loài vật.

Có nhiều giống khác có những thói quen mà ta có thể sắp xếp vào loại thích nghi được như tính di trú của loài chim.

Vấn đề này đã được trình bày rõ ràng trên Phổ Thông cách đây không lâu, nay chỉ nhắc lại vài nét đặc biệt về tính kỳ lạ này của loài chim.

Phần đông các loại chim đi di trú, thường bay về ban đêm nên khó thấy được chúng. Cũng có những loại bay rất cao, mắt người không thấy nổi, nhưng cũng có

như chim én, vịt trời, cò, vạc lúc bay dễ thấy.

Thường thường chúng đi trú rất xa. Con én biển ở Bắc cực cứ mỗi độ xuân, thu về, phải bay đến 18 ngàn cây số lên tận bán đảo Groenland (Bắc Mỹ) nơi chúng lết ở giữa vùng tuyết phủ. Ở chúng nằm trong tuyết mà én con vẫn mạnh như thường. Nhưng khi sắp đến mùa đông, én biển lại đi



về phương nam ở mũi Horn (tên cùng của Nam Mỹ).

Nhiều chim khác cũng bay đi trú nhưng không xa. Con chim sâu số đỏ chỉ dời vùng độ vài ba trăm cây số.

Một vấn đề chưa sáng tỏ.

Tại sao chim đi di trú? Có

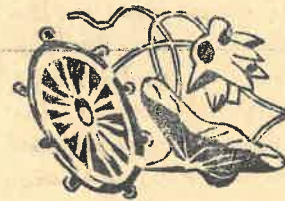
phải thói quen này bắt đầu từ thời kỳ đại băng hà không? Tại sao một số di trú, số khác không ra khỏi lùm cây, góc bụi? Một số đi rất xa? số khác rất gần? và làm sao chúng bay đúng hướng trên con đường thiên vạn dặm?

Tất cả những câu hỏi trên chưa được giải đáp dứt khoát.

Việc mà người ta đoán được, số di chim đi di trú là để tìm những điều kiện chung về sự sống hơn hẳn nơi chúng đang ở.

Nói chung, chim bay đi là để tránh những mùa lạnh lớn mà chúng biết trước. Trong lúc đi, chúng không tránh chết chóc vì bão lớn, chim khác ăn thịt hay vì trò ngại khác. Nhưng thiệt hại ấy không đáng kể so với lợi lớn là được tránh mùa lạnh lẽo hay quá nóng bức.

(Còn tiếp)





Đầu nguồn

● MỊCH-LA-PHONG

Chân đi chưa kín dặm nguồn
Rêu phong còn nửa lá buồn không trắng
Em về theo hơi hoa đặng
Bỗng đứng ngay ấy mây ngàn mãi trôi

Bên cao vách đá trông người
Trông sâu đám ngải xứ Trời còn tin
Bâng khuâng nước đổ cuối trời
Vời theo nhân ảnh nghe miền hoang vu

Thời gian lạnh đến thiên thu
Tình không ánh sáng lao tù vỡ tung
Hai tay ôm chặt tâm hồn
Em về phố thị đầu non anh chờ



Người lính giữ máy

● NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG
K.B.C. 3298

— Xuân, gọi máy bảo mình đến số nhà, vô sự.

— Dạ. Hỏi mình cơm nước được chưa luôn chuẩn úy hi. «Mỹ khiêm, Mỹ khiêm, đây Huệ Khiêm nghe rõ trả lời — tôi nghe anh — Đến số nhà, vô sự, cho cơm ước, trả lời — Đề hỏi chức nữ đã — »

«Huệ khiêm, Huệ khiêm, Mỹ khiêm gọi - Huệ khiêm nghe - gia đình anh cơm nước, nghỉ đợi lịnh, nghe rõ trả lời - Huệ khiêm nghe rõ. »

— Chuẩn úy, chức nữ cho mình cơm nước, nghỉ đợi lịnh.

— Rồi, cho nấu cơm đi. Thăng Sến đầu, nấu cơm đi.

Trong xóm hoang, n.ấy nóc nhà xiêu đổ. Vườn, cỏ mọc ngang lưng người.

Mấy tiểu đội đã chọn xong vị trí, chia nhau phận sự, lo cơm nước.

Xuân đem máy đến cạnh tôi, nó hỏi :

— Em để máy dây nghe Chuẩn úy. Nó là Mỹ khiêm. mình là Huệ khiêm. Chuẩn úy cho em ra cắt mớ rau vào luộc ăn.

— Mang súng theo mày.

— Dạ khẩu Colt có hồi nào rời em đâu.

— Rau đậu mày cắt ?

— Trời ơi, ở chợ mười đồng một bó, chứ ở đây mọc tràn lan ngoài ao, cắt mười gánh cũng có Chuẩn úy à.

Một đứa nói xen vào :

— Ở phố, mình cứ đỡ hộp mà rần, rau đắt quá vàng. ước chi hòa bình, em lên đây ở, làm một cái vườn đủ thứ rau.

Thằng Xuân giảng thuyết :

— Ủa, hòa bình mày lên đây tìm một tác đất để ở, tao đi cái đầu cho mày.

Tôi bảo :

— Thôi đi cắt rau thì đi đi đã. Hòa bình, đất của mình khỏi vụn & đầu không được !

— Được rồi, em ra cắt rau, rồi hãy vào nói chuyện với Chuẩn úy,

em kể cho Chuẩn úy nghe cái vườn bà em ở bên Hiếu Xương.

— Chuẩn úy biết không, cái vườn này hồi trước chắc cũng giàu đấy, nhưng không bằng cái vườn của bà em đâu.

— Bà còn không ?

— Dạ còn chó. Em nhớ hồi 1957-1958 hơi yên đấy, mỗi tối có trăng là cả nhà em làm việc tới khuya, có khi gần sáng mới đi ngủ.

— làm gì dữ vậy ?

— Dạ ? Lớp tôi chị cắt rau đi mai sớm đi bán, lớp thì anh hai em tưới nước. trời có trăng, gánh nước thú lắm Chuẩn úy ơi. Có hồi anh hai em với vợ anh chửi đó, cứ bện nhau ngoài ao. Anh gáo bỏ đôi nước mắt cả giờ, mẹ em la mắng lần, anh không chịu gánh nữa. Sao phải cưới chị ấy cho anh đấy.

— Ông đầu rồi ?

— Dạ đi Tiểu đoàn 1 đấy. Trung sĩ rồi. Em mới đi ba năm ni chó má. Anh thương em lắm. À, đi em nói Chuẩn úy nghe. Vườn bà em thôi chó không thiếu thứ rau

cái gì. Mùa nào Chuẩn úy trồng ăn rau đậu gì là có thứ đó.

— Giờ còn không ?

— Dạ còn, mà đều giờ ít vui, tối bảy tám giờ là bà em đóng cửa. Với lại, mấy chị, mấy anh, em đây cũng đi hết, còn mình bà làm chi nổi. Hôm trước, hôm mà Chuẩn úy cho em về một ngày đó, em thấy bà em lum khum tưới đám cải bằng hai tấm poncho như vậy này, mà cũng chẳng ra cái gì.

— Bỏ cha nó, xuống phố ở quách.

— Dạ đâu, chỗ bà em ở cũng an ninh. Mấy sức mà bảo bà đi. Bà già, bà nói hồi nào họ đuổi họ giết tao mới đi.

— Mày có gọi tiền cho bà không ?

— Nói thiệt Chuẩn úy chứ bằm cho thêm em. Bà có ruộng còn cho họ làm được mà. Em chỉ mong yên ổn, về chung sức làm vườn ruộng. Chuẩn úy này, có con nhỏ xóm với em đó. Nó xuống phố ở r i. Em gặp hồi thăm nó. Nó bảo ước chi yên tại mình



về nhà làm ăn vui hơn, ở phố rầu quá. Trời có trăng ở phố chi chi đầu.

— Nó đẹp không ?

— Đẹp chứ Chuẩn úy. Chân tay nó tròn múp, cái môi nó đỏ như trái ớt.

— Thằng này, môi gì mà đỏ như trái ớt ?

— Cắn nó cay mà. Chuẩn úy.

— Trời ơi, cái thằng này, con đó nó nghe mày nói cái môi nó đỏ như trái ớt, nó tức nó đi lấy Mỹ, rồi đời mày.

— Không đâu Chuẩn úy ơi. Chuẩn úy tưởng con gái làng em ưng lấy Mỹ lắm hả ? Chuẩn úy quen ở Đà Nẵng con gái hư lấy Mỹ, chứ làng em không có đâu.

— Thằng này, mày chê xừ tao hả mày ?

— Không phải, em nói là nói cái thứ con gái cà chớn, Tây tới lấy Tây, Tàu tới lấy Tàu, Nhật tới lấy Nhật, Mỹ tới lấy Mỹ. Hết giặc rồi, cho em ba triệu bảo rước một con em không rước.

— Sống mà đời hết giặc, già rồi mày.

— Chuẩn úy nói vậy, chứ mày đũa không lấy Mỹ, nó nghèo nó chết hết sao.

— Thôi nói chuyện con nhỏ của mày đi.

— Chuẩn úy làm mai dùm em được không ?

— Để coi. Tao ăn nói bết lắm.

— Em đề dành được mấy ngàn rồi. Cưới rồi, em với nó tạm ở phố, yên về làng ở.

— Cái thằng này, đang đi lính mà nói chuyện yêu.

— Thì cũng có lúc yêu chứ Chuẩn úy. Bộ em cứ mang máy đi theo Chuẩn úy hoài hay sao. Đầu phải nghề của em.

Thằng Sến ở ngoài hiên — mái hiên còn sót của căn nhà hoang đổ nát này — gọi lớn :

— Mời Chuẩn úy ra ăn cơm ở nhào đồ tụi này. Rau ngon ác ! Rau thằng Xuân cắt đó.



Xuân chạy tới mở máy. « Mỹ khiêm, Mỹ khiêm. đây Huệ khiêm, nghe rõ trả lời ? — Tôi nghe anh, — Mấy giờ lên máy, gia đình tôi đang ngủ yên, gió gần hết, yếu lắm, nghe rõ trả lời ? — Nghe rõ. Hai giờ sau lên máy, trả lời ? — Nghe rõ, dứt ? — Dứt. » (gió đây tức là pin vậy .L. T.G.)

Ăn cơm xong, Xuân treo ống, lại hí viết thư. Tôi hỏi :

—Viết thư cho con nhỏ của mày hả ?

Xuân cười. Tôi bảo :

— Mày ra xem mấy tiểu đội có chia gác không, rồi vào tao bày mày viết thiết hay.

Xuân dạ và chạy ra ngoài vườn.





TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

Đề đáp lại bài của Phan
thị Ly-Lan, đăng trong P.T
số 218 ra ngày 1-3-69

● DƯƠNG-QUANG-ANH

K.B.C. 4627

Tôi, một người lính tiền-liền lam-lũ với súng đạn ba-lô. Khác với điệu nhạc ca như người ta đã vẽ-vẽi chúng-tôi. Đêm nay viết bài này, nhưng chưa chắc ngày mai còn sống để gửi về Tòa soạn, Song những ray rức sau khi đọc bài của Ly-Lan đã thúc đẩy tôi viết bài này. Mà mục đích chưa phải hẳn là đã kích lập luận của bạn. Tôi hy vọng rằng những thiên nghĩ này sẽ đến trong tim thức của những người bạn trẻ chúng ta hôm nay trên mảnh đất Mẹ thân yêu này,

Nói như vậy mong bạn đừng vội cho rằng tôi muốn làm một Thánh-nhân của thờ trước. Tôi, một thằng lính mộng ước thật nhỏ bé bình thường. Nhưng những ý nghĩ của Ly-Lan: « -Chúng tôi sống, sự chán chường. Chúng tôi đâm ra hư-hồng, sống không nghĩ đến ngày mai, chỉ nghĩ rằng hiện tại mình còn sống, sự chết chóc ám-ảnh đầu óc chúng tôi. . . » (Sao y nguyên văn) Người ta thường bảo: lý-trí phát sinh hành động. Đều đó cho tôi có cảm-tưởng rằng bạn sắp sửa hoặc đang đi trên đường đến hồ-sầu vực-thẳm. Thật là buồn cười!

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

Tại sao thế hở bạn? Những thằng lính như chúng tôi đi sát với mặt-trận, sự chết được coi như một điều lẽ dĩ-nhiên. Thế nhưng chúng tôi vẫn chưa hoàn-toàn hư hỏng mà chúng tôi vẫn thần nhiên vui sống, tin yêu, dễ làm nhiệm vụ Cái nhiệm vụ thiêng-liêng bằng ý nghĩ không một mảy mai vụ lợi,

Tại sao bạn không chịu khó nghĩ giùm như vậy. Rồi bạn còn dễ thừa và tự bào chữa một cách vô lý; « Những sự kiện ấy đâu độc bọn trẻ chúng tôi hôm nay. Vậy người có trách nhiệm đừng vội trách chúng tôi hư hỏng. . . » Ai là người có trách nhiệm đây? Ba mẹ chúng ta ư? Không lẽ bạn nỡ vô-tình mạ-ly và trút tội lên đấng-sinh thành của chúng ta. Còn lại chỉ có nhà giáo-dục, nhưng họ chỉ có trách nhiệm với những kẻ dăn ngu chưa có diễm phúc làm người hiểu biết. Còn bạn được ba mẹ cho ăn học để đọc và viết được những ý-tưởng lên trang báo, sao chúng ta không chịu kó kó làm một

ngọn đèn nhỏ còn hơn người không nguyên rủa trong bóng tối ». Những người có trách nhiệm không hề có trách nhiệm với những người có ít nhiều hiểu biết như chúng ta.

Ngày xưa của thời Chiến-Quốc: Khuất-Nguyên buồn vì cả một đời say một mình ta tỉnh, cả một đời đục một mình ta trong, nhảy xuống sông quỳn sinh. Tuy cái chết phí nhưng người đời thương tiếc sùng kính. Còn hơn học cái sống khôn vật thừa thãi như lão lái đó đã khuyên Khuất Nguyên một cách ngu xuẩn ích-ký: Đời càng say ta chút thêm men, đời càng đục ta khuấy thêm bùn. Cái sống đó là cái sống cho những loại ký-sinh. Đã không làm lợi cho xã-hội còn đem đến tai hại. Con người ấy thật đáng vất đi với cái xã hội này.

Đó là chưa nói đến cái tai hại của giới phụ-nữ trẻ như Ly-Lan, Các bạn sẽ là mẹ của thế-hệ tương lai. Nước trong phát nguồn từ lgiòng sông sạch chứ mấy khi từ ao tù bẩn thỉu. Ly-

Lan, nghĩ sao về vấn đề đó. Bạn có chắc rằng mình sẽ chết trong nay mai hay rủi phải làm một người mẹ đáng kính-tôn cho thế hệ mai sau?

Ai gây ra chiến-tranh? Điều đó xin đề lịch-sử trả lời. Chúng ta hãy nhìn nhận hoàn cảnh đất nước hiện tại là một sự an-bại chẳng may của Thượng-Đế với xứ sở này. Trong lúc người con yêu của đất mẹ, hai tay đều bạn. Mình là kẻ tốt phúc nhân rồi mình không làm được thánh nhân ít nhất mình cũng phải làm thế nào để thế hệ này đang đi trên đường dẫn tới hồ sa ngã được chậm chậm may ra còn chờ được đến ngày quê hương thanh bình trở lại cuộc sống bình thường. Và thế hệ kế tiếp mai sau ngoảnh nhìn lại quá khứ hãnh diện anh chị chúng ta, Ba mẹ chúng ta đã có một nghị lực đáng kể đã vượt qua khoảng



đêm đen của lịch sử và chắc chắn sẽ lấy đó làm gương.

Hoàn cảnh thời giờ của kính và khuôn khổ trang báo không cho phép. Nhưng giọng chữ của tôi xin dừng lại nơi đây. Ai là những người bạn trong chúng ta có ý-tưởng vĩ kỷ như Lý-Lan hay bỏ ra vài giây suy gẫm. Tôi tin rằng bạn sẽ nghĩ làm một con đom đóm của màn đêm này mà vạn vật còn nhìn thấy một chút ánh sáng của ta còn hơn làm một thứ sa-mù đồng loa với bóng tối mà phông có ích lợi gì không?!



II— Bác N.V. kính mến

Đọc một loạt bài xã thuyết của Bác, đăng trong tạp-chí Phổ-Thông. Cháu suy đoán và hết sức vui mừng, nhưng cũng phân vân nghi ngờ không kém Thưa Bác, cháu mừng vì nhận thấy rằng Bác không an phận, không trùm chán chờ gió bão mắng như những lão tự cho mình là đại ái Quốc, là lãnh tụ tài ba nhứt của đất nước V.N đau khổ này, mà không làm nên trò trống gì cả . . . Trái lại còn nhân tâm phá hoại công trình kiến tạo của nhân dân!

Thưa Bác, đọc bài xã thuyết đăng trong tạp chí Phổ Thông « Xuân Mậu Thân »! « Kêu gọi các bạn miền Bắc » cho tới bài: « Tháp EIFFEL sẽ đẻ ra một con chuột chết. Hay là Hòa đàm PARIS sẽ đi đến kết quả ZERO » .

Đọc loạt bài xã-thuyết, từ cuốn Xuân Mậu-Thân tới cuốn Phổ-Thông 216 ra ngày 20-1-1969. Cháu dám chắc Bác không viết xuống, hồ hào hùa! . . . Mà là tiếng nói chánh trực, cương quyết của một Chiến sĩ Cách mạng trung thành với lý tưởng Quốc-Gia dân tộc. Dĩ nhiên đây là tiếng nói phản-ảnh hành động và lập trường của Bác có phải thế không? Thưa Bác.

Nếu đúng như cháu suy đoán, thì đây là cơ hội tốt, để bạn trẻ chúng cháu lần thân vào cùng Bác bảo vệ đất nước, bảo vệ lý tưởng Quốc Gia dân tộc và xây dựng lại cơ đồ.

Xin lỗi Bác, sở dĩ cháu còn phân vân vì bạn trẻ chúng cháu đã bị gạt nhiều rồi. Đó cũng là một phản ứng tự nhiên, xin

Đúng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/887/890C

Bác thông cảm, Thưa, Bác bọn cháu có sức mạnh, thừa can đảm và nhân nại, nhưng thiếu kinh nghiệm. Giờ bọn cháu chỉ còn chờ những người có kinh nghiệm, giữ lòng yêu nước đứng lên lãnh trách nhiệm là bọn cháu sẽ nhảy ra

làm tên lính tiền phong : - Đấu tranh giành lại độc lập, tự do dân chủ và hòa bình đúng nghĩa danh từ của nó.

Mấy lời chân thành, Kính gởi Bác.



Nhà xuất - bản Nhi - Hồng

378A, Võ-Tánh — Saigon

đã phát hành khắp nơi :

- **Mở Cửa;** thơ Hoàng-Đình Huy-Quan
- **Điệu ru người tình cũ,** thơ Hoàng-thị Thủy-Tiên
- **Trên đỉnh sa mù,** tập truyện Mang-Viên-Long

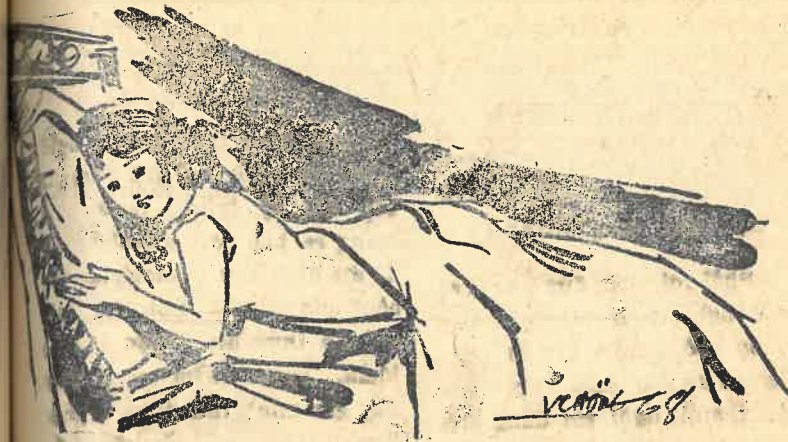
Đặc biệt có bày bán tại tòa soạn tạp chí VẤN-HỌC, tòa soạn nhật báo TỰ-DO và quán THĂNG BỒM, đường Đề-thám Saigon.

Dũng

midol

1360/ĐYT/ĐĐC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Chờ đợi

● VẤN-KHANH

Tuyết âm thầm đi bên Khanh. Nàng lặng lẽ đếm nhịp tim đập, từng bước đi và từng viên đá lót dưới gót giày nàng. Mặc dù không nói nhưng nàng vẫn chăm chú theo dõi tiếng Khanh như một cô học trò bé bỏng ngoan ngoãn nghe lời thầy giảng dạy. Thỉnh thoảng ng róc lên nhìn Khanh với đôi mắt nhưng đen, chứa đầy tình cảm độc nhất của nàng trao trọn về Khanh

Khanh cúi sát vào tai Tuyết nói thật nhỏ dịu dàng :

— Tuyết mỗi chân không ? Bây giờ anh đưa Tuyết vào xem ciné vừa có dịp nghỉ chân nữa nhé, Tuyết phụng phịu :

— Thôi, Tuyết không xem ciné đâu, anh vào xem một mình đi để Tuyết về —.

Bằng cử chỉ hấp tấp vội vàng Khanh nắm tay nàng :

Ý... xin can, chưa gì đã giận. Đó là anh mới đưa ý kiến, còn tùy ở Tuyết quyết định kia mà

Tuyết nhoẽn miệng cười để lộ hàm răng đều đặn. Bỗng Tuyết vỗ tay quay sang Khanh :

— Phải rồi, hai đứa vào Tao Đàn nghĩ chân thế là một quãng đường nữa in dấu chân của hai kẻ yêu nhau. Trên ghế đá, Khanh ngồi với dáng điệu của 1 kẻ yêu đời, thoải mái mơ màng ngắm Tuyết, nhìn những ngọn cỏ xanh đang lả lướt như cảm thông với chàng. Khanh thấy Tuyết bây giờ đẹp vô cùng đẹp hơn lúc nào hết. « Tóc Tuyết buông thả trên bờ vai gầy của người con gái vô tình theo gió bám trên mặt Khanh. Khanh mắng yêu :

— Nè, thấy gì không. Vậy mà hơi tí là giận ghét quá hà.

Tuyết nũng nịu xin lỗi và nhẹ nhàng vén tóc cho gọn gàng, gương mặt trái soan trắng hồng càng tăng thêm vẻ yêu kiều duyên dáng. Khanh ngây ngất

trước sắc đẹp đầy quyến rũ của cô gái mới lớn.

Tuyết đang theo đuổi ý nghĩ riêng mà mới đem qua nàng đã xếp đặt kỷ lưỡng trước khi mang ra bàn với Khanh. Nàng đã dự định thứ tư mach lặc cho câu chuyện sắp nói, thế mà, khi sắp thực hiện thực là khó khăn. Tuyết thầm nghĩ. Thôi bây giờ mình thử thuyết phục Khanh thêm một lần nữa, nếu thất bại như bao lần thì hãy can đảm y theo mưu tính của mình.

Tuyết nghĩ gì mà quên rằng anh đang ngồi bên cạnh vậy ?

Tuyết giật mình cười khòa lấp lác đầu :

— Không, Tuyết đâu có nghĩ gì, Tuyết đang nhìn, kia hai con bướm lượn đẹp quá phải không anh ?

— Không đẹp...bằng Tuyết của anh.

Tuyết thoáng cúi đầu bên lờ rờ nàng đưa tay lên ngực để trấn áp cơn xúc động.

— Khanh, Tuyết sắp vào một đời gió sương.

— Nghĩa là...

Nghĩa là Tuyết sẽ ghi tên vào sổ trợ tá...à, mà nếu Tuyết trở



thành một nữ trợ tá thì anh biết sao không? Trước mắt Tuyết sẽ trải rộng bao nhiệm vụ cao đẹp Tuyết sẽ rất hãnh diện vì dấu chân mình được in trên vạn nẻo đường đất nước ngoài chiến

trường Tuyết sẽ hiện ngang trong bộ quân phục đề hàn gấm, xoa dịu mọi thương đau của những đứa con yêu của tổ quốc. Lúc ấy, Tuyết sẽ không còn là Tuyết yếu đuối nữa mà...

— Thôi, trời ơi... làm gì mà thao thao bất tuyệt y như một luật sư đứng công chính vậy ? Không hiểu đã bao lần anh nói ý định của anh cho Tuyết biết là : mình không là gì cả, nếu thiếu mình thì cũng chẳng sao. Như một vì sao trong muôn ngàn vì tinh tú, mà chỉ có 1 vì sao ấy không xuất hiện thì nó có gọi sự chú ý của mọi người không? Nó có thể thay đổi được gì không ? Mà nếu có cũng chẳng soi thêm ánh sáng cho trần gian được chút nào.

Đôi mày vòng nguyệt của Tuyết cau lại bất bình :

— Anh vẫn giữ lý luận gần bướng ấy mãi. Nếu mọi người đều như anh thì trái đất này sẽ tràn ngập bóng tối. Tất cả mọi người đều là vì nhân trong đêm đen

Khanh gạt tay trong không khí.

— Anh cảm Tuyết từ rày về sau không được nhắc đến chuyện ấy nữa. Anh đã thề với Tuyết rằng trăm lần không, ngàn lần không, là anh sẽ ở nhà, anh chẳng bao giờ đầu quân, giọng Khanh dịu lại tha thiết :

— Anh sẽ ở cạnh Tuyết mãi mãi.

Tuyết nghĩ thầm: **thời rồi** bao nhiêu hy vọng đã tiêu tan. Nhưng không hiểu sao Tuyết không giận mà nàng thấy thương Khanh hơn bao giờ vì Tuyết nghĩ rằng Khanh chưa tìm được lối thoát. Tuyết đứng lên, nét mặt điềm nhiên tươi tỉnh để che dấu người yêu nỗi buồn kín đáo ẩn bên trong. Nàng trao Khanh nụ cười gượng gạo lúc tạm biệt nhưng Khanh nào hiểu được ý nghĩ thầm kín của nàng lúc ấy.

Tối hôm đó, Tuyết trần trọc mãi không sao ngủ được. Những ý nghĩ vẫn luôn luôn ám ảnh mặc dù Tuyết cố dỗ giấc ngủ, thế mà vô hiệu quả

Tuyết đành mở to đôi mắt đen nháy long lanh nhìn lên ngọn đèn ngủ trên bàn. Bỗng như chiếc lò so, Tuyết ngồi bật dậy và nhất quyết thực hành ý định, chỉ còn một thế sau cùng là phải hy sinh tình yêu để Khanh thức tỉnh lòng tròn nghĩa vụ của người trai thời loạn.

Trên bàn viết, tay Tuyết run run, nàng viết thật vội những ý nghĩ giả dối mà Tuyết đang tưởng tượng trong đầu óc. viết đi rồi lại xé, lần này là lần thứ ba, Tuyết cố thu hết can đảm không xé nữa và gấp lại bỏ vào bao thư dán tem thật vội sợ trong giây phút đó Tuyết có thể đổi ý.

Bất chợt Tuyết gục xuống, 2 hàng lệ từ từ trôi chảy lăn dài trên má phải, Tuyết khóc, khóc cho mối tình đầy mộng đẹp sắp lỵ tan mà hủ phạm độc ác nhất lại chính là người đang nhận lãnh hậu quả ấy.

Khanh nhận được thư Tuyết vào 1 sáng đẹp trời, mọi vật



trước mắt Khanh như đang nở hoa hòa đồng cùng tâm trạng của Khanh lúc đó.

Khanh ấp lá thư vào ngực mắt mờ màng nghĩ đến những lời yêu đương dĩa dàng của người yêu được gói trọn trong mảnh giấy.

Khanh trang trọng mở thư từng trang giấy ... để kéo dài thời gian hồi hộp, mồm hút sáo 1

điệu nhạc kịch động. Từng nét chữ uyên chuyển của Tuyết nhẩy múa dưới mắt chàng:

Sài Gòn... ngày..

ANH KHANH

Bức thư này đến với anh Tuyết không còn là một người tình trọn vẹn của riêng anh, mà mang một hình thức khác, hình thức một người bạn. Tuyết nhất

định đoạn tuyết, phải từ trước đến nay Tuyết lở dầm chân trong vũng lầy nhưng cũng may là Tuyết sớm tỉnh ngộ để rút chân lên cũng chưa muộn, Tuyết sẽ bắt đầu lại những bước đi trên một đoạn đường khác những bước đi này sẽ là những bước đi cứng rắn tin tưởng vào nghị lực của mình hơn sự bảo vệ của ngoại nhân.

Khanh-Tuyết khuyên anh đừng buồn nhớ Tuyết nữa vì chúng ta không cùng một lý tưởng thì trước sau gì dù sớm hay muộn cũng có ngày đổ vỡ như hôm nay. Khanh đừng trách Tuyết là kẻ phụ bạc vì chính anh chính anh mới là không đáng được Tuyết trao trọn một đời. Anh chỉ là người hèn nhất, trốn tránh trách nhiệm anh không là gì cả lúc toan

trong thời bình lửa. Anh không là gì giữa vũ trụ bao la đã nuôi sống anh. Tuyết nói ít chắc anh hiểu nhiều, vậy Tuyết xin anh hãy xem như Tuyết như đã chết và đừng tìm gặp Tuyết làm gì nữa.

Chào anh
TUYẾT



Đọc xong bức thư Khanh như người tỉnh mộng bang hoàng Khanh vội nát bức thư, nét mặt đanh thép lại. Hai mắt long lanh như bắn lửa vào kẻ đối diện. Khanh nghĩ rằng nguyên nhân

Tuyết những lời tội tệ nhất. Thế hết, từ nay Tuyết sẽ là của người khác. Khanh thấy bầu trời sụp xuống, cảnh vật ảm đạm như trên chóc. Khanh nghe văng vẳng bên tai: «Bước đi kỳ này sẽ là những bước đi cứng rắn và đầy tin tưởng.» Vô tình chàng chấp nhận lời nói của Tuyết bắt đầu từ đây.



Bây giờ Khanh không còn là Khanh yếu hèn ngày trước mà Khanh thời loạn oai hùng, đứng cầm trong bộ chiến y, tay ôm súng như ôm Tuyết thuở nào. Khanh tưởng tượng như vậy những lúc xông pha nơi chiến trận. Thế rồi sao cuộc hành quân Khanh đã xung phong đi đầu, anh đứng trước những hiểm nguy. Trong cuộc hành quân ấy Khanh là người can đảm xuất sắc nhất, gương mẫu nhất nhưng lại bị bỏ lại Khanh trở thành một thương phế binh hy sinh 1 cánh tay vì Tổ Quốc. Khanh đã ngã ngay lúc ấy, vết thương rỉ máu như vết thương lòng thuở nào.

— Anh... anh Khanh.

Khanh mơ hồ như bên tai mình có tiếng ai gọi. Tiếng kêu dịu dàng quen thuộc của người con gái. Khanh vẫn nhắm nghiền đôi mắt cố tưởng tượng đó là giọng nói của nàng, đó là gương mặt xinh tươi diễm lệ của người tình phụ bạc. Khanh nghĩ thầm không hiểu sao Tuyết đã phụ ta mà ta vẫn nhớ đến con người bạc tình ấy.

— Anh... Anh tỉnh chưa anh?

Lần này Khanh mở to đôi mắt ngạc nhiên, đăm đăm nhìn người nữ y tá Khanh không biết làm gì, nói gì khi người nữ y tá ấy từ từ mím chặt môi và nước mắt rỏ xuống má Khanh những giọt lệ chân thành lăn chã rơi, ướt cả áo Khanh. Khanh khẽ nâng cánh tay mặt còn lại ôm choàng lấy Tuyết thì thào qua hơi thở.

— Tuyết bây giờ anh mới hiểu được em. Rồi nghẹn ngào sung sướng hai nhịp tim hoà điệu.



Bao-Công

tra án tử-phạm

● TÚY-KHA

Đinh-Thị lấy chồng tên Châu Dương đã được ngoài ba năm. Nàng xinh đẹp, rất chịu chồng, lại có hiếu.

Những lúc vắng chồng, Đinh Thị thường ngồi tựa cửa nhìn về phương Nam nơi người mẹ già sống với mấy người em trai nhỏ của nàng.

Đã nhiều lần nàng muốn xin phép chồng về quê thăm nhà, nhưng vì chuyện buôn bán đang lúc rộn rịp, Châu Dương cũng muốn Đinh Thị ở lại giúp mình nhất là chàng cũng sợ để người vợ trẻ đi đường xa một mình e có điều nguy hiểm xảy ra cho thân gái dặm trường.

Một buổi chiều, khi hai vợ chồng Châu Dương đang ngồi ăn cơm thì cửa buồng bật mở. Một người đàn ông thỏ nhón hèn bước nhanh vào. Cả hai vợ chồng cũng giật mình, nhưng Đinh Thị tỉnh mắt hơn, nhận ngay ra đây tó nhà mẹ nàng.

Đoán có sự chẳng lành, Đinh Thị vụt đứng dậy hỏi vợ :

— Có chuyện chi ở nhà thân mẫu ta mà người tới đây vậy ?

Người đầy tớ vội chấp tay nói nhanh :

— Thưa tiểu chủ, người ở nhà bị bệnh, có lẽ không qua khỏi

BAO CÔNG

nên tôi phải cấp tốc cho tiểu chủ hay dạng kịp về kẻo không kịp.

Đinh Thị nghe đoạn, giọt lệ tuôn rơi ướt đầm áo. Nàng thỏn thức xin phép chồng sửa soạn hành trang để về ngay nhà.

Châu Dương ngăn lại :

— Bây giờ trời đã quá chiều em đừng nên đi, sợ lỡ bộ đường đêm nay sẽ ngủ nơi đâu. Thời cổ nên sầu khổ, để sáng mai về sớm cũng không muộn.

Đinh Thị không nghe, nằng nặc đòi về ngay. Nàng chỉ sợ mình không kịp về trước khi mẹ già nhắm mắt. Nàng hỏi thúc ten gia nô xách túi vải đựng quần áo đi, còn nàng cũng không quên đeo đồ nữ trang ngọc ngà đầy người.

Đúng như lời Châu Dương nói khi Đinh Thị và đứa đầy tớ mới đi được có phần đường thì trời đổ tối rất mau. Cũng may cho hai người trong lúc chưa biết tìm kiếm chỗ ngủ ở đâu thì thấy ở bên đường có một cái quán lá. Có lẽ đây là cái quán của người bán nước cho khách bộ hành qua

đường vì tứ phía đều trống trải, ở giữa chỉ có một mô đất cao dùng thay cho cái trống dựng bát. Đinh Thị vì mệt mỏi vội hỏi thúc ten đầy tớ dọn dẹp quán cho sạch để ngủ tạm qua đêm.

Trong lúc hai người đang thiu thiu ngủ thì có hai anh chàng lái heo đi qua. Đó là Lâm Lục và Mặc Tam.

Nhìn vào trong quán thấy có người con gái đang ngủ gục, tựa lưng vào cột quán, nơi cổ tay, tai, cổ có đeo nhiều đồ trang sức quý giá. Lâm Lục nảy lòng tham vội bàn Mặc Tam tìm kế chiếm đoạt của cải chia đôi.

Cả hai rút dao chọc tiết heo, tròng mắt nghiêng răng chày vào trong quán. Đinh Thị giật mình thức giấc, hoảng hốt ngất xỉu còn người đầy tớ cũng hoảng sợ bỏ chạy.

Lâm Lục đuổi theo chém người đầy tớ một nhát mạnh vào vai làm nạn nhân té gục nằm im không cử động. Thấy nạn nhân đã chết, Lục Lâm cầm dao quay trở lại, hiệp lực cùng Mặc Tam

lột vòng vàng, kim trâm của Đinh Thị.

Nhân có đem theo cuộn thừng để bắt heo, Lâm Lục vội trói Đinh Thị vào cột quán rồi cả hai bỏ trốn.

Đến khi trời tờ mờ sáng, tên đầy tớ chợt tỉnh. Hắn không chết vì vết đâm không nhằm chỗ phạm. Một mỡ hắn lần bước về phía quán. Thấy Đinh Thị bị trói, hắn cứu chủ rồi cả hai dúi nhau trở về nhà Dương Châu Dương.

Châu Dương vội làm đơn trình lên Bao Công để mong người tra xét.

Ngay lúc đó, có một người đàn ông tuổi chừng 40 tuổi bước vào công đường tự xưng là hung thủ. Hắn khai tên là Cổ quản Ty.

— Bẩm Thượng Quan, chính con đã chém tên gia nô nhà Đinh

Thị và cũng chính con đã lột vàng bạc của nàng. Xin Thượng Quan cứ cho xử tử con, con không dám ăn hận.

Thấy Cổ quản Ty không có vẻ một tên cướp của giết người ngoài vẻ mặt trọc phú của y. Bao Công nghi ngờ lời nhận tội của hắn.

Sau khi hỏi hắn cách thức giết người ra sao, con dao dẫu ở đâu, để tế nhuyễn cắt chỗ nào, Cổ quản Ty cứng họng, không trả lời được bị Bao Công đập bàn hét mắng và truyền lính đem giam Cổ quản Ty vào ngục thất.

Rồi sau đó, Bao Công sai thám tử riêng ra chỗ quán vắng.

— Nơi Đinh Thị và tên đầy tớ bị cướp và bị chém để tìm dấu vết kẻ cướp sát nhân.

Viên thám tử tìm thấy chiếc áo dẫm máu vết dưới ruộng với

mang về trình Bao Công định liệu. Ngắm nghì một lát, viên quan mặt đen vội thì thầm căn dặn viên thám tử mọi điều.

Y lúi, viên thám tử chạy ra ngoài Huyện, tay dơ cao chiếc áo dẫm máu, miệng rao lớn ;

— Có ai biết chiếc áo dẫm máu này không thì ra mà nhận. Người mặc chiếc áo này đã bị kẻ gian giết chết rồi.

Đàn trong Huyện già trẻ lớn bé nhón nhác chạy ra coi đông đảo bàn tán xôn xao. Nhưng không có ai nhận.

Khi viên thám tử chạy qua dãy phố phía Tây, có người đàn bà chạy ca coi rồi oà lên khóc.

Bà ta nhận là áo đồ của chồng mình rồi nước nỡ nói:

— Đây là chiếc áo của chồng tôi tên là Lâm Lục, làm nghề mua bán heo. Chiều tối qua chồng tôi có mang một số tiền lớn để mua heo cùng với lên Mặc Tam cho tôi bây giờ cũng chưa thấy về. Tôi chắc Mặc Tam đã giết chồng tôi để chiếm đoạt số tiền đó rồi.

Viên thám tử biết ngay chính

Lâm Lục là thủ phạm cướp vàng bạc của Đinh Thị cùng là chém tên đầy tớ và Mặc Tam là đồng lõa. Anh ta vội nấp vào một chỗ kín đáo để chờ Lâm Lục về là bắt.

Cho tới chiều thì Lục Lâm lò dò về, mắt nhón nhác sợ sệt. Viên thám tử vội bỏ chỗ nấp chạy ra bắt trói tên sát nhân rồi dắt giải về Huyện đường.

Lâm Lục vội khai ngay chỗ giấu của cùng chỗ ở của Mặc Tam.

Bao Công cho nha lại đi lấy vàng bạc về để trao trả cho Đinh Thị và phê án xử trảm hai tên Lâm Lục và Mặc Tam để làm gương.

Riêng Cổ quản Ty, Bao Công tha trắng án.

— Mi là kẻ điên khùng mới đi xin vạ vào thân. Thôi ta cũng tha cho ngươi không lành tội.

Nói rồi, Bao công sai lính đuổi Cổ quản Ty ra khỏi nha môn. Cổ quản Ty miệng cười ha hả ra về, khi tới quãng vắng, hắn reo lên thích thú :

— Thế mới biết kế hoạch của ta cao kiến thật. Ha, Ha.

Đôngmidol trị các chứng đau nhức và cam cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY7/SPDC



Ngỡ ngàng

LÝ-THỤY-Ý

Năm Thụy-Ý - 17

Anh gọi em là hoa huệ trắng.

Em hỏi vì sao?

Anh trả lời ;

— Em chưa vương cay đắng

Hồn bâng trịnh như hoa huệ diễm kiều

Chưa gợn buồn — Chưa biết khổ vì yêu

Mùa xuân đến

Anh làm quà cho em chiếc vòng tay nhỏ



Hai mùa Xuân tiếp đó,

Anh đổi tên em là Hương Dương

Em bắt đầu đi vào nẻo yêu thương

Ánh nắng mặt trời soi dung nhan con gái

Anh chọt như ngàn-ngại

Khi tặng em chiếc áo mùa Xuân

Và rồi nếp sống chinh nhân

Buộc đời bên tay súng

Đơn vị di chuyển hoài

Lâu lắm anh không về xóm cũ

Mưa gió cuộc đời làm Hương Dương ủ rũ

Em hết vô tư bên sách vở học trò

Một chuyến quân hành

Anh ghé lại thành đô

Em ngỡ ngàng đối diện người lính chiến

Bốn mắt nhìn nhau

Hai đứa cùng ghen tiếng

Rồi anh khẽ cười

— Anh... lạ lắm sao em ?



LÃO-TỬ

Người sáng lập ra Đạo giáo

Người sáng lập ra Đạo Giáo là Lão Tử. Theo sách Sử ký của quan Ngự Sử Tư Mã Thiên chép hồi Vua Vũ Đế nhà Hán (104 trước Tây lịch) thì Ông họ Lý tiên Nhĩ tự Bá Dương, tục gọi Lão Đam, danh hiệu Lão Tử là tên của môn đệ xưng tụng. Chữ Lão Tử có nghĩa là Thầy già hay là nhà Bác học già.

Ông sanh vào ngày 14 tháng 7 đời vua Đinh Vương nhà Châu (570 trước Tây lịch) tại làng Khô Lịch, ấp Lai, quận Phúc Kiến nước Sở, (bây giờ thuộc về tỉnh

Hà Nam) Sử không chép rõ tên họ cha và mẹ, chỉ nói người thuộc về giòng quý tộc, lớn hơn Đức Khổng Tử chừng 20 tuổi.

Bẩm tính thông minh và nhân nhượng, nên ông học rất giỏi, nhưng không khoe khoang kiêu cách, chịu làm người như bặc thấp-hèn. Ông tuy làm quan Trụ Hạ Sử là chức coi kho sách của nhà vua, song ông vẫn sống theo đạo đức thanh nhàn, lấy sự tự ăn vô danh làm chủ. Ông rất chán ghét lợi danh, chán ghét sự vinh hoa phú quý. Mặc dù

LÃO TỬ

ông rất thích sống trọng sự ăn khuất thanh nhàn, nhưng ông không có tư tưởng chán đời yếm thế, trái lại ông còn đề xướng ra những phương pháp cách mạng, mong xã hội được hòa bình, và hạnh phúc được trở lại trong dân chúng.

Xã hội Trung Hoa thời bấy giờ, lịch sử gọi là đời Xuân Thu, từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VI trước Tây lịch. Trong thời đại ấy, một đảng các giống phía Bắc kéo xuống quấy rối, và một đảng các nước phía Nam thịnh tình mạnh lên, khu đất Trung Nguyên của Tàu luôn ba năm không ngày nào là không có những cuộc chiến tranh xâm phạt. Trong thời đại đó không biết là bao nhiêu nước bị diệt, bao nhiêu nhà bị phá và bao nhiêu người bị chết oan khưng khiếp. Các chế độ phong kiến đời cổ dần dần tiêu diệt, cuộc diện xã hội thay đổi rất là chóng mau.

Chính trị thời bấy giờ là triều vua U Vương nhà Châu, một ông vua nhu nhược tham tàn,

hoan dâm vô độ, không lưu tâm triều chính, không sửa trị kỷ cương, làm cho thế nước suy vi, cuộc đời biến đổi, thiên hạ loạn ly, nhân dân đồ thán, nên triết học của Lão Tử cũng như Khổng Tử là một sự phản động của tình hình suy đồi, của xã hội Trung Quốc thời bấy giờ phát sinh, mong cứu vãn tình thế, đem hạnh phúc hòa bình cho nhân loại.

Sau khi nhận ra những nguy cơ trong nước, biết không thể vãn hồi được, nên ông liền từ chức bỏ quan ra đi, lúc qua cửa ải Hàm Cốc, quan cửa ải ấy là Doãn Hĩ biết ông là người phi thường, nên xin học Đạo của ông. Ông ở lại đó soạn bộ sách Đạo Đức kinh, có gần 6.000 chữ để dạy Doãn Hĩ. Khi soạn xong, ông từ biệt đi mất. Từ đó người ta không biết ông đi đâu, và chết nơi nào.

Triết lý vũ trụ của Lão-Tử

Theo Lão Tử của Ngô tất Tố: Người ta vẫn nói triết học chỉ là bài thuốc chữa bệnh cho các xã hội.

Muốn trừ tuyệt nạn xấu xa, bất bình trong xã hội, các nhà triết học phải suy tầm cái nguyên nhân của nó. Nhưng vũ trụ chỉ là những đẳng cấp nhân quả nối tiếp theo nhau, nên muốn tìm đến nguyên nhân tối sơ, các nhà triết học bắt buộc nghiên cứu trở lại nguyên thủy của vạn vật.

Bởi vậy, mỗi nhà triết học đời xưa vẫn có một thuyết riêng về vũ trụ. Ở Đông phương như soạn giả Kinh Dịch cho rằng trời đất do 2 cái nguyên tố Âm Dương tạo nên, ở Âu châu Socrate, Platon thì quy cái công thiết lập vũ trụ về Thượng Đế. Đối với Lão Tử, nguyên thủy của vũ trụ là Đạo, hiệu được Đạo tức là hiệu được vũ trụ, tức là hiệu được công lệ của trời đất và các đạo lý ở đời.

☉ Các học thuyết của Lão tử đều ở trong Đạo.

Nhưng Đạo là gì ?

— Xưa nay người ta thường hiểu Đạo là « Đường đi » là « Đường Phải », là « Chủ nghĩa », Đạo lý », « Đạo đức » ...

Muốn tỏ triết lý của mình là chân chính, là hợp với lẽ phải, Lão Tử đã mượn chữ Đạo để chỉ một vật khác hẳn.

Đạo của Lão Tử là một vật cụ tượng, nhưng vô ảnh, vô hình, nó là nguyên thủy của trời đất muôn vật, nên ông không biết gọi là gì, nên tạm gọi là : Đạo Vì rằng : cái Đạo mà người ta có thể gọi là Đạo được, thì không phải là cái Đạo trường cửu, cái danh mà người ta cả thể gọi là danh được, thì không phải là cái danh vĩnh viễn bất diệt.

Lão Tử cho Đạo là một nguyên lý tự nhiên, rất huyền diệu do sự hỗn hợp mà thành, nó sinh ra trước khi chưa có trời đất,

trong khoảng không gian mờ mờ, mịt mịt, im lặng quanh quẽ, đứng yên một mình mà không biến cải, chỗ nào cũng đi khắp mà không ngừng, muôn vật trong vũ trụ đều gốc ở đó mà sinh ra.

Đạo vốn là đơn nhất, tính đơn nhất của Đạo sinh ra âm dương, âm dương sinh ra trời đất và khí, trời đất và khí sinh ra muôn vật, muôn vật sinh ra khắp cả thế gian, rồi lại quay trở về nguyên bản, tức là trở về với Đạo. Trở về với Đạo, rồi lại xa dần, để sanh sản lại nữa, cứ đi đi, về về mãi như thế. Sống chết vẫn xoay, sống là do Đạo sinh ra, chết là quay trở về với Đạo, tức là cái cuộc biến cải sống chết ở đời, mà là các cuộc tuần hoàn theo lẽ tự nhiên.

Còn Đức là gì ?

— Cái gốc sinh ra vạn vật ấy, là Đạo, nhưng đến khi làm cho vật nào thành ra vật ấy, và có thể tồn tại ở vũ trụ, thì không phải Đạo mà lại là Đức.

Công việc của Đức khác nhau với Đạo thế nào ?

— Theo Lão Tử, thì Đạo sinh ra vạn vật, còn Đức thì hội hiệp lại và bảo tồn, rồi thì vật chất làm cho thành hình, hoàn cảnh khiến cho thành vật, vì thế mà vạn vật đều tôn kính Đạo và quý trọng Đức một cách tự nhiên không có gì sai khiến hay bắt buộc. Không có ai sinh sản ra Đạo và Đức hết, chúng nó có là tự nhiên chúng nó có mà thôi.

Đạo sinh ra vạn vật, rồi nuôi dưỡng, làm cho nó sống, làm cho nó hoá ra chất, và nuôi nấng che chở cho nó đến nơi chí thiện mỹ.

Vậy thì theo Lão Tử, ông cho cái Đức là kết quả của sự biết Đạo rồi sống với Đạo, chỉ có người hiểu đạo rồi mới thấy đáng nó mà thôi.

Đức là một cái tinh túy của mọi vật do Đạo sinh ra và để nuôi dưỡng vạn vật. Đức không có thực thể mà cũng không phải

Điăngmidol *Vì các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX/T/ĐPDC

là vật rõ rệt có hình, có dáng, hay là một vật cụ thể có thể dùng quan năng mà khám phá được. Nếu nói theo danh từ mới người có thể gọi nó là sự cấu tạo và sự tồn tại của vũ trụ vạn vật.

Theo Lão Tử, muốn giữ đúng theo đường lối của Đạo thì nên « Thanh tĩnh vô vi » nghĩa là phải tuyệt hết cái bụng nghĩ ngợi ham muốn, và quên cả hình hài đi để lòng được trong sạch yên lặng mà không hành động gì cả, cứ phó mặc tự nhiên không phải nhọc trí nhọc sức. Sở dĩ người ta phải khổ sở, lo nghĩ là vì phải hành động, mà nguồn gốc của sự hành động là dục tình. Bởi thế muốn hết dục tình thì không phải hành động, không phải lo nghĩ khổ sở mà lòng được thư thái, thân được an nhàn. Cho nên ông cho rằng : trong nhân toại kể gần Đạo nhất là trẻ hài nhi, mà người có nhiều Đức cũng hẳn nhiên như đứa trẻ con vậy.

★

Đạo Giáo Bị Biến Đổi Hay Thất Chơn Truyền.

Tư tưởng của Lão Tử là một nền triết học cao thâm quá, người thường không hiểu, nên không bao lâu thì bị biến đổi đi mà thành một tôn giáo có nhiều dị đoan và ảo thuật hoá theo tính ngưỡng linh tinh của dân gian mà mất hết tính cách hồi sơ thủy. Lão tử không còn là một triết gia nữa, Lão tử đã biến thành một vị thần linh thống trị được ma quỷ. Nhiều đoạn trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử đã biến thành những câu phù chú của các pháp sư, xen lẫn với các câu phù chú của Ấn độ, đã bị người mê tín làm sai lạc đi, Người ta tôn Lão Tử làm Thái Thượng Lão Quân và bày ra thuật tu Tiên, luyện đan, (luyện thuốc trường sanh bất tử) thuật số, phù thủy ... v.v...

Đạo giáo truyền bá sang nước ta

Cùng với Khổng giáo, Lão

giáo truyền sang nước VN ta từ đời Bắc thuộc, nhưng không có môn phái thống hệ gì.

Đến thời độc lập, dưới triều Lý Lão học đã thịnh hành. Thời ấy triều đình thường mở khoa thi Tam giáo để chọn người bổ dụng, Khổng, Phật, học cùng được suy tôn như nhau. Từ đời Trần trở đi, Lão học không được coi là một môn học chính của quốc gia nữa, mặc dầu ảnh hưởng của Lão học trong dân gian rất mạnh, song không về phương diện học thuật mà lại về phương diện mê tín. Bực thượng lưu học thức xem sách của Lão Tử và của các môn đồ Đạo giáo như Liệt Tử, Trang Tử thì niêm những tư tưởng tiêu điều phóng khoáng, chán đường công danh phú quý cầu sự an nhàn tự do. Còn hạng thường dân thì tin các dị đoan về thần tiên, về phù thủy và các ảo thuật như bùa chú, ăn quyết v.v...

Kết Luận.

Triết học của Lão Tử là một sự phản-động của tình hình suy đồi của xã hội Trung-Quốc về hai thế kỷ V, VI trước Thiên-Chúa.

Muốn cho thiên hạ trở lại đạo đức Lão-tử đã mượn hai chữ ấy để chỉ hai vật dưỡng của vạn vật.

Chủ nghĩa của ông là vô vi, vô vi không phải là không làm không trị, hay ngồi khoanh tay mà nhìn : nhưng phải làm từ cái lúc không có, (việc chưa xảy ra) trị từ lúc chưa loạn, vì cái mầm non yếu dè nhỏ, vật còn nhỏ thì dễ tan. — Ông khuyên không nên khinh-thường những cái nhỏ, bởi vì việc nhỏ nếu không lo trước nó sẽ thành cái kết quả lớn, lúc bấy giờ muốn trị thì không kịp nữa. Phép xử thế, ông áp dụng chánh sách mềm-dẻo như nước. Ông nói rằng : Nước là một vật mà không có tính tranh dành : ở cái chỗ mà mọi người không thích (tức là chỗ thấp) cho nên gần được như Đạo. Vì thế mà

cái gì nhu nhược cũng thắng được cương cường. Thử xem con người ta, lúc sống thì thân hình mềm dẻo, đến lúc chết thì cứng đờ, vạn vật cây cỏ cũng vậy, lúc sống thì mềm mại nhưng lúc chết thì khô giòn; vì vậy cương cường là bề lú của sự chết, trái lại nhu nhược là phe đảng của sự sống.

Xem thế thì phương pháp giáo hóa của Lão Tử không giống các bậc hiền triết khác. Đáng lẽ chen vai thích cánh với đời, lấy lời nói việc làm khuyên răn phải trái, hay là lập trường học, viết sách vở chỉ giáo cho con em. Lão Tử chỉ ở yên một chỗ dưỡng sinh tích đức, làm cho khác hẳn mọi người, để thiên hạ phải nhiên ý mà lấy đó làm gương.

Khi nhận thức được cái lẽ tuần hoàn, cái vòng sinh tử, thì ai cũng muốn sống hòa hợp với

thiên nhiên, với lẽ Đạo, sửa mình công bình ngay thẳng, tập ôn hòa nhân ái, nhẫn nhục an phận theo số mạng của mình không dục tố không bôn chôn, không ngã lòng không nóng nảy.

Vậy Lão-Tử là một đảng đề nêu cao ngọn đuốc thiêng liêng màu nhiệm, soi sáng cho vạn vật muôn đời, được nhận thức những bí ẩn của vũ trụ, để sống hòa nhịp với thiên nhiên, biết Đạo, chứa Đức, theo tôn giáo, tăng tiến trí tuệ, theo khoa học và triết học, giải thoát những khổ não trong tâm hồn, phát huy những linh năng trong khối óc, tự làm chủ lấy mình, để tế độ hay giải thoát nhân sanh.



Đúng **midol** *Trị các chứng đau nhức, và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BXT/ĐPDC

Hàng Me Xanh

tại sao Vĩnh Cửu lại
xanh màu lá cây?

Pierre Eurmanuel

Chưa bao giờ con thấy mây trắng nhiều như chiều hôm nay. Bầu trời bao la, lơ lửng những đám mây trắng nõn như bông gòn, trôi về nơi xa thẳm. Mây hợp tan vô định như cuộc đời của con.

Hôm nay con dừng bước ở tên cầu Thiêng Đức, cũng đôi hàng me rậm, che mát con đường sỏi đưa đến trường học như khi xưa.

Ngày đó, con thấy thế giới bên ngoài quả huyền bí và nhiều sự kỳ lạ. Mỗi ngày đi trên con đường sỏi, nhìn những trái me khô treo lơ lửng trên cành mà lòng đầy thêm muốn. Những bước chân đi ngập ngừng trên những hòn đá xanh lờm chớm như còn e ngại cho một cuộc dẫn bước giang hồ.

Hồi đó mỗi lần xuôi thuyền về miệt Long Hồ là mỗi lần lòng con rộn lên những cảm nghĩ băng khuâng và nhìn phong cảnh hai bên bờ sông với một niềm yêu mến thiết tha. Từ những căn nhà lá đơn sơ, khiêm nhường thu hình dưới những tàu dừa rộng mát, đến những cây cầu con hồ hững hờ bắt mình ngang qua một con rạch con. Không hiểu sao những hình ảnh thô sơ và quê mùa đó lại có thể làm cho tâm hồn con tuang động được.

Con còn nhớ, khi con đi học mỗi lần băng ngang qua bệnh viện gần trường, mỗi lần nhia mấy tà áo trắng của các y tá, các bà sơ là con nghe hình như có một tiếng kêu huyền bí từ cõi xa xăm

nào vọng lại. Nhiều đêm con muốn vượt khỏi bốn bức tường kiên cố của ngôi nhà ấm cúng bé nhỏ, muốn vượt khỏi vòng kềm tỏa của mẹ để đi theo tiếng gọi huyền bí đó. Con không biết sẽ đi đâu và làm gì, nhưng con cứ tưởng rằng nếu ra đi giá trị con sẽ tăng lên và con sẽ là một vị nhân mà mọi người đang chờ đợi.

Trong những giờ ra chơi, con thường ngồi một mình dưới bóng mấy cây sao, bỏ mặc lũ trẻ ồn ào phía đằng kia sân để nhìn từng chiếc lá sao rơi trên thảm cỏ xanh hoặc những chiếc bông sao khô rụng xoáy tít trên không. Lúc ấy con có ý tưởng xa lánh xã hội và muốn ẩn mình một nơi âm u hoang vắng nào. Giờ về một mình con lui thủi sau chốt trên con đường vắng, vừa đi vừa đá từng chiếc lá khô. Chiếc lá cọ xuống đường nhựa vang lên xoàn xoạt nghe khô khan và giòn rụm. Con thích thú với những âm thanh này, một mình lắng nghe tiếng lá rơi, tiếng lá chạy dài trên đường nhựa, tiếng lá bị nghiền nát dưới bàn chân bé bỏng của con, một mình nhìn bóng

minh chạy dài trên con đường lấp lánh.

Sự cô đơn đã đến với con từ lúc ấy và trong con đã manh nha một kiếp sống giang hồ. Thì rồi sự ra đi đã là một sự thật. Từ ngày chiến cuộc mùa thu khởi diễn, con đã đi khắp mọi nẻo đường quê hương-Qua những thôn xóm tiêu điều trong những đêm không một ánh trăng, một ngọn đèn, một đóm lửa, con đã chứng kiến những đêm thờ dây kinh hoàng, những làng xã ngùn ngụt lửa đạn, những thây người gục ngã máu đỏ chan hòa trên thân thể, trên ruộng lúa, trên luống cày, những thằng chông trời đầy kinh rạch, những đoàn thuyền tản cư xuôi ngược, những làn sóng người lang thang, ngỡ ngác trong tiếng bom đạn vang rền, những người đàn bà chỉ có 1 mảnh bố to che thân, những thằng con nít ghê chóc, ló lói đầy mình.

Con lớn dần theo những chuyến đi đó, nhưng không bao giờ con quên được con đường cát nhỏ quanh co vào xóm, với cụm tre mọc đầu đường, với con bươn

tràng thấn thơ trong ngõ cụt. Chưa bao giờ con quên được những hàng gạo âm thầm vươn mình lên khỏi thành phố, cao vút trong khung trời xanh biếc, những ngôi chùa bóng sao và mỗi lần cơn gió đến vùn vụt trên các ngọn cây, lá sao tràn ngập trên đường tung như đàn bướm liệng. Con đâu thể nào quên được những buổi mai đầy sương lạnh, mẹ ân cần khoát chiếc áo ấm vào mình con và tung tăng cắp sách đến trường với một tâm hồn tươi sáng và trong trắng.

Những hình ảnh ấy ngày thơ quá và thanh bình quá, khiến mỗi lần hồi tưởng lại con thấy ấm áp và tươi mát vô cùng. Mẹ ơi, có bao giờ mẹ thấu hiểu những tâm tư thâm kín này của con chăng? Khi xa mẹ muôn trùng, con mới thấy cô độc, không ai nghĩ đến con, an ủi con. Chỉ tiếng có mẹ là nguồn an ủi độc nhất trong cuộc đời phiêu bạt của con. Có va chạm với xã hội, con mới thấm thía tình thương cao cả của mẹ.

Ngày con mới ra đời, dỗi dãi làm ở một tỉnh lẻ, trong một ngày mưa tầm tã, nhìn một con chim lạc đàn, chúi cánh xuống dòng nước bạc, con bỗng thấy bơ vơ lạ lùng. Lòng con vốn yếu mềm, đã từng khóc trong những đêm mưa rã rích, từng đau khổ khi thất bại, nhưng chưa bao giờ, con cảm thấy buồn thảm thực sự như khi ấy. Trước kia, con nhìn đời qua sự hiểu biết của một chàng thư sinh mà đầu óc còn chứa đầy những công thức toán, những bài thi văn hoa mỹ diễm tuyệt. Con tưởng chừng đời như một trường thi mà sự lo lắng không hơn những điểm trung bình hay con số khung. Chừng biết đời rồi, mới thấy đời giả dối và đã lói cuốn con quá nhiều. Con không còn ngây thơ và hồn nhiên như thuở trước nữa. Bụi đời đã tàn bạo phủ lấp biết bao mộng ước đơn sơ của con.

Ngày xưa ấy con mơ ước giang hồ, bây giờ con đã giang hồ thực sự, đã thấm thía những chuyến đi. Và chuyến đi nào cũng đưa con về gát trọ, cũng là nhữn g

giọt nước mắt của một tấm lòng cần cõn bụi dơi. Có nhiều hôm, con nằm giữa phòng khách sạn, lắng nghe niềm hạnh phúc của mọi người lên vào khói thuốc đơn độc. Con không mềm yếu, hèn nhác để cho giòng đời lôi cuốn thác loạn, nhưng sự cô đơn nhiều khi vẫn khiến con buồn lộng.

Đã lâu lắm rồi, con vẫn biết mẹ buồn khổ cho kiếp ly hương của con và con vẫn trông mong có ngày hội ngộ với gia đình. Nhưng mẹ ơi, tất cả chỉ là ảo ảnh. Đời con là một cơn gió, là nơi để nhìn những chèo thuyền đi heo hút. Đời có bao giờ để con yên sống theo mộng tưởng. Nó giăng cạm bẫy, tàn bạo, vô tình lôi cuốn và hủy hoại Con ngơ ngác tìm những bóng cây to giữa cuộc đời để tránh những làn gió dữ dội nhưng con chỉ là một cơn gió đứng giữa cánh đồng hiu quạnh đón chờ tất cả những trận cuồng phong. Đã bao nhiêu năm rồi, con vẫn chưa thực hiện được một hoài bão nhỏ bé — Trở về với gia đình.

Ngày xưa, mẹ đã từng khoe con

với mọi người rằng: sau này con sẽ làm rạng rỡ cho gia tộc. Nhưng ngày nay con đã làm gì? Chắc không có gì hết phải không mẹ nhỉ! Con vẫn hai bàn tay trắng, vẫn ăn quán trọ, vẫn ngủ phòng thuê. Và chắc mẹ phải tự hỏi, sau bao nhiêu năm ra đời, con đã để lại gì cho đời? Thừa mẹ, con đã làm theo lời khuyên của mẹ khi xưa — con không để lại sự nghiệp gì cho đời cả. con chỉ có một tấm lòng trong sạch và một tình yêu quê hương thắm thía..

Con đã từng nhịn đói để làm việc, đã từng gò lưng đập chiếc xe cũ kỹ, nặng nề suốt cả hai mươi cây số đường dài, sáng sớm tà buốt ngoài sương lạnh, chiều về mồn mõi trong gió lộng ngược chiều. Thường thường con phải ăn cơm với những giọt nước mắt mặn nồng, chua chát. Đêm về trong ngôi nhà trọ trống trước trống sau, gió về lạnh buốt, chiếc gối đầu đã thấm ướt biếc, bao giòng lệ tủi. Nhưng con không trách gì số phận của con vì con đã từng nguyện sống trọn cuộc đời với áo thô, cơm bạc nên con vẫn vui trong nghèo khổ.

Sung sướng làm sao được hở mẹ, khi quê hương còn xơ xác vì đã là chiến địa của những ngày tao loạn. Một vài vết tích của bom đạn ngày xưa còn sót lại đâu đây. Những vết loang lổ đau thương vẫn còn hiện rõ trên những bức tường chệnh vên của những ngôi nhà đổ nát. Người ta đứng dung qua lại, coi đó như những đên dài cổ xưa mà thời gian đã phôi pha năm tháng. Riêng con, con không vô tình với những vết hằn thương đau đó, nhưng con muốn quên đi những ngày rùng rợn nhất vì đó là những kỷ niệm mà con không muốn nhắc lại.

Nhưng hôm nay, con không còn vô tình nữa, một cuộc chiến ác liệt hơn ngày xưa đang trở lại tàn phá quê hương. Và lần này chính con lại phải tham dự vào cuộc chiến này. Con nhập ngũ với một tâm hồn trống rỗng không vui

mà cũng không buồn. Sờ dĩ con không về thăm mẹ trước ngày đi, vì con không muốn thấy những giọt nước mắt của mẹ khi tiễn con.

Đoàn xe về trại, chạy qua nhiều đường phố, khách hai bên đường nhìn vào với đôi mắt xót xa, ái ngại. Phải chăng họ thương hại cho những chàng trai đi vào cái chết chóc khôn nạn. Con bỗng nhiên ứa nước mắt. Không hiểu vì sao con cảm xúc như vậy. Có thể con xót thương cho đất nước này hỗn loạn, tang tóc, cho dân tộc này tủi nhục, đau thương. Và có thể, con xúc động vì một nguyên do nào đó nhưng chắc chắn không phải là thân phận bị đất của con.

Thế là con già từ những ngày lang thang trên phố vắng, những đêm buồn bã ở đô thị. Trời không lạnh lạnh mà vẫn thấy tê buốt da thịt, trời không mông mênh để

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

Dùng midol

1360/BX/DPDC

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

lòng dâng lên siêu việt. Trời nặng nề trong đe dọa lo âu và con gục đầu vào cổng trại quân trường.

Những tháng ở quân trường với bộ đồ trận xanh, hình như con người của con bỗng nhiên khác hẳn. Nói như vậy, không có nghĩa là con người của con biến dạng. Con vẫn còn nếp suy tư, những tâm tình những thắc mắc cũ... Nhưng tất cả cuộc sống tình cảm cũng như cuộc sống vật chất đang bị một cơn nhào nặng trĩu dội. Con đang cố giữ lại những nếp sống xưa mà cuộc sống mới đã làm phai nhạt ít nhiều.

Con không còn đọc sách mỗi buổi tối, không còn thói quen đi dạo mát trên con đường mòn lóm chòm đá vào những buổi chiều tắt nắng, không còn ngồi một mình trên bãi vắng để trầm tư cái mệnh mông của biển cả. Đời sống quân ngũ không cho phép con mơ mộng nhiều nữa, nhưng đời sống này tạo cho con tin tưởng vào sự huyền nhiệm của Thượng Đế. Con hy vọng cái nhìn của con sẽ không lệch lạc khi đứng trước một tập

thể người đã được lột trần ra để áo chói lợi đẹp đẽ. Con vẫn hằng mong sẽ không bị lệch hướng cũng như con vẫn còn hy vọng nơi cuộc đời này vài bông hoa để tô điểm cho cuộc sống thêm linh hoạt.

Mẹ ạ, những ngày đi trên bãi mang nặng trên vai những quân trang chiến trận, con thấy mệt nhọc quá. Không phải mệt nhọc vì đường xa gánh nặng mà mệt nhọc nhiều vì đường lối một quana niệm.

Những buổi chiều nhiều gió, con thường lên vọng gác đứng nhìn ra chân trời heo hút. Từng đàn chim bay về, phản chiếu ánh trời chiều như giải lụa bạch phất phơ trước gió. Ánh nắng nhạt màu lơ lơ vơi vơi trên giải đất mệnh mông, con cảm thấy xót thương vô vàn mênh mông đất diên linh này và tự hỏi không biết đến bao giờ người dân Việt mới an hưởng một nếp sống thanh bình.

Ngày mản khóa, con phải dời đi xa. Nhưng dẫu con ước muốn là dừng trực tiếp giết chóc. Con đã thỏa nguyện. Ngành quân y chắc bao giờ cũng vẫn còn sự bao dung

trong khung cảnh đầy sát khí này. Phù hiệu quân y tuy đỏ lờm màu máu, cũng còn ít nhiều thiện cảm đối với những người chung quanh và ít nhất cũng không làm cho lương tâm con cần rứt và đau khổ.

Tám tháng qua, con bị ràng buộc với kỷ luật, với cay đắng và gian khổ, bây giờ đã xa rồi những ngày thực tập mưa dầm tằm tã, những buổi rửa nắng dồ trên sân bãi, những đêm đi hành về trường dưới bóng trăng, những ngày chửa nhứt ùn ào và những giờ đi phép ngăn ngủi . . .

Từ già những thứ ấy, khoác lên vai một ba lô nặng trĩu quân trang, con dẫn thân vào một cuộc chiến gây go và khốn khổ. Con đi với một tâm hồn đã dày dặn và với bộ quân phục đầy cộm, con có vẻ một con người rắn rỏi hơn trước nhiều. Nhưng tâm trạng của con vẫn là tâm trạng xưa. Việt Nam của mấy năm về trước và hiện tại đây cũng vẫn là một nước Việt Nam với bầu khí ngột ngạt, với lính tráng chật phở

phương. Việt Nam không có gì thay đổi, thì con lấy gì làm tiêu chuẩn để đòi thay cho một ý nghĩ.

Càng lang thang một mình giữa phố phường xa lạ, càng cảm thấy suy tư nhiều cho cái thân phận mình. Chưa bao giờ con thoát ra được cái vỏ cô đơn. Hình như con sinh ra đời để làm ngôi sao chổi độc hành giữa không gian bao la. Con muốn quên những ý tưởng ấy để vui sống, cố hoạt động cho hết những ngày tháng trống rỗng, nhưng hoàn cảnh vẫn bắt buộc con phải sống một mình với chính mình.

Con không còn có ai hết mẹ ạ; Bọn bè xa hết cả rồi. Ngày xưa thì khấn khít nhau lắm, nhưng mỗi ngày mỗi thàng tự thấy lớn lên, tự thấy có một trách nhiệm với một cuộc đời riêng biệt, cho nên mỗi đứa đã lo tạo lấy một nơi trú ẩn ấm cúng. Và từ đó, bọn bè xa dần đi, tuy nó đã đi vào lối rẽ, còn con tiếp tục độc hành nên cảm thấy bơ vơ . . .

Con phải làm gì bây giờ? Một cuộc sống đang đi vào ngõ tắt,

một ngõ khác đang mở rộng với máu lửa và chết chóc... Không hiểu sao lúc này, con thấy không thể nào xây dựng một chuyện gì lâu dài được nữa. Mọi dự định, mọi tư tưởng như biển mất. Xung quanh con, mọi người đổ xô vào bãi bạc, rượu chè tụ họp lại để bàn chuyện gái, chuyện thời trang, chuyện hối lộ, chuyện tiền bạc và danh vọng... Con không muốn nghe những chuyện ấy nhiều nữa vì quá bức dọc rồi. Con giống như khúc gỗ bị đun trên bếp lửa, tuy im lìm đó, cũng vẫn sùi bọt, vẫn nổ lộp bộp và vẫn co rúm lại mỗi khi bị lửa cháy xém.

Con mang những tâm trạng ấy đi vào những đô thị ồn ào, lấp nập. Súng nổ, đạn rơi không làm nao lòng dân đô thị. Vẫn còn đó những cảnh cũ, và vẫn còn những người hình như chưa hề biết đến thực trạng của đất nước. Vẫn còn thấy đây đó những quân nhân viễn chinh, những cô gái phấn son, những tên lưu manh đang điếm.

Với những ngày bơ vơ trên xứ lạ, những đêm bay thức trọn mùa sương, những tối đơn độc

nằm thao thức nghe cái đêm rét buốt từ trên mái tôn chuyền xuống, những giờ phút tham dự vào cái đau thương của đất nước này, con thấy có nhiều hứng thú say mê vì nó hợp với một con người đã chọn nghiệp giang hồ như con. Phải rồi mẹ ạ, con đã đi và đi nhiều lắm.

Con đi qua những đồng ruộng xanh rờn; thoải mái,, nhìn cánh cò trắng bay mà tưởng chừng thanh bình trong thôn xóm, những đoạn đường đèo quanh co, ngoằn ngoèo, bên thì vách núi chênh vênh bên thì đời thông hiu hắt, những khu rừng rậm rạp, những đoạn đường bị đào phá, tay ôm chặt khẩu súng, nghe nhịp tim nháy với từng vang động của núi rừng. Con mang những hình ảnh hai bên đường, những nương chè, đời thông, những đàn xù, lớp còi, những bầy bò thong dong, những đồng cỏ bát ngát, những thị trấn xác xơ nằm dài theo lộ, những bộ áo bạc phơ màu bụi, những mùi nghẹt thở của chiến tranh những đối kháng, hồi hộp và mỗi

đi vào thành phố với một nơi buồn mênh mang khó tả, Rồi con mang nỗi cô đơn đi vào đêm lạnh buồn thành phố buồn lặng như sự buồn lặng của con theo những con đường đời dốc quanh co. Con trở về đơn độc vào khuya, nghe hồn thắm lạnh thao thức chờ sáng lên đường...

Chuyện của con buồn quá phải không mẹ nhỉ? Chỉ có ra đi, đau khổ và cô đơn. Và rồi, có một lần trong những chuyến đi ấy, con không tránh khỏi thảm họa của chiến tranh. Con bị thương nặng và nặng lắm mẹ ạ, chắc không qua khỏi. Sự vô tình đã xui khiến thế nào mà con lại được đưa về nằm nơi bệnh xá mà khi xưa, chính ở nơi đây đã làm y tưởng siêu Việt. Và cũng chính nơi đây, chiều hôm nay con thấy

hiều, đám mây trắng non, trời ngoai chân trời xa và thấp đầu xuống đôi hàng me rậm mát chạy dài trên con đường sỏi đá.

Con còn cảm thấy nhớ đâu đây một cái gì—một con đường vắng, một chiếc lá rơi, một cái bóng ngả dài trong đêm. Ôi, con đường mùa trái đá sao cứ nhạt dần đi... Bầu trời như trùn thấp xuống và vùng bóng tối chụp lấy con. Hy vọng lóe lên như một đóm lửa đơn độc, rồi tắt ngấm trong màn đêm. Không còn một cái gì có thể nhen nhúm trong lòng con nữa hết—dù là một cái hôn sưởi ấm hay một tia mắt truyền cảm. Đã tàn rồi, một tâm hồn cô đơn, một tấm lòng sùi sụt nóng và một con tim ngập tình thương cảm.

Thôi, con đành cam phận vậy và vui mừng mà vĩnh biệt cõi trần. Tội nghiệp cho mẹ, đêm



midol

1380/897/8000

tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



hôm khuya khoác, cặm cũi vá lại chiếc áo ấm gọi cho con mặc trong mùa lạnh sắp tới. Chiếc áo này chưa ấp ú được con thì lại trở về tay mẹ nước nỏ, trống không.

Mẹ ơi! Con nhắm mắt mà chưa đáp ứng được tiếng gọi huyền bí của ngày xưa mỗi khi đi qua bệnh viện này. Con nhắm mắt mà con

tim con nghẹn ngào khi thấy thiếu sót một hình bóng lặng lẽ, một khuôn mặt già nua và hiền từ của mẹ.

Chào ôi! Cou lạnh lẽo giữa khung trời ấm áp. Phòng bệnh buồn tênh vang lên những tiếng cười vui bên kia đường. . .

SO-LI ●*

Thuyết nam, nữ
bình quyền phát
sinh từ đâu?

Đông hay
Tây?

Do ai đề xướng?

★ LÊ-THỊ CẨM-CHÂU



Nghiên cứu lịch sử nhân loại ta thấy rằng, từ khi chế độ phụ hệ được kiện toàn đem người phụ nữ bán số quốc dân và nhân loại thành lớp người phụ thuộc. Nhất là NHO giáo, người đàn bà lại càng bị coi rẻ hơn. Nào là « phụ nhân nan hóa », nào là « Nữ hữu tam tông », nào là « nhất nam viết hữu, cửu nữ viết vô ».

Nhưng rồi ở bên Tây phương, sau cuộc cách mạng Pháp 1789 thuyết Nam nữ bình quyền ra đời. Hiện nay không phải ở Âu Mỹ mà, chính ngay ở Việt nam người phụ nữ đã hoàn toàn bình đẳng với nam giới về mọi mặt, kể cả mặt quân sự.

Nhưng để trả lời về câu hỏi. « Chủ thuyết nam nữ bình quyền phát sinh từ đâu? Đông hay Tây? Do ai đề xướng? » có lẽ không một ai không trả lời rằng: Chủ thuyết này phát xuất từ Âu Tây, do một nữ chính trị gia người Đức, tên là Karliefneft đề xướng từ trung diệp thế kỷ 18. Được thể hiện vào cuộc đại cách mạng Pháp 1789. Còn ở Á châu nói chung, Việt nam nói riêng mới được hấp thụ trong những năm gần đây nhất.

Theo chỗ chúng tôi được nghiên cứu, thì chủ thuyết Nam nữ bình quyền này không phải phát nguyên từ Tây phương mà là Đông phương, mà cũng không phải bà Karliefneff người Đức mà là ông Ngô Kinh Tử người Tàu. Ông này sinh trước bà Karliefneff gần một thế kỷ.

Chủ thuyết Nam nữ bình quyền của Ngô tiên sinh đã được ông trình bày tường tận trong bộ sách «NHO LÂM NGOẠI SỬ» của ông.

Người Trung Hoa biết phát minh chủ thuyết này gần một trăm năm trước Tây phương, ấy thế mà gần đây người Trung Hoa lại mới bắt chước Tây phương để thực thi chủ thuyết này trong đời sống Gia đình, Quốc gia và Xã hội !

Phải chăng học thuyết Nam nữ bình quyền của Ngô Kinh

Tử đã bị bọn hủ nho thủ cựu bóp chết ngay từ lúc Tiên sinh mới đề xướng ?

Còn nói thực hành « Nam Nữ bình quyền mà không cần « lý thuyết » thì chính là Bà Trưng Trắc của nước Giao chỉ nhà ta đã « Nữ quyền » trước tiên hết trên toàn thế Thế giới, Nhưng sử dĩ thế giới không biết đến, cũng tại các ông « Triết » nhà Nho cố tình dìm đi.

Cho nên đối với chị em ta ngày nay « Nam Nữ Bình Quyền » chẳng phải là chuyện phát minh mới lạ gì.

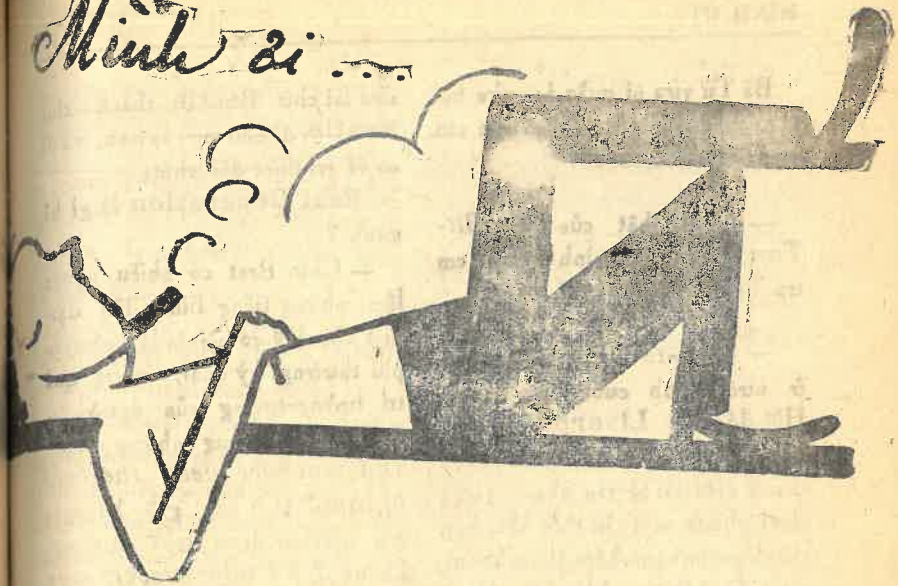
Phải không các bạn ?



Điêu midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/ĐPDC

Minh di ...



« **Tứ - Quái**
BEATLES
là cái quái gì »



Diêu Huyền

Bà Tú vừa úi quần áo, vừa hỏi Ông Tú đang nằm ngửa trên sàn nhà, hút thuốc :

— Nghĩa thật của chữ *Beat-Ton* là gì, hả mình ? Sao em tra Tự điển không có ?

— Danh-từ đó mới xuất hiện ở nước Anh cuối năm 1959. Hồi đó, tại **Liverpool**, một hải-cảng lớn ở Anh, có bốn cậu thanh niên tài tử tân nhạc, 3 cậu chơi ghi-ta, một cậu thổi kèn, hợp thành một nhóm. Một nhóm không tên tuổi. **Liverpool** lúc bấy giờ có hàng chục nhóm như vậy, mỗi nhóm đều đặt riêng cái tên, lấy tên một con vật, như nhóm «*Con dê*», nhóm «*Con ve-ve*», nhóm «*con chích-chòe*» nhóm «*con cu-cu*», v.v...

Bốn cậu này kiếm mãi mới được một cái tên : «*Nhóm con Bọ-hung*», **The Beetle**, do cậu John tìm ra, đề nghị ba cậu kia «*All right !*» Nhưng các cậu sức nhớ ở bên Mỹ đang được thịnh hành phong trào **Beat Generation** (Thế hệ Bít) liền đồng

sửa lại chữ **Beetle**, thành chữ **Beatle**, đề cho mới lạ hơn, và để có vẻ trí thức đôi chút.

— **Beat Generation** là gì hả mình ?

— Chữ **Beat** có nhiều nghĩa lắm, nhưng tiếng Bình dân đặc biệt của Mỹ có nghĩa là : chuyên phi thường, kỳ quái, vượt quá trí tưởng-tượng của người ta, thí dụ như trong những câu : *Did you ever hear the beat of that ?* (Có bao giờ bỏ nghe nói chuyện động trời như vậy không ?), *I have never seen the beat of it !* (Trong đời tôi chưa hề thấy chuyện như thế bao giờ). Vào khoảng năm 1954, ở **San Francisco** là một thành phố «*tạ-pi-lù*» nhất của Mỹ, nơi tụ hội đủ các thứ người của đủ các nước trên Thế giới, có một nhóm văn-nghệ-sĩ trẻ có tư-tưởng mà họ tự cho là phi thường, tân-kỳ, cách biệt hẳn xã hội hiện-đại, họ đã kích và phủ nhận tất cả những cái gì gọi là thành kiến, thủ-tục, truyền thống v.v... của xã hội đã có sẵn từ trước đến giờ, họ đã phá tất cả nhưng không cần xây dựng lại cái gì cả. Nhóm đó tự

cho họ một chiều bài văn nghệ mới là **Beat Generation** (Thế hệ đã phá, oán hận, thoát ly, công thức v.v...) do ba nhà văn trẻ tuổi này lập ra : **Clellon Holmes**, **Allen Ginsberg**, **Jack Kerouac**.

Do danh từ tổng quát «*Beat Generation*» đó, (một nhóm văn-sĩ và Thi sĩ trẻ của Mỹ ở **San Francisco** và hạt mạng, bắt chước theo chữ *Sputnik*, tên chiếc vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Nga vừa được phóng lên quỹ-đạo Trái Đất, liền đổi chữ **Beat** thành ra **Beatnik** (Bít-níc) để cho có vẻ tân-kỳ như *Sputnik*.

Từ đó, vào khoảng **1957**, xuất hiện danh từ **Beatnik** để chỉ những văn nghệ-sĩ trẻ của Mỹ hưởng ứng phong trào **Beat Generation** (Thế hệ Bít) thường nhóm họp tại các tiệm cà phê trong xóm bình dân **North Beach** ở **San Francisco**, và **Greenwich-Village** ở **New York**.

Họ mặc áo quần rằn-ri, cù lẳng, bê bối, hoặc **blue-jean** phai màu, rách vá sơ mi shirts lờ-loẹt đủ

màu và giày bằng vải bố cũ mòn, bẩn thỉu, Để cho khác người hơn nữa, họ để râu kiềng xồm-xoàm, tóc rối bù không bốt, không chải.

Họ đã kích văn minh Tây-phương, họ chủ trương theo «*Phật-giáo nguyên-thủy*», (nhưng sự thật thì không phải là **Phật-Giáo** chính-tông, mà là bà-la-môn pha lẫn cả **Phật**, cả **Zarathoustra** !)

Họ đã tụ họp tại các tiệm cà phê tiệm rượu, nói tiếng Mỹ bằng đủ các giọng người da trắng, da đen da vàng, họ ngâm thơ, đọc những đoản văn của họ sáng tác, phê bình, la lối, thảo luận âm-i về các vấn đề chiến tranh, hòa bình, triết học, nhân sinh v.v., Suốt đêm, bằng đủ các thứ tiếng lóng mà người ngoài không hiểu.

Do hai danh từ **Beat Generation** và **Beatnik** mới lạ đó của Mỹ mà 4 cậu thanh-niên tài-tử tân nhạc ở thành phố **Liverpool** của Anh mới đặt ra chữ **Beatle**, biến thể của chữ **Beetle** (con bọ-hung) mà họ đã dùng lúc ban đầu, để làm bằng chiều hàng cho ban nhạc sơ khai của họ.

(Từ trái qua phải)



Richard Starkey (Ringo)

John Lennon

Nói chuyện cho bà Tú nghe đến đây, ông Tú đứng dậy, xô chân vô đôi dép. Bà Tú ngừng mặt, hỏi :

— Mình đi đâu đó ?

— Anh đi kêu cô Tám bán cho mấy cái hột vịt lộn. Rồi anh đi nấu nước sôi pha trà uống. Khát nước quá.

— Mình chờ em ủi đồ xong, em đi mua cho mình, và em pha trà luôn. Em ủi cũng gần xong. Mình nói hết vụ Bít-ton cho em nghe đi đã, nhen mình ?

— Anh giảng chữ Beatle thế là quá đây đủ lắm rồi.

— Mình chưa nói gì hết về 4 chàng Bít-ton. Họ làm trò trống gì mà tiếng tăm lẫy lừng khắp thế-giới ? Mà Nữ-Hoàng Anh lại tặng huy chương cho họ ? Mình lại ngồi gần em, nói cho em nghe nữa đi Minh. Chóng ngoan rồi em kêu cô Tám hột vịt lộn...

Ông Tú tủm tủm cười, đến gần bà. Bà Tú nựng chồng :

— Mình nằm xuống đây, gối đầu lên đùi em nè.

Hai tay dịu dàng, Bà ôm đầu ông Tú đặt lên đùi bà. Bà cúi xuống hôn trên trán ông, rồi hỏi :



George Harrison

Paul Mc. Carthney

— 4 chàng Bít-ton đó tên là gì mình ?

— Lúc mới thành lập, cuối tháng 12 năm 1959, nhóm Beatles gồm có :

— Paul James Mac Carthney.

— John Winston Lennon,

— George Harrison,

— Stuart Sutcliffe.

Nhưng đến năm 1962, Beatles vẫn chưa được nổi tiếng, và

họ mất một người : Stuart Sutcliffe bị bệnh đứt gân máu, chết ở bệnh viện Hambourg, bên Đức. Một cậu khác được thay thế. Richard Starkey, biệt hiệu là Ringo, cậu này chuyên môn đánh trống.

— Mình biết lai lịch, tiểu sử của họ không ?

— Paul Mac Carthney. Sinh ngày 18-6-1942, tại Liverpool, mặt tròn, chuyên về soạn nhạc và đánh ghi-tar. Mẹ là Nữ Y tá ở một bệnh viện

tư. Bỏ trước kia cũng là trưởng ban nhạc nhỏ nhỏ ở Bar Rag Time, 14 tuổi Mac Carthney đã lên sân khấu chơi bản nhạc «I lost my little girl».

John Winston Lennon, sinh ngày 9-10-1940 tại Liverpool. Ngày sinh thành phố bị phi cơ Đức ném bom cho nên cha chàng đặt tên đệm *Winston* để nhớ ơn ông Winston Churchill. Chuyên môn soạn nhạc và chơi ghi-tar, cha làm lính hải quân. Lúc John 18 tháng, cha mẹ ly dị nhau, John được bà cô tên là Mimi nuôi. Năm 16 tuổi, được mẹ mua cho chiếc ghi-tar, cậu phải giấu vì bà cô cấm chơi nhạc. Lén đem ra ngoài đường chơi, không học nhạc nhưng đã có máu nhạc sĩ vì ông nội trước kia cũng là một nhạc sư nổi danh,

Ngày 15-1-1956. John 16 tuổi gặp Paul Mc Carthney 14 tuổi do một bạn học giới thiệu. Hai cậu đánh ghi-tar tại nhà bạn, ăn ý với nhau lắm rồi uống rượu say mửa cả nhà.

George Harrison sinh ngày 25-2-1943 tại Liverpool, mắt màu

nâu, gương mặt dài. Con thứ tư của gia đình lao động, cha làm tài-xế xe Autobus. Không có khiếu về âm nhạc, nhưng 14 tuổi cứ thích vẽ đờn ghi-tar. Ngồi đâu cũng vẽ đờn ghi-tar. Mẹ thấy thế, mua cho một chiếc ghi-tar lạc sơn hôm lễ sinh nhật. Cậu bỏ chiếc đờn vô học tủ, ba tháng sau tự nhiên một hôm lấy đờn ra thừ. Không học nhạc bao giờ, nhưng đờn hay. Có thằng bạn giới thiệu, George nhập bọn với John Lennon và Paul Carthney : Cả ba cậu bé tâm đầu ý hợp rủ nhau lập nhóm Beatles với người bạn thứ tư, Stuart Sutcliff như đã kể lại lịch lúc nãy. Stuart chết ở Đức năm 1962, được Ringo thay thế cho đủ tứ quái. Ringo, tên thật là **Richard Starkey**, sinh ngày 7-7-1940 tại Liverpool. Mắt xanh. Chuyên môn đánh trống. Ba tuổi, cha mẹ ly-dị. 6 tuổi bị đau nằm nhà thương 12 tháng, 13 tuổi lại bị sưng phổi nằm nhà thương 24 tháng.

Lành bệnh, làm phu ở số hóa xa, được 6 tháng bỏ việc, xin làm bồi bar trên một chiếc tàu thủy. Một đêm dạ hội, say rượu, chủ ông chủ tàu, bị đuối. Về nhà lao

này mới đi học, tập viết, tập đọc. Mê nghe trống của các ban nhạc trong thành phố. Mua một đàn trống để tập đánh chơi, không ngờ đánh hay. Nhập bọn với Beatles cuối năm 1962. Lúc đầu tụi bạn thấy chàng ưa đeo nhẫn dây mấy ngón tay, gọi chàng là Rings. (cà-rá) Sau đổi lại Ringo nghe hay hơn.

Bà Tú ngưng bàn ủi, hỏi :

— Như thế thì cuối năm 1959 tụi nó lập nhóm Beatles, Paul Mac Carthney chưa đầy 17 tuổi, John Lennon chưa đầy 19 tuổi, George Harrison mới 16 tuổi, Ringo 18. Chưa cậu nào đỗ bằng Trung học, Ringo thì mới biết đọc biết viết, thế mà 3 năm sau chúng đã nổi danh, lừng lẫy như thế giới, trở thành những triệu phú, tỷ phú, lại được Nữ Hoàng Anh Elisabeth II tặng huy chương Anh quốc

Bội-tinh là nghĩa làm sao, là mình ?

Chúng nó tài giỏi siêu việt ở chỗ nào ? Em không hiểu nổi !

Ông Tú ngồi dậy, ngó chiếc mền lót ủi đồ, cười bảo :

— Ê coi chừng bàn ủi nóng nghe em ! cháy cái xi líp kia !

Bà Tú vội vàng tắt nút điện và để đứng bàn ủi. Ông Tú chăm thuốc hút :

— Nếu em muốn, anh sẽ kể hết lịch sử Beatles. Em sẽ hết ngạc nhiên vì đó là một triệu chứng của thời đại.

Năm 1960, nhóm Beatles tiêu-tốt vô danh đó biểu diễn trong thành phố Liverpool, bị thất bại hoàn toàn. Chúng kéo qua Hambourg, 1 thành phố của nước Đức, do một chủ bar hướng dẫn với ý định

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dũng midol

1360/BVT/ĐDDC

khai thác một phong trào thanh niên, có thể làm ăn được.

Danh từ Beatles hoàn toàn mới lạ, bốn cậu thanh niên Anh, mang chiêu bài «Bốn Beatles», quần áo loè loẹt dị-kỳ, tóc buông phủ cả tai, cả ót, rớt bẻ bõixuống trán, nhưng nét mặt trai-trẻ, hồn nhiên, khả-ái, nhẩy nhót trên sân khấu, tay vừa dòn, vừa múa, chân dậm rầm-rầm trên sàn, một cậu đánh trống ba cậu gảy đàn ghi-tar, cùng ca tập thể những bản rớt át, như «Sweet little Sixteen», «My Bonnie», và kịch động như «Roll up! Roll up!», thì chắc chắn là lời cuồng được đám thanh niên thiếu nữ Đức đang khao khát cái Der Hochdruck, Das Fieber...

Nhưng trái lại, bao nhiêu dự tính của nhóm Beatles đều sai hết vì thành phố Hambourg đầy rẫy những du đảng, bọn này phá phách không cho bọn «Teddy boys» từ nước Anh qua tranh giành địa thế. Mặc dầu vậy, 4 cậu Beatles cũng quyết trở tài và tỏ ra rất «chì» lời cuốn được một số đông nam nữ học sinh, nhất là từ 16 đến 20 tuổi.

Nhưng vừa đến lúc gây được đôi chút tiếng vang thì bị nhà cầm quyền Đức can thiệp. George bị trục xuất vì Thanh Tra Lao động xét cậu chưa được 18 tuổi. Paul đang ngủ trong rạp ciné «Bambi» rủi đêm đó rạp bị cháy, cậu bị bắt giam rồi trục xuất. John không có tiền về, phải nhờ một cô gái Đức mẹ cậu mua cho cậu vé máy bay. «Tứ quái Beatles» về đến Liverpool, không còn một đồng xu, quần áo tả tơi, mặt mày thiếu nào.

Nhưng một tháng sau, ngày 27-12-1960 họ lại trình diễn tại khiêu vũ trường nổi tiếng nhất của thành phố Liverpool là Utherland Town Hall. Nhờ những tức tối nhục nhã ở bên Đức, nhờ tính hăng máu anh hùng của tuổi trẻ, nhờ những kinh nghiệm rút được trong các cuộc biểu diễn ở Hambourg, lần này Tứ quái Beatles thành công. Họ gây được không khí sôi động trong đám đông khán giả, đến nỗi dễ xảy ra một cuộc náo loạn giữa hàng nghìn nam nữ vị thành niên say mê tranh giành «Tứ quái Beatles». Bất ngờ họ đã tạo được giọng nhạc kịch động mới lạ, đặc biệt Beale, gọi

Thủ nghi vô tội
Nhữ phản chỉ chi
Bỉ nghi hữu tội
Như phục duyệt chi

Tạm dịch ;

« Người ta có ruộng đất, mầy lại chiếm mất đi, người ta có con người, mầy lại cướp mất đi, người không có tội, mầy lại bắt giam, người có tội lỗi mầy lại o bế mơn trớn.

Những hiện tượng trên đây là thực trạng rối reng bình hòa của thời đại Xuân thu, mà nhân dân vô cùng ghê tởm chán ghét, đã được Kinh Thi ghi lại trong những bài thơ trên.

KẾT LUẬN

Tại sao Khổng Tử san định Kinh Thi ?

« Ta từ nước Vệ trở về nước Lỗ. Vậy sau Kinh nhạc mới chính và thiên Nhã thiên Tụng trong Kinh Thi mới xếp đặt đầu ra đây » (Ngô tự về phân Lỗ, nhien hậu Nhạc chính Nhã, Tụng các đặc kỳ sở).

Trên đây là lời nói của Khổng Tử, sau 14 năm chu du 70 nước chu hầu, quyết tâm hành đạo.

Nhưng tới lúc này, Ngài đã biết không thể hành đạo bằng biện pháp chính trị để cứu vớt nhân dân đương thời. Ngài mới chuyển sang việc trước thur lập ngôn, đề hành đạo lại hậu thế. Vậy thì việc san định Kinh Thi cũng một trong những công-tác đó.

Theo ý kiến Khổng Tử, mỗi câu thơ là mỗi minh dẫn về đạo lý. Vì vậy, Kinh Thi là một bộ sách giáo khoa thiết yếu trong Khổng Học, và cũng theo Khổng Tử, Kinh Thi là một công cụ khá quan trọng trong văn-học, trong giáo dục. Có thể có nhiều người sẽ hỏi lại: Kinh Thi chỉ là những bài thơ cũ hợp tuyển lại, sao nó lại có một tầm quan trọng đến thế ? Đề trả lời câu hỏi trên đây, chúng ta phải truy cứu tới quan niệm của Khổng Tử về thi ca, hơn nữa về nghệ thuật nói chung. Nguyên lý của Khổng học cho rằng : con người có thể nhờ giáo hóa để trở về tính bản thiện của con người do bản năng thiên phú.

Tìm hiểu

TÀO-THÁO

● NGUYỄN-QUANG-LỤC

Chúng ta xem Tam quốc chí diễn nghĩa, nhận rằng bộ tiểu thuyết ấy thuộc loại luận đề (roman à thèse). Ở đây nhà văn La Quán Trung đã đặt Lưu Bị vào vai chính trong thế chia ba chân vạc, và then chốt hưng khởi nhà Hán đều đặt cả vào bậc kỳ tài là Không Minh Chư Cát Lượng.

Không Minh đã được là ngôi sao Bắc đẩu, thì tay lỗi lạc nhà Tào Tháo tất phải đặt vào ngôi tiểu sinh.

Thực ra theo Chính sử Trần Thọ, đã đặt Ngụy Võ đế (Tào

Tháo) lên đầu bộ sách Tam quốc chí và quyền Tư trị Thông giám của Tư Mã Quang cũng đặt nhà Ngụy vào ngôi chính thống.

Tào Tháo quả đã giữ một vai quan trọng Vào bậc nhất trong ba nước. Vì nước Ngụy Tào Tháo đã gây dựng nên là một nước lớn nhất so với Thục Ngô, ở giữa Trung nguyên, đất đai gồm hai phần ba thiên hạ. Và Tào Tháo là bậc kỳ tài quân tuyệt cổ kim.

TÀO THÁO

Tài Chí Tào Tháo.

Theo chính sử Tào Tháo thuở thiếu thời là người cơ cảnh tức là có cơ mưu xảo trá, quyền biến, hào hiệp mà lại phóng dãng. Tào Man tuyên chép rõ ràng hơn: Tào Tháo thiếu thời thích chơi thú nhạn bay chó ruồi du dãng vô độ. Thấy tính cháu như vậy thúc phụ Tháo thường nhiều lần nói với Tung là thân phụ Tháo. Tháo lấy điều ấy làm lo.

Một hôm thúc phụ gặp Tháo giữa đường, bỗng thấy mặt cháu thất sắc, miệng méo hẳn đi. Thúc phụ lấy làm quái dị hỏi cháu làm sao như vậy.

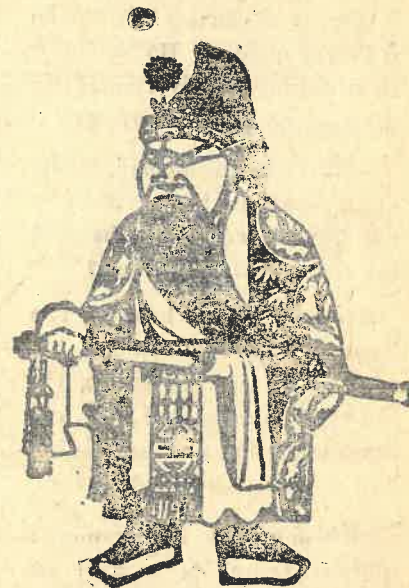
Tháo đáp:

— Cháu vừa trúng ác Phong.

Thúc phụ về bảo Tung hay, Tung kinh ngạc gọi Tháo đến hỏi Tháo mặt mày vẫn tươi tỉnh như thường.

Tung hỏi:

— Thúc Phụ vừa nói mày trúng gió, chẳng nhẽ nói sai sao?



Tháo đáp:

— Xưa nay con không hề trúng ác phong bao giờ. Chắc rằng thúc phụ ghét con nói sai lạc ra như thế.

Tung lấy điều ấy làm nghi, từ đấy về sau, thúc phụ có mách điều gì, Tung không tin nữa. Tháo từ bấy giờ được tha hồ phóng túng.

Xem vậy Tào Tháo thuở bé là trẻ mắt dạy. Hay nói cho văn vẻ là vô giáo dục.

Vậy mà về sau này Kiền Huyền ở Lương quốc và Hà Ngung ở Nam dương đều lấy Tháo là bậc dị nhân, có bảo Tháo rằng:

— Thiên hạ đương loạn, không có tài mệnh há không Sao cứu nổi. Vậy thì có tài an bang thế thế chẳng phải là anh sao?

Như vậy chẳng hóa ra Tào Tháo đã phá cách sau này trở nên bậc kỳ tài dựng sự nghiệp lớn để lại dương thế, tài chí được hưng đức không phải bắt đầu ở khuôn khổ gia đình?

Lịch sử quả đã chứng minh: những bậc anh hùng xuất xứ phần nhiều vượt mức thường tình. Napoléon thuở bé là một đứa trẻ nghịch ngợm, đến nỗi gia đình phát ghét. Alexandre le Grand đã một phen xúc phạm với cha, đã châm biếm cha bằng những câu cay độc JJ. Rousseau Gorki thuở nhỏ là những đứa trẻ du đàng v.v... Những bậc thiên tài này đã chịu cái tú khí của Trời đất là của gia đình.

Tào Tháo sau này quả là bậc thông minh quán tuyệt. Năm 20

tuổi đã đỗ hiển hiem, Oanh tiếng đã lừng lẫy.

Về văn tài, Tháo là người học rất rộng xem rất nhiều sách. Bậc vật chí của Trung Hoa chép: «Đời Hán an bình bọn văn sĩ như Thôi viện, con là Thúc cùng Hoảng Nông Trương Chi đều giỏi về tài làm sách Thái tổ gần ngang bọn ấy».

Tháo còn giỏi về nhiều nghệ thuật khác như về âm nhạc ngang với Hoàn Đàm, Thái Ung, về cờ tướng (vi ý) ngang với Phùng Đục Quách Khái, biết giảng giải về phép làm thuốc, chiêu dẫn cả bọn phương thuật.

Tháo là người rất khỏe, thường lên vào nhà trung thường thị Trương Nhung. Nhung biết, Tháo hoa quyền đánh ngã Nhung ở sân, rồi lại nhảy qua tường đi ra, tài vũ là bậc tuyệt nhân không ai hạ nổi. Nhưng Tháo chỉ thích riêng nghiệp võ, thương sao tập binh pháp các nha võ, thành một quyền gọi là «Tiếp yếu» lại chú thích «Mười ba thiên binh thư» của Tôn vũ. Những

sách này còn truyền lại hậu thế.

Như vậy Tào Tháo là bậc văn võ toàn tài, câu «bỉ sắc tư phong» không còn đúng nữa, hóa công đã hoang phí cho Tháo nhiều quá.

Ngụy thư ca tụng.

• Thái tổ từ khi thống ngự bốn bề, diệt bọn di liên, quần xú, hành quân dựng sự đều theo phương pháp Tôn, Ngô. Lâm vào việc, thiết lập kỷ sách quý kể, biến hoá như thần tự mình làm ra quyền binh thư gồm hơn 100.000 lời. Chư tướng đi chinh phạt đều lấy quyền ấy làm tân thư...

... Khi cùng giặc đối trận, thì ý tứ an nhàn như không muốn chiến đấu, kịp khi quyết cơ thừa thắng thì khí thế dõng dạc

cấp tốc như gió táp mưa sa. Hành quân không bao giờ vì may rủi mà được thắng trận ...

Bởi vậy. Vương mới gây được nên đại nghiệp như vua Văn vua Võ. Vương cầm binh hơn 30 năm trời mà tay không lúc nào rời quyển sách. Ngày giảng về vũ lược tối nghĩ về kinh truyện, khi lên cao thì ngâm thơ phú có tạo tác ra một quyển tân thư rất đầy đủ ...»

Con người đã có tài lớn lao như vậy, nhờ nào chẳng gây nên sự nghiệp lớn lao? Chỉ đáng buồn rằng sự nghiệp lớn lao của Tháo đã ghi một vết đen trong thanh sử.

Người ta nhớ lại bởi Tháo còn nhỏ tuổi thường hỏi Hứa Tử Trương:

— Tôi là người thế nào?

Tử Trương không đáp. Cổ hỏi mãi. Tử Trương đáp Người vào

Dũng midoi

1360/XT/PPDC

Vị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

đời binh trị có thể làm bề tôi, nhưng vào đời loạn làm kẻ gian hùng (Tử trị thế chi năng thần, loạn thế chi gian hùng).

Thảo về sau quả đã gây sự nghiệp gian hùng trong cơn loạn thế. Nhưng bắt đầu xuất chính phải đầu Thảo không muốn trung lương, Thảo đã một lòng phụng sự.

Vào thời loạn lạc, triều cường đồ nát, có người lấy làm lạ sao Thảo không đóng vai gian thần từ thuở sơ khai mà rõ ràng bấy giờ người ta chỉ thấy Thảo là bậc trung thần. Khi được bổ đi làm quan úy tử Lạc dương đã ngang nhiên lư roi ngũ sắc trị tử môn. Khi âm nghị lang. Thảo đã can đảm dâng sớ than oan cho bọn Phồn Vũ. Khi đi làm quan ở Thành dương Thảo đã can đảm diệt cường hào và dâm tư.

Hành động cương trực không sợ thù oán, lời biếu tấu thanh nghị đáng lên không sợ mất đầu tỏ rõ cả chí khí hào hùng của người trung liệt. Vì chàng Thảo sớm chết từ ngày ấy, thì thi thư đã hết lời xưng tụng, hậu thế không ngớt ngợi khen. Nhưng Thảo còn sống để tỏ rõ chương của mình.

Về sau này Thảo bị tiếng gian hùng phải chăng Thảo phụ thời thế hay thời thế đã phụ Thảo Phải chăng kẻ gian hùng chỉ là con ngựa bất kham không gặp tay kỵ mã giỏi.

Xưa kia con ngựa Bucéphale là con ngựa bất kham, cả triều đình vua Philippe không ai trị nổi đều cho là con ngựa bỏ đi, nhưng khi nó gặp Alexandre đã thành tuấn mã

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.T/300C

Ngàn xưa đã bao người thờ dài ngậm ngùi với câu «sinh bất phùng thời» và biết bao người đã ngậm ngùi nhỏ giọt lệ thương Cao Bá Quát!

Nay ta đem chí khí của Tào Thảo so sánh với Khổng Minh, buổi sơ khai thi cũng thấy hai người giống nhau ở điểm trung lương, tuy rằng mỗi người xuất xứ một khác: Khổng Minh sinh sau Tào Thảo vào buổi末 vận của nhà Hán, nên đành đóng vai ẩn sĩ đợi thời. Tào Thảo sinh trước Khổng Minh vào thời đại nhiều nhưng sơ khởi thi cũng xuất chính để tận lúc không phù Khổng Minh phải nằm cao ở Long trung ngậm thơ Lương phụ thi Tào Thảo đã dâng biểu mấy lần để thức tỉnh triều đình hôn ám.

Nghĩa trung lương có khiếm khuyết ở con người như Thảo đâu?

Chỉ vì thời thế đã đồ nát rồi thi chỉ có người quân tử như Khổng Minh mới lấy nghĩa chính đại quang minh lập lại quý mô cho thời thế. Trái lại

con người như Tào Thảo là phải dẫm đạp triều đại để mưu đồ vị kỷ?

Hai chữ anh hùng và gian hùng tưởng như gần gũi mà thực khác xa nhau. Khổng Minh đã khoáng trương sự nghiệp bao nhiêu thì Tào Thảo đã thu hẹp cơ sở bấy nhiêu.

Nhưng một người gian hùng như Tào Thảo cố kìm hãm hữu Bài tựa Tam quốc chí diễn nghĩa đã viết: «Xem trong các sách ghi chép kế tiếp những kẻ gian hùng có trí lực đủ nắm được nhân tài lựa đối được thiên hạ không ai bằng Tào Tháo Nghe Tuần Úc nói về vương đạo mà tự tỷ mình với Chu Văn thì tựa hồ như là trung thần Truất viên Thuật tiếm hiệu là việc trái mà chỉ nguyện xưng là Tào hậu thi tựa hồ như là thuận lý. Không giữ Trần Lâm về nổi yêu tài thi tựa hồ như là khoan dung, không đuổi theo Quan công để mặc cho bảo toàn được chỉ thi tựa hồ như là đạo nghĩa Vương Đôn không dùng được Quách Phác vậy mà Thảo được

lòng kẻ sĩ hơn Vương. Hoàn Ôn không biết được Vương Mãng vậy mà Tháo biết người hơn Hoàn.

Lý Lâm Phủ có thể kiếm chế được Lộc Sơn không bằng Tháo đánh rợ Ô. Hoàn ngoài cửa ải Hàn sa Trụ đánh được Tần Cối không bằng Tháo đánh Đông Trác lúc sinh tiền.

Tam cầm quyền bình quốc gia, vấn đề nhà Hán tạm giữ tôn liêu, khác hẳn Vương Mãng hiền nhiên giết vua. Tháo cải cách mọi việc trong nước lưu sự nghiệp lại cho con thừa cơ thoán thì hơn hẳn Lưu Dự cấp tốc muốn thoán đoạt Tấn. Như vậy ta mới biết cổ kim Tháo là bậc đệ nhất gian hùng

So với lịch sử ta, những hạng gian hùng như Nguyễn Hữu Chính, Ngô thời Nhiệm chỉ là bậc hạ đẳng đối với Tháo không đang là môn đệ. Cái gian hùng của Tháo là thứ gian hùng tuyệt kỹ gần giống như trung lương cái gian hùng của Chính và Nhiệm là cái gian hùng con trẻ. Chính gian hùng khiến Nguyễn Huệ nhìn thấy cả ruột gan Nhiệm gian hùng mà phải giết bỏ bỏ mời tới được chức thị lang (sát tử phụ nhi thị lang) Cho nên Tháo về sau lập được công nghiệp lớn lao còn kẻ kia bắt đặc kỳ tử thật là phải lắm.



LỚP NHẠC FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
— Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.
Đp G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.
Ghi tên : 205/1 Cọ Giang -- Phú Nhuận

Duyệt lại văn-đề

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

nhà văn trào phúng đầu thê-kỳ XX

● PHẠM-VĂN-SƠN

Nhà thơ Trần-Kế-Xương về lập trường tư tưởng đến nay vẫn chưa được phần lớn chúng ta hiểu biết đầy đủ. Quả vậy, người ta thường cho ông Tú Vị Xuyên (Vị Xuyên là sinh quán của ông) chỉ là một nhà thơ có biệt tài trong khoa trào phúng của cận đại. Người ta chỉ nghĩ rằng ông đã thi triển được tài năng là do ông có chút tâm sự bất mãn về thời cuộc, về thế tình nhất là đã do chỗ :

«Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy» rồi thì đường tiến thân bế tắc, cảnh nhà bán bách, ông hẳn học với xã hội đương thời. Những kẻ thuộc đối tượng

ông chỉ bới trong thì văn bực rằng ông có thời gian lúc, oan hơn vì bất lực và gờn dờ, đáng lẽ ông phải ngậm miệng mà tự si v.v...

Hiệu Trần-Kế-Xương như vậy là theo những nhận xét nông cạn tầm thường hay thiển lệch nhất. Đồng ý với nhà phê bình văn học T.T. Mai, tôi nghĩ rằng người ta chưa đánh giá đủ mức con người Trần Kế Xương, n lần sinh quan và lập trường tư tưởng của ông cần được trình bày đúng đắn và tinh vi hơn mới được.

Và nói đến nhân sinh quan là

phải nói đến nếp sống, đến cử chỉ, đến hành động nó cụ thể hóa cái quan niệm siêu hình của mỗi con người. Vậy thì ca của Trần Kế Xương đã nói lên những gì về nhân sinh quan của ông ?

Cần nhắc rằng, như trên đã nói Trần Kế Xương ra chào đời năm 1870 và lớn lên giữa lúc cao trào cách mạng giải phóng dân tộc đang bột phát. Về phía tư dân, cuộc đàn áp cách mạng bản địa cũng rất gay gắt và liên diễn đến chỗ thành công. Với Hòa ước 1884, Triều đình Huế nhận đầu hàng, rồi Pháp mở rộng cuộc thống trị khắp ba kỳ, mỗi ngày một dễ dàng mặc dầu những cuộc khởi nghĩa vẫn tiếp diễn lẻ tẻ ở các địa phương từ các vùng đồng bằng lên các miền rừng núi.

Các cuộc khởi nghĩa đó là các hoạt động của Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật Đình công Tráng, Hoàng Hoa Thám. Nổi tiếp nó là các phong trào Duy Tân, Đông Du, cuộc nổi dậy của Kỳ Đồng

ngay ở bản hạt Trần Kế Xương và cả những phản ứng của các thầy khoá năm Đinh-Dậu mà họ Trần có dự phần, cũng được phát sinh vào thuở đó.

Sau này họ Trần còn gặp các cụ Phan Bội Châu, Đặng Tử Mã, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Thiện Thuật và đã trao đổi những mối tâm sự ưu quốc. Về phía tư dân Pháp cũng nảy nở nhiều biến động lạc biệt : đã có những kẻ bầy ra làm Tổng Đốc, lên Lý Thường ra làm Thượng Thư, tên lính bưng tráp lên làm Khâm Sai v.v.. (trường hợp Lê Hoa)

...Lính lâu thuở nọ tay ôm tráp Quan lớn ngày nay ngực gấn sao... (1)
và bao nhiêu kẻ đánh bầy ngày không này ra chữ nhất chữ nhị, cũng cần dai, cũng ngựa xe dưng đình.

Nếu thi hành như nhiều kẻ cái đạo Cù Lỗi, hai cái thói xù thời thì con người thông minh hoạt bát

(1) Bắc đẩu bội tình của Pháp.

như Ông Tú Trần Kế Xương sao lại không có chỗ ngồi nơi vinh hoa phú quý ?

Nhưng họ Trần không nuốt được cơm thối, canh cặn của địch, không chạy theo được cái vinh hoa nô lệ, không gục đầu vào và vào những đỉnh chuông như bao nhiêu kẻ vong bản.

Đối với nhiều kẻ đặc thời bấy giờ Trần là một kẻ gàn dở, một kẻ đầu óc ngu ngốc. Nếu ông Hoàn và (Cụ Nguyễn Khuyến) có cái tâm sự «Mẹ Mốc» thì Trần Kế Xương cũng đưa ra chú «Lan» để thỏ lộ tâm lòng tiết tháo của mình chẳng kém ai giữa đám sĩ phu bại trận.

Cụ Yên-Đỗ lấy lời «Mẹ Mốc» noi lên nhưng gì?

Tắm hồng nhan đem bôi lấm xóa nhòa,

Làm thế để cho qua mắt tục,

Sạch như nước, trắng như

ngà, trong như tuyết,

Mảnh gương trịnh vàng vạc

quyết không như,

Đắp tai ngánh mặt làm ngo,

Rằng khôn cũng kẻ, rằng
khờ cũng thầy
Khôn em để bán đại này...

Tú Xương cũng đạo lên những tiếng đàn cùng điệu gần như họa vần với bài «Mẹ Mốc» bất hủ của cụ Tam Nguyên (Cụ Nguyễn Khuyến) nội dung chẳng sai một diêm :

Phong lưu nhất ai bằng chú
Mán,

Trong anh em chúng bạn
kém thua xa,

Buổi loạn ly, bốn bề không
nhà,

Rằng chẳng nhuộm, vọc chẳng
lấy lượt là chẳng mặc,

Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vật:

Khi cà phê, khi nước đá,

Khi thuốc lá,

Khi đứng tỉnh ngồi xe,

Sự đời, Mán chẳng buồn

nghe.

Cũng với mối tâm sự này, Tú Xương tha thiết kể thêm trong một bài phú mà chú Mán vẫn được đưa ra làm trọng diêm.

làm diễn hình lập trường tư tưởng và nhân sinh quan của mình :

Kề suốt thế, đổ ai bằng anh Mán ?

Trái mũi đời khôn chán giả làm ngày

Hồ sinh gặp phải thời này,

An thân mệnh thế, dẫu tay anh hùng,

Ô danh cho dễ vẫy vùng,

Mình không phú quý, mắt không vương hầu.

Khi để chỏm : lúc cạo đầu,

Nghê ngao câu hát nửa Tàu nửa ta,

Không đội nón, chịu màu da dãi nắng

Chẳng nhuộm răng để trắng dễ cười đời,

Chốn quyền môn luôn cúi mặt ai ai,

Ngoài cương lĩnh thanh thời ai đã biết ?

Chỉ ẩm ở giả cầm, giả điếc,

Cư vui trên khi hát khi ngâm Trên đời mấy mặt tri âm ?

Đọc bài này, dĩ nhiên ai cũng hiểu chú Mán dám không ngại Tú Xương và trong giai đoạn đảng cấp sĩ phu Việt Nam thua súng đạn, tàu của Tây cũng lác đác xuất hiện nhiều nơi. Một số Mán Tú Xương mai danh ẩn tích dưới nhiều hình thức, hình thức thông dụng nhất là các ông Đồ Nghệ. Những người quan tâm đến những biến cố đất nước này ai cũng hiểu các ông Đồ Nghệ trước đó chẳng lâu là những chiến sĩ Cần Vương dưới cờ Phan Đình Phùng Tống Duy Tân lưu vong ra xứ Bắc để tránh né con mắt của quân cướp nước. Ta hãy hỏi:

— Thứ Mán gì mà lại xuất xứ ở chốn đồng bằng biết «*Hồ sinh ra gặp thời này : An thân mệnh thế dẫu tay anh hùng ? Thứ Mán gì lại biết dùng thủ đoạn «*Ô danh cho dễ vẫy vùng ; Mình không phú quý mắt không vương hầu ? Thứ Mán gì lại ngâm, biết hát, biết hỏi : «*Trên đời mấy mặt tri âm?*»**

Nhìn nhiều, thấy nhiều thì nhiên phải nghĩ, nhiều mà những

điều trông thấy thường đau đớn lòng, xã hội Việt Nam phân hóa mạnh rồi xáo trộn lung tung như trong cơn lốc. Tú Xương không khỏi bồn chồn, ray rứt như bị lửa đốt, gai chàm nên thường nảy ra những lời anti-ting nói những chữ cuồng loạn, đồng thời vẫn có những lúc bình tĩnh, nhưng lúc ông đờ đẫn bình tĩnh lại là những lúc xot xa nhiều nhất.

Ngồi không yên, đứng không yên ông chẳng đi làm cho Tây, cho Ta, chẳng buôn, chẳng bán mà cũng «*Sớm vác ô đi tối vác vè*» là bởi sao? Tâm sự đầy chán chường này đã được phản ảnh qua mấy vần thơ tứ tuyệt như sau :

*Trời đất sinh ra chán van nghề,
Làm thầy làm thợ lại làm thuê..*

*Bác này mới thật là vô ích,
Sớm vác ô đi, tối vác vè».*

Ông trác táng : nào trà, nào rượu, nào cao lâu, nhà hát, có phải vì ham vui chăng? Xin nói ngay rằng không, vì Tú Xương đã biết tự sĩ là con người ăn hại vợ đến phải bay vào tình vợ «*vuốt râu nị h ở con bu nó.*» đã biết đất này đang tan

hoang, đạo đức suy tàn «*Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo ; Nhân tình bạc thế lọ bãi vôi !* trong những cảm nghĩ về ngày Tết thì hẳn ông không có hay có thì cũng không còn bản chất ham vui nữa. Vậy mà ta thấy trong nhiều thi văn của ông, ông thường thú có những chuyện hành lạc của ông là thế nào ?

Xin thưa rằng : Có những con người sinh ra đã có tính ham vui, ham chơi Nhưng lại không thiếu gì người do lòng có những sự chán chường thất vọng mà phải hành lạc, rồi :

*«*Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Một mình mình thương mình
lại xot xa..»**
(NGUYỄN DU)

Nói tóm lại Trần Kế Xương thuộc loại dưới, đúng hơn Và

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

đây những lời tự thú sự trác
táng của ông ;

« Cho hay công nợ ầu là thế,
Mà vẫn ăn chơi suốt cả đời

« Bài bạc kiện cờ, cao nhất xừ
Rượu chè trai gái đủ tam
khoanh.

Ta lên ta hỏi ông trời,
Trời sinh ta ở trên đời làm
chi ?

Biết chẳng cũng chẳng biế
gi.

Biết ngồi nhà hát, biết đi ả
đầu,

Biết thuốc lạ biết chè Tàu,
Cao lâu biết vị, hồng lâu
biết mùi,

« Cầm kỳ thi tửu vui ra phá,
Điền sản tư cơ mấy cũng
nghèo.»

« Quanh năm phong vận, áo
hàng Tàu.

Khăn nhiễu, ó Nhật bản xanh;
Ra phố nghênh ngang, quần
tò nữ.

Bit tất tơ, giầy Gia-Định
bóng.

« Vi dù vua mở khoa thi trông
Lạc nhận, xuyên tâm, đủ
ngón châu..»

và bằng giọng châm biếm ;

« Trống thầy phong vận.

Ở chốn thị thành

„Cũng lắm phen đi đò, đ
đầy thất điên bát đảo.

...Cũng có lúc chơi liều chơ
lĩnh, tư đóm tam
khoanh..»

...Dậy những khi xuống
ngựa lên xe, đứng, ngồi
phải phép:

...Dậy những lúc cao lâu,
chiếu hát ăn nói cho
sành»

Khí vui lọ đàn phách,

Truyện nở như pháo rang,

Truyện dai như dẻ rách,

Đồ cả bốn chân giường,

Siêu cả đôi bức vách..»

Có khi ông Tú họ Trần còn đề
cao cả thuyết ăn chơi :

« Thôi ai ơi, chơi lấy kéo
hoài,

Chơi cũng thế mà không
chơi cũng thế !

Của trời đất xiết bao mà kể,
Nợ công danh biết, thế nào
xong ?

Chơi cho thủng trống long
bồng..»

Ngoài cái nguyên nhân buồn
mà sinh ra ăn chơi, ăn chơi để
giải phiền, sự trác táng của
ông còn có một đích đánh lạc
hướng sự theo dõi của bọn mậ:
tham để quốc có nệ vụ dò
xét thái độ và hành động của
những người trí thức thuở đó
không chịu ra cộng tác với tân
trào. Ngoài ra có lẽ ông còn
cường điệu hóa phần nào sự
trác táng ấy để, che kín thêm
các thái độ chánh trị thâm kín
của ông nữa. Ông chửi bới
lung tung và chửi đồng gần như
điên rồ cũng cùng một tác dụng
và ở điểm này ông thành công
nghĩa là ông gây được một ấn

tượng vào đầu óc nhiều người là
ông điên. Nhưng có khi ông lại
nói trắng ra rằng :

Người bảo ông điên, ông
chẳng điên,
Ông thương ông tức hóa
ông phiền.

Đề người đời khó mà nhận ra
đâu là Tú Xương thật đâu là Tú
Xương giả.

Tú Xương điên hay không
điên ?

Với những trang dưới đây
xin các bạn tìm hiểu Tú Xương
thương ai tiếc ai, thương gì tiếc
gì để mà tìm ra một Tú Xương
thật trăm phần trăm, một Tú
Xương có đạo đức, có tâm hồn
có lòng bác ái, có tình cảm
thiết tha với đất nước. Và cũng
nhân đây chúng ta giải tỏa cho
ông những nhận xét sai lầm,
xuyên tạc về tư cách của ông

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

bởi có kẻ làm thơ hay ca dao
đề trả thù vì bị ông chỉ trích ,

«*Vị-Xuyên có Bác Tú-
Xương,*

*Quanh năm ăn quít chơi
lường thì thối».*

«*Vị-Xuyên có Tú-Xương,*

Dở dở lại ương ương,

Cao lâu thường ăn quít

Thở đĩ lại chơi lường.

Kỳ thực có khi chính ông gán
cho ông nhiều điểm xấu mà
ông không có hoặc đề cưỡi đùa
với bè bạn hoặc cường điệu hóa
nó thêm đề gây cái thể thẳng
bằng đối với những kẻ ông đã
kích thẳng tay, thật ra ông là
con người phóng đại, hào hoa

phong nhã mặc dầu lẫn lộn
nhiều trong chốn trà đình tửu
điếm. Ông nhuộm ít nhiều anh
hùng chủ nghĩa Lãng mạn chủ
nghĩa. Ông Trần Tất Đạt con
trai thứ ba của ông đã kể rằng
gia phả còn ghi và nhiều người
còn sống đến ngày nay cũng
nhận ông Tú Vị Xuyên rất hiếu
khách, ăn ở rộng rãi, sẵn sàng
chia ngọt xẻ bùi với bè bạn,
hay giúp đỡ người nghèo khó.
Hàng năm sau khoảng khai hạ,
nhà ông đông khách cả tháng,
các ông dỡ các nơi xa đi lại chơi
bởi hoặc nhờ ông tìm chỗ ngồi
đọc học vì ông quen biết nhiều,
Nam-Định lại là đất hiếu học
như chúng ta đã biết.

(*Còn tiếp*)

Đã phát hành toàn quốc :

Thi ca Miền Trung Việt nam

do *LUONG-TRONG-MINH* biên soạn.

Với sự hiện diện của 39 nhà Thơ Miền Trung, lưu lạc
bốn phương trời về đây góp tiếng góp lời.



Thù-Đô Bền Nghé

★ Cái chết của nhà thơ Đông Hồ

Thi sĩ Đông Hồ chết vì bệnh áp
buyệt 7g30 chiều ngày 25-3, tại
biệt thự của ông gần Hồ Tả Mít Chi
Lãng Phú Nhuận. Ông không có
con trai Bà con gái lớn đi chữa
bệnh ở Pháp từ lâu, không
về kịp. Ông con rể, chồng bà, là
chủ nhà in Thư-Lâm, và ông con
rể nữa đứng đáp lễ những khách
đến phúng điếu. Người ta
không thấy có mặt bà em vợ của

ông. Mộng Tuyết Thất Tiểu Muộ
phu nhân nơi phòng tang-lễ, Mặc
dầu tang gia xui miến đồ phúng,
có một số vòng hoa của các bạn
Thơ và thân bằng quyến thuộc
của Thi sĩ Hạ-Tiên vẫn đưa đến
để tiễn Hương-Hồn ông phiêu-
du về Tiên giới.

★ Cái « Sống » của nhà báo Chu Tử

Báo «Sống» của ký giả Chu-
Tử đã chết. Đó là điều tiên định
vì cái tên *Chu-Tử* đã mang sẵn

âm «Tử» đầy rồi. Nhưng nhờ có âm «Chu», nên cái Tử còn có chu kỳ, thành ra cái chết của báo «sống» đã phải trải qua một vài vòng luân-quần, chết rồi lại sống, rồi lại chết, sống, chết, sống... cho đến hạn chết cuối cùng. Chết một buổi chiều, rồi chớp mắt một buổi sáng, rồi lại chết. Rồi bừng mắt dậy một Bình minh rồi lại chết. Tết con gà, sống lại hiện hồn về làm con gà sống, tương hợp với câu «Sấm» của... Tú Xương :

«Phen này ắt hẳn gà ăn bạc»

Không dè năm mới bị bệnh «sốt rét Hàng-Kông», gà sống cứ đứng ngủ gà ngủ gật chẳng mở được bực, như thời gà còn hẳn tiết vịt.

Bây giờ, bỗng nhiên từ dưới bùn ao thả vịt nhảy lên kêu oác-oác : Quyết sống ! Có kẻ cười bảo : Tận số rồi đây. Thì hãy xem Quyết tiến kia còn không tiến nổi, nữa là Quyết sống !

Nếu Chu...Tử ra tờ Quyết-chết chắc là sẽ sống. Theo Luật mâu thuẫn của Thượng đế (Loi des Contrastes).

● Đạo này người ta thường gặp Nữ-tiên-thuyết-già Nguyễn-thị-

Thụy-Vũ đi cặp với Thi sĩ Tô-thủy-Yên, lo phát hành mấy tác phẩm đầu tiên của nhà xuất bản Hồng Đức Không thấy tác phẩm nào của Tô-thủy-Yên và Thụy-Vũ. Có định xuất bản Tập thơ «Hồng Đức» của Lê thánh Tôn không nhỉ ?

★ Nữ-ĩ Công bằng Tôn nữ Hỷ-Khương, mới sinh được cậu con trai thứ hai rất khác khải đường Trần-hoàng-Quân, Chợ-lớn. Nhưng đừng sinh con làm Thi sĩ nhé bà !

● Nữ-sĩ Thanh-Nhung (Lại cũng Công Huyền Tôn Nữ), Tiên sĩ Văn-chương Mỹ, hiện còn du học ở Berkeley đã đính hôn với một người Gia-nã Đại tên là Lawrence Allister Gordon Moss.

Thanh-Nhung tuyên bố với Đặc phái viên Phò Thông : «Trước kia tôi không bao giờ

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

nghĩ đến việc lấy chồng ngoại-quốc. Tôi đã gặp Gordon ở Nhật. Thế rồi quen nhau... Tôi tin rằng đó là định mệnh».

● Ký giả Lưu Bằng chuyên môn dịch các truyện Anh Mỹ ra Việt ngữ, từ khi lấy một bà vợ triệu phú, hết dịch sách nổi nữa. Đã nhiễm bệnh dịch... đi chu du ngoại quốc, vừa đi Paris về, lại đi Australia. Nhà xuất bản Lưu Bằng không hẹn ngày mở cửa lại.

● Luật sư xoay ra viết tiểu thuyết ? Ừa. Luật sư Trần-văn-Tuyên, kiêm chính khách, cựu Bộ trưởng, cựu... cựu..., mới xuất bản một tập truyện ngắn.

Cánh tay áo phất phơ của Luật sư muốn bay bướm như cánh bướm thật. Nhưng nhìn quanh quẩn trong vườn nhà, chưa thấy bông dăng một Maurice Garçon để mình được thưởng thức những đóa hoa văn nghệ !

★ Luật sư Bùi-chánh-Thời nhốt nhà phê bình văn chương Như-Trị trong tủ hồ sơ đầy nhóc bụi của ông. Ba bốn năm rồi, vẫn không cho tại ngoại hầu tra. Bị

một nhà văn phỏng vấn «met» Thời cười đáp :

— Tôi cho Như-Trị áo treo chung thân !

● Cũng theo gương L.S. Thời, Luật sư Trần thanh Hiệp cho Thi sĩ Trần thanh Hiệp đi an trí... vĩnh viễn.

● Nữ «dân biểu» Kiều-mộng-Thu đã xuất bản giữa mùa Đông năm khi một tập thư nhan đề là «Lá dỏ trên 10 đầu ngón tay». Mở tập thơ ra thấy «lá» ướt át một cây kiều mộng. Hôm nào mời nữ tiên tuyền để xem Máu-dổ trên-10-dầu-ngón-tay của các Thi sĩ vô-danh ngoài nờ !

★ Nhà Thơ Kiên-Giang Hà-huy-Hà định mở một tao-dàn dưới bóng cây Bạch-Mai danh tiếng ở sân chùa Phụng-Sơn, đường Trần-quốc-Toản, chợ lớn. Mai-

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẮM CỨM

trắng đã nở đầy trên cành, nhưng «Yen sĩ phi lý thuận» chừng nào mới nở ?

★ Tiếng Loa.

xin các bạn văn nghệ đừng dẫn ở các tỉnh chú ý :

Thế theo lời yêu cầu của nhiều bạn, Phổ thông tạp chí sẽ mở mục :

□ Sinh khí văn nghệ các tỉnh.

Các bạn có thể gửi tin tức sinh hoạt văn nghệ (sinh viên, học sinh, quân nhân, tư nhân) về đăng trong mục này :

— Tin tức đích xác và hoàn toàn khách quan.

— Viết tóm tắt, gọn gàng, hơi trào phúng một chút.

— Chú trọng đến cả đời sống cá nhân, gia-dình, xã hội, có quan hệ đến sinh khí văn nghệ địa phương.

— Đề rõ địa chỉ, và tên họ thật.

Tòa soạn tạp chí Phổ Thông tự dành quyền chọn đăng những tin tức văn nghệ đáng dẫn.

Thư gửi về ông Giám-Đốc Tạp chí Phổ-Thông, Sài Gòn



Tin mừng

Thân ái mừng cháu

TRẦN-THỊ-THU-THỦY

43, Minh-Mạng, Dalat,

đình-hôn cùng :

VÕ-VĂN-THÂN

75, Nguyễn-tri-Phương, Mỹ.Tho.

● NGUYỄN-VỸ

Một chuyến tàu

● NGUYỄN-MẬU-LÂM

Gặp gỡ nhau chỉ một chuyến tàu,
Cho lòng rười rượi những thương đau.
Em buồn không nói, tình cam lạng,
Những buổi gần nhau vẫn nhớ nhau.

Thế rồi buổi ấy quà trao lặng,
Anh tiễn em về buổi cuối năm.
Anh mượn làn mây chiều lạng bặt,
Bay về Vĩ-Dạ đẹp duyên em.

Biết nói gì đây giữa chốn đường,
Hoa tình chớm nở thắm yêu đương.
Em về quê cũ xa xăm quá,
Phố nhỏ chiều Xuân nắng nhuộm đường.

Anh nhớ mùa trăng thương cổ đô,
Sầu lên quanh quẽ rụng đôi bờ.
Tràng-Tiên khẽ bóng in dòng nước,
Những nẻo đi về ghi dấu xưa...

Anh mộng năm mơ thấy bóng em,
Nghiêng nghiêng vành nón bước lên thềm.
Em buồn không nói âm thầm bước,
Anh đèn diu em giữa bóng đêm.

Em lặng nhìn anh e-ấp cười,
Nụ cười nho nhỏ nở đôi môi.
Trông em duyên dáng trắng tròn mộng,
Là cả trời thơ ý ngập lời.

Anh đã cùng em một chuyến tàu,
Con tàu xuôi ngược chở thương đau.
Em về quê cũ em còn nhớ,
Nhớ một mùa trăng bặt nhịp cầu.





Leo thang

● HOÀNG-THẮNG

Ùynh ! Ùynh ! Ùynh ! Ba tiếng nổ liên tiếp làm tôi giật mình thức giấc. Chung quanh tôi có tiếng người lớn ho, trẻ con khóc và dưới nhà chó đua nhau sủa.

Tôi chép miệng nói nhỏ ! «Lại pháo kích rồi !»

Năm phút sau, nhiều tiếng còi hú rú lên khắp phía. Ban đêm mà nghe còi hú báo động thật rợn tai, rợn người. Tôi nhớ hồi còn nhỏ, vào những ngày đầu mùa hè, nhìn lên trời chỉ thấy toàn một màu xanh, lũ học trò chúng tôi thường mong mỗi có còi

báo động. Để được chạy ra hầm trú ẩn, ngồi càng lâu, càng tốt, để khỏi phải học bài, làm bài nhất là những bài Sử ký hoặc Toán. Và bao giờ sự mong mỏi của chúng tôi cũng được đền đáp. Nghĩ kỹ cũng dễ hiểu. Trời có trong xanh, trời có đẹp. máy bay Đồng minh mới cất cánh đi oanh tạc những cơ sở doanh trại của quân đội Nhật Bản. Và khi còi báo động báo hết, chúng tôi lục tục trở về lớp để thu dọn sách vở vào cặp vì giờ học cũng sắp mãn.

SAIGON LAI RAI

Ngày thơ và cũng ích kỷ của tuổi nhỏ ! giờ đây, nghe tiếng còi hú báo động địch pháo kích vào thành phố tôi vẫn nằm trên giường, mắt thao láo. Đáng lẽ phải chạy xuống nhà dưới, cũng như nhà trên, đều «xem xem». Tường bằng ván cây, sàn gác cũng bằng ván cây, mái bằng tôn, nếu «nó» nhào trúng, thì trên dưới cũng ... như nhau.

Và mình biết nó ở đâu bắn tới ? Nó sẽ rớt chỗ nào ?

Thà rằng như hồi nhỏ, còi báo động cho biết máy bay Đồng minh sắp đến, và chỗ sẽ bị ném mìn bom cũng chắc chắn không phải là nơi Nhà Thờ, Trường học hay khu buôn bán.

Đằng này, một khu trong thành phố bị pháo kích, loạt hỏa tiễn chỉ gác lên mấy thanh sắt hoặc tre, hoặc gỗ, rồi ầm ! ầm ! nó muốn rơi rớt xuống đâu cũng được.

Bắn xong, mấy tên khẩu pháo cấp dít chạy thiệt lẹ để tránh bị quân đội ta phản pháo hoặc

phi cơ xạ kích, sức mảy mà chúng dám ở lại để bắn thêm nữa (mà cũng chẳng còn dư !)

Vì nghĩ thế, nên từ lúc còi hú nổi lên tôi vẫn nằm im trên giường để nghe tiếng còi hú báo chẳng có gì đáng sợ cả.

Sống chết đều có số mạng.

Sáng thức giấc, nghe radio nói, bọn VC đã bắn mấy trái hỏa tiễn vào khu vực Khánh hội Bến Vân đồn thuộc quận tư, có nhiều người dân vô tội chết và bị thương.

Đây là lần thứ bao nhiêu rồi bọn VC đã pháo kích vào saigon tôi cũng không nhớ, nhưng tôi vẫn thầm nghĩ : «Tại sao mình cứ gọi những người bị chết và bị thương do hỏa tiễn của VC gây ra là những người dân vô tội ? Vậy ai mới là người có tội ?»

Cách đây ít hôm, tôi có gặp một người bạn mà mấy năm nay tôi không biết ở đâu. Và khi nghe nói rõ nhà thì hỏi ối mặt bị rơm rớm lè. Chính nhà anh đã bị trúng hỏa tiễn. Hỏa tiễn

của V.C đã nổ đứng đồm đồm tôi thức giấc và sáng hôm sau, nghe nói là ở Bến Vân Đồn, trái hỏa tiễn trúng nhà bên cạnh làm cho cả gia đình tám người chết hết.

Sức ép và mảnh đạn còn làm sập mặt tiền căn nhà người bạn tôi, chầm dứt hai sự sống nhỏ thơ và cắt đứt một chân người vợ anh. Bây giờ hai đứa con nhỏ của anh đã được chôn cùng với đám táng tập thể, vợ anh đang nằm nhà thương, còn anh phải gửi hai đứa lớn một nơi và chạy gạo, chạy thuốc cho vợ, cho cả chính anh nữa. Anh đã than thở, thì vợ anh lãnh rồi (chân còn lại bị gãy dang bó bột) chỉ còn có việc nằm nhà coi con dại mà thôi.

Ôi chiến tranh! nó không tự mà nó cứ leo hoài. Leo hoài theo nhịp độ, tội nghiệp cho cái bàn hội ở Bà Lê họp mỗi tuần một lần vào ngày thứ năm.

V.C lợi dụng kéo dài cuộc hội nghị để đánh thêm hồng có dịp thầu chiến thắng quân sự

nghĩa là «vừa đàm vừa đánh» tại sao ta cũng không «vừa đàm vừa đàm» như họ. Không phải chỉ là những cuộc hành quân cần quét địch ngay trong lãnh thổ tự do của ta, mà là phải vượt khỏi khu Phi quân sự, phải oanh tạc trở lại. Có như vậy mới đồng đều chứ!

Như vậy là leo thang chiến tranh hay là sớm giải quyết chiến tranh?

Leo thang, một danh từ chỉ diễn tả một sự xê dịch từ phía dưới lên phía trên: leo cầu thang, trèo thang, đã tiến xa hơn nữa trong lãnh vực quân sự. Nó trở thành là sự gia tăng.

Và trong lãnh vực kinh tế cũng vậy, nó làm người tiêu thụ phát rét, phát run. Sinh hoạt mấp mỏ, giá cả leo thang, các bà nội trợ đuổi theo vật giá không kịp. Nó chạy lẹ quá. Mà oái oăm thay những thứ cần dùng nhất lại chính là những thứ mà leo

thang nhất: gạo, than củi, dầu mỡ và nhất là đường.

Rồi tới những thứ cần thiết cho công cuộc tái thiết, xây dựng. Như tôn, xi-măng.

Ông Tổng trưởng Kinh tế đã một lần, đã điều trần trước Thượng Viện (thứ Ba 13-3-69) về việc điều chỉnh lại giá đường, bột mì và xi măng. Theo lời ông Tổng Trưởng Kinh tế, thì rất có lợi vì bảo vệ nền sản xuất trong nước, để khuếch trương kỹ nghệ và nông nghiệp, để đạt đến trình độ tự túc về Kinh tế sau này.

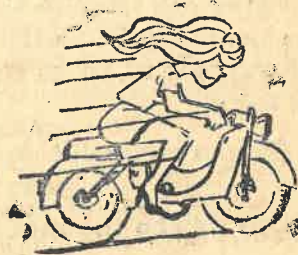
Như tôi thì rất kém về chính sách Kinh tế, tuy có hiểu rằng biện nay ta chỉ có mỗi một nhà máy xi măng Hà Tiên, một nhà máy đường thì có mấy cái cũng không rõ, nhưng chắc chắn là những nhà máy này không sức đủ cung cấp cho số cầu nên mới phải nhập cảng thêm.

Chúng qui chỉ có những nhà tư bản là...khoái mà thôi. Tự nhiên số lời của họ leo thang

kinh khủng vì sự chênh lệch giữa giá tiêu thụ mới và cũ.

Sau những nhà chỉ huy Kinh tế, trước khi tăng giá thuế biên đã không làm ra một «ú» kiểm kê — Cũng một giờ, một ngày — ở tất cả mọi nơi, số tồn kho về những thứ hàng sẽ đánh thêm thuế, rồi sắc luật ban hành những người có hàng tồn kho đó phải trả thêm số thuế chênh lệch? Chưa chỉ những người nào chưa lấy hàng ra khỏi kho Thương Cảng mới phải trả thêm thuế, còn những người đã có sẵn ở kho nhà rồi, tự nhiên «ngồi mát ăn bát vàng» thì cũng hơi...bất công. Và càng bất công cho giới tiêu thụ hơn cả??

Ôi leo thang! Ta ghét mi! Ta căm thù mi!



* * * * *

* HỒ-XUÂN-HƯƠNG *

* * * * *

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

* NGUYỄN-VỸ

IX— Bản chất khêu gợi và hấp dẫn thiên nhiên của thân thể người phụ nữ, trong thơ Hồ Xuân Hương

(Tiếp heo P.T. số 220)

Một nụ cười hóm-hỉnh như nụ
hoa hàm-tiểu đặc biệt của Hồ-xuân
-Hương, điểm vào hai câu kết của
bài thơ :

Cô nào muốn tốt ngâm
cho kỹ,
Chờ đến ba thu mới dải
màu.

Di-nhiên, chúng ta phải hiểu
rằng : hàng vải dệt xong nên ngâm
nước một thời gian thì nó mới
tốt. Điều đó tôi tưởng phụ nữ có
kinh nghiệm đều biết cả trừ những
cô gái cò què non nớt, ngây thơ,
chưa thạo việc. Nữ sĩ nhấn mạnh
hai tiếng : «cô nào», chứ không
nói : bà nào, vì bà nào có kinh

HỒ XUÂN HƯƠNG

nghiệm dệt vải đều cũng thạo lắm
rồi ! Cô khuyên nhủ riêng các cô
nên ngâm kỹ lưỡng, để thư-thả
cho qua ba thu (đây nghĩa bóng là
ba canh) thì hẵng dải màu, chứ có
vội vàng mà phí đi.

Hầu Hồ xuân Hương có khá
nhiều kinh nghiệm về việc dệt
vải, nên cô biết rằng để ngâm càng
lâu, tơ càng dướm, lụa càng bền.

Ngâm đến ba canh thâu (ba
thu), mới chỉ thêm đậm đà, đường
tơ óng ánh, tấm lụa dải màu
càng thắm thía với thời gian.

Đây là cả yếu tố nghệ thuật
mà Hồ xuân Hương phô bày ra
dưới ánh sáng (thấp ngọn đèn
lên...): nghệ thuật dệt trong mỗi
cử-chỉ, từ con cò mấp máy
đến hai chân đạp xuống...
một suốt đằm ngang, và sau
cùng là nghệ thuật ngâm. Cô
nữ Thi sĩ oái-oăm đã vận dụng
bết thiên tài của mình để mô tả
từng hành động thực tế của mỗi
phần cơ thể, với một mức độ đích
xác tinh vi đến nỗi kẻ khách quan
ngoại cuộc nhận thấy, đồng thời



xuất hiện một ý tượng gợi là nham
nhở. Đó là bí quyết nghệ thuật
Hồ xuân Hương. Đứng bên địa
hạt này, dù ai có ác ý gì đi nữa
cũng phải khâm phục hai đặc điểm
của Thiên tài Hồ xuân Hương :

— Mô tả cần thiết vừa đủ để
người ta hiểu rõ, một vài yếu tố
tiêu biểu cho toàn thể,

— Ghép vào đó một ẩn ý trừu
tượng cũng vừa đủ để không phò
bày lộ liễu.

Tôi xin bạn đọc thân-ái nhận
xét khách quan và lưu ý đến dụng

tâm rất tế nhị đó của Hồ xuân Hương. Cứ nói ngay rằng : giá sử cô Thi-sĩ tài hoa của chúng ta, muốn bày ra một cảnh tượng giao hoan lỏa lồ, như nhiều người có khuyến hướng tin tưởng là thế, thì đừng quên rằng cô cũng đã khéo-léo bao-trùm thực tế dưới một ánh sáng lơ-mờ, huyền ảo, nửa thực, nửa hư, để bảo vệ cho bản tính bên-lên thận thủng của đảo to.

Bài «Dệt Vải» này tiêu biểu cho tất cả những bài thơ khác của Hồ xuân Hương cùng một tinh túy nghệ thuật đó, cái tinh túy nghệ-thuật mà Montaigne gọi là «*la-substantifique motéle*», mà Abbé Brémond đặc tên chất phác hơn là «*la poésie pure*».

Người ta thường quên khía cạnh nghệ thuật thuần túy thơ trong các thi phẩm Hồ-xuân-Hương để thường thức đúng mức thi tứ của Nữ-sĩ, chúng ta không ngần ngại nhận xét rằng cô dùng tất cả các tiếng sống-sượng thích nghi và khéo léo để diễn tả các thể chất : trái mắt, cái quạt, Đèo

Ba Dài, tát nước, đánh cờ đánh đu, Dệt vải, v.v..., để cuối cùng tập trung tư tưởng vào một mục phiêu của trí chất, một nhân sinh quan của cô về người đàn bà, đối tượng của đàn ông.

Những tình từ đậm-ô, lả-g-lơ, tục tiểu. mà nhiều người gán cho cô, chỉ là một diễn tả hoàn toàn sai lầm thô kịch, hẳn ra ngoài lĩnh vực thuần-túy thiêng liêng của Nghệ thuật.

Nhân bài *Dệt vải* của Hồ xuân Hương, chúng ta nên đọc qua bài *Dệt vải* của vua Lê thánh Tông :

Thấy dân rét mướt
nghĩ mà thương.

Vậy phải lên ngôi
gõ mỗi đường

Tay ngọc lần đưa
thơ nhật nguyệt

Gót vàng giẫm đạp
mấy âm dương.

Hầu hết các nhà phê bình văn chương đều khen tặng bài này có khẩu khí của một vị Đế vương. Đó là một khía cạnh : khía cạnh tưởng tượng chính trị. Nhưng trên địa-hạt thuần túy văn nghệ,

bài thơ hoàn toàn gương ép giá tạo, kém linh động, chỉ tiết-lộ một trạng-thái kiêu hãnh cá nhân.

Tưởng tượng Lê thánh Tông có một điểm dị-biệt xa vời với tưởng tượng Hồ xuân Hương. Mạch thơ của ông vua thi sĩ khô khan nhạt-nheo, nghệ-nàn không được rào-rạt, cuộn-quộn, mãnh liệt thắm thía như của cô nữ sĩ bị h dân ở ngoại-ô Thăng-Long. Tôi lấy bài «*Dệt vải*» làm căn bản nhận xét để so sánh hai bài thơ. Cô gái trẻ trung bao-biêm đang tràn trẻ nhua sống, tạo-rực ý thơ, nhìn đời bằng tia mắt hóm hỉnh, bướng bỉnh, bất câu, bất chấp, kiêu hãnh với vị trí cao quý của người phụ nữ trước-tạo-hoa, trước thiên nhiên trước loài người.

Trái lại, cái kiêu hãnh của vị Hoàng-Đế, Thái-Tổ một triều đại oai-hùng, không vượt qua đường mỗi một ngai vàng, không đi sâu vào triết lý nhân-sinh, không đến gần Thượng-Đế cùng đứng trước một khung cửi, vị Hoàng đế thi sĩ không có những suy tưởng, siêu-việt, chân thành, phong-

phú, chỉ «ngư-bút» vài vản thơ gương ép, tự cao tự đại tất là nhạt nhèo và còn lỗ bịch nữa :

Tay ngọc lần đưa
thời nhật-nguyệt

Người tự xưng là «Thiên tử», thừa mệnh trời, mà cai trị nhân-dân, cũng đâu có được uy quyền chỉ huy cuộc trần hoàn của vũ-trụ sắp đặt cho ngày tháng thời-dra !

Gót Vàng giẫm đạp
mấy âm-dương

Nhà vua dù có « Vương mạng » hay chăng khẩu khí đế vương có thể tiết lộ trong hành vi ngôn ngữ, một « siêu nhân » chăng nữa, nhưng vẫn không thể tự gán cho mình cái uy linh của Tạo hóa :

Gót vàng giẫm đạp
mấy âm dương

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

máy càn khôn của Thượng đế
muôn loài !

Dù một kẻ nịnh thần cũng
không dám tâng bốc nhà vua
bằng những câu xúc phạm đến
«Trời Đất» như vậy. Hướng hồ
tự nhà Vua làm ra để tự tôn
mình quá lỗ, thì càng không thể
tha thứ được.

Bài thơ «Dệt vải» của Lê
Thành Tôn chỉ có bốn câu, mà
hai câu sau đã gãy, không còn

giá trị gì nữa cả. Sánh với bài
«Dệt vải» của cô Nữ sĩ bình dân,
một thiên tài siêu đẳng trên Thi-
đàn Việt Nam, thật là xa cách một
trời một vực.

(Kỳ sau tiếp)



● The less people speak of their own greatness
the more we think of it, (FRANCIS BACON,
English philosopher.

Minh càng đề cao mình ít bao nhiêu, thì người ta
càng đề cao mình nhiều bấy nhiêu.

● Either I will find a way, or I will make one.

PHILIP SIDNEY (English poet)

Hoặc là tôi tìm một con đường, hoặc là tôi tạo ra
một.



Bạn đọc viết

● Lê-bá-Trần. KBC 3551

Kính gửi : Ông Nguyễn-Vỹ, Giám-đốc Tạp chí P.T.

Kính thưa ông,
Trong tinh thần tìm hiểu một
thiên tài của vòm trời Văn học
trong thiện chí của bậc hậu bối,
tôi xin gửi đến ông một nghi
vấn, nếu có thể gọi như vậy, về
câu thơ của Hồ Xuân Hương.
Trong bài «Ngủ trưa» có câu:
*Yêm đào trẻ xuống dưới
Mương Lòng*

Trong Phổ Thông số 218 ra
ngày 1-3-69, trang 116, ông giải
thích «mương lòng» là cái khe
nước mọc đầy lông lá.

Tôi nghĩ : Nữ sĩ họ Hồ không
dùng chữ «mương lòng» như bài
thơ ông trích dẫn. Chữ «mương
lòng» trong một bài thơ như bài
«ngủ trưa» không thích hợp
chút nào cả. Vì, chỉ cái đó — xin
hiều ngầm bằng chữ «mương
lòng» không gọi lên một khát

khao nào, thêm muốn nào, lại
không tạo cho người đọc một
hình tượng đẹp nào, mà chỉ làm
giật mình người đọc bởi cái
tạo hình lộ liễu và trơ trẽn. Hơn
nữa, họ Hồ đã biết dùng chữ
«đôi gò bông đảo» để chỉ cặp
 vú no tròn, sức sống của thiếu
nữ làm người đọc có cảm tưởng
khoan khoái và nhìn thấy rõ
ràng hình tượng mà vẫn không
vấy đục, thì không lý gì Nữ sĩ
lại khinh xuất hạ bút viết hai
chữ như «mương lòng» ?

Một điểm nữa là «khe nước
mọc đầy lông lá — chữ của ông»
đó đã được Hồ Xuân Hương
nói đến, nói một cách thật rõ
ràng, thật hoa mỹ, thật đầy đủ
từ hình ảnh đến bản chất.—

«Một lạch đào nguyên suốt
chứa thông»

Nhất định Nĩ sĩ Hồ Xuân Hương không nói đến «cái dờ» đến hai lần trong một bài thơ.

Thưa ông, có thể vì «tam sao» nên bài thơ trên đã lộn chữ «Lưng» ra chữ «Lông» chăng? Theo tôi thì chữ «Lưng» có lý hơn.

Cái cách thể biểu lộ hình ảnh thiếu nữ trong bài thơ trên đã cho ta thấy thật rõ ràng là «thiếu nữ đang quá giấc nồng» bằng thể nằm ngửa. Vì chỉ có thể nằm dọc nhất đó mới thấy được cái no tròn đầy đặn, không nhão nhẹt của đôi gò bồng đảo. Và cái yếm nếu có trễ xuống thì

cũng chỉ trễ xuống Mương Lưng chứ không thể xuống Mương Lông được. Trên thì gò bồng đảo; dưới thì lạch đảo nguyên. Cái lạch đảo nguyên này cũng nằm trên một thể đất cao. Như thế, cái yếm đảo không, thể trễ xuống «nơi đó» được mà phải trễ xuống «mương lưng». Nhưng chỉ trễ xuống thôi chứ không phải tuột hẳn. Nghĩa là còn lưu luyến cái bụng.

Là bạn đọc của P.T, tôi xin gửi đến ông ý kiến trên, xin ông vui lòng trả lại Hinh Ảnh Đẹp Trong Một Bài Thơ Đẹp.

KÍNH CHÀO Ông.

★ **Đáp bạn Lê-Bá-Trân, KBC. 3551.**

Câu thơ Hồ-xuân-Hương, trong bài «cô gái ngủ trưa» đúng là:

Yếm đảo trễ xuống dưới mương lưng. Chứ không phải: ... dưới mương lưng, vì chữ «lưng» không hợp vần trong bài: dòng, nồng, lông, thông, xong.

Yếm đảo đây, chúng ta phải hiểu là giải yếm đảo rời lòng thông xuống dưới... đó.

★ **DIỆU-HUYỀN**

20-7-1969

Hai người Mỹ sẽ đổ bộ lên Trăng

Thông Tấn-xã Mỹ UPI loan tin chính thức:

George Low, giám đốc chương trình phi thuyền Apollo tuyên bố chắc chắn Apollo 11 sẽ được phóng lên Trăng ngày 16-7-69, và sẽ đổ bộ tại địa-điểm 2, phía nam «Bề im-lặng» trên Nguyệt-cầu, đúng 1 giờ 19 phút tối chủ-nhật 20-7-1969.

Hai phi-hành-gia Mỹ sẽ đổ-bộ tên là Neil Aams trong và Edwin Aldrin.

Hai người sẽ ở lại trên Trăng trong thời-gian 22 tiếng đồng hồ để thám-hiểm mặt Trăng, chụp hình, đặt cơ sở thí-nghiệm và lấy 50ki đất của mặt Trăng. Trong lúc họ công tác, phi-hành-gia thứ ba, tên là Michael Collins lái «phi-thuyền-mẹ» bay vòng quanh, cách Nguyệt-cầu 10 ki-lô-mét, để coi chừng, và chờ đón hai người kia xong công-việc sẽ trở lên phi-thuyền-mẹ để trở về quả Đất.

Tạp-chí Phổ-Thông tiếp-tục theo rồi và loan tin đầy đủ về hiện-cố-lịch-sử vĩ-đại này:

Lai lịch của Phù-Thầy

RASPOUTINE

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ THI - VÂN □

L.T.S.— Trong hai bài trước các bạn đã biết vụ Raspoutine một nhân vật kỳ lạ không một chút khả năng gì đặc biệt mà đã khuyh đảo cả một triều đại lo lớn hùng mạnh nhất của nước Nga. Và đã phải chết một cái chết bi thảm đầy bi mật.

Nhưng Raspoutine là ai ?

Bài này nói rõ về lai lịch của hắn.

Một kẻ trụy lạc điên khùng

Raspoutine là một chú bé nhà quê, sinh trưởng ở Tây-bá-lợi-á, làng Pektrovskoyé vào năm 1864 hay 1865 gì đó. Thân sinh là nông dân khá-già nhưng phải tội nghiện rượu cao độ.

Thuở nhỏ, Raspoutine là một đứa trẻ rất dơ bẩn, bừa bãi, lộn xộn đến nỗi bọn đồng lứa gọi là thằng bé bẩn như hủi. Mới 15 tuổi, y đã theo thói cha, uống rượu như hủ

chìm hủ nổi. Cha mẹ sợ y hư hỏng, năm 20 tuổi, cưới vợ cho y, nhưng có vợ, y càng uống rượu nhiều hơn.

Y lại có thói ăn trộm. Một lần, y ăn trộm mấy cái sào của hàng xóm, bị bắt quả tang, bị đánh như tử và giải đến Xá. Một lần khác y cùng hai bạn trộm hai con ngựa cũng của người hàng xóm ấy. Vô phúc lại bị bắt nữa ...

Xóm làng quá ngăn cho y nên

ASPOUTINE

đề nghị đưa đi đày ở Đông Tây bá lợi á, nhưng rồi cuối cùng hai tên bạn của y bị đày, còn y vẫn được vô sự.

Vào thời kỳ này, Raspoutine được xem như là một tên điều ngoa, xảo trá, thô tục, bạo tàn và trụy lạc. Nhậu nhẹt say túy lúy rồi y thắng đôi ngựa chạy như bay trong sân nhà, đề làm gì, không ai biết, y lại ưa đánh lộn, chửi rủa thảm tệ không kể lạ quen và cả cha mẹ y nữa.

Từ một tên bợm đến một ẩn sĩ

Dường như sau vụ bị người hàng xóm đánh đập tận thân, hồ sơ trộm cắp của y chất đầy ở Xá và nhất là sau ngày hai người bạn bị đi đày, Raspoutine bỗng nảy ra ý muốn trốn lánh đi một thời gian để thiên hạ tạm quên mình.

Y lên đường đi Tu viện Ver-Khotoursk, gọi là đi hành hương thể cho cha, y trước đây cũng có ý nguyện này.

Đến đây tạm gọi như chấm dứt

đoạn đường sóng gió bành bồng của y.

Tự nhiên y trở thành một con người khác lạ và cũng vì thay đổi quá nhanh chóng, người ta cũng không hiểu do đâu nữa. Một điều thấy rõ là dường như y trở nên buồn cười và ngờ nghếch ngu độn lên, có lẽ vì bị người hàng xóm kia đánh nhằm chỗ nhược nào chăng. Còn chuyện chắc chắn là trong cuộc hành hương y đã có cơ hội tiếp xúc với nhiều người cao kiến đạo đức nhờ đó mà y « cải tạo tư tưởng tính tình » chăng ?

Sau chuyến hành hương về nhà, người ta thấy y thường liếp nhiều khách danh giá và, y được những người này kính nể như ai. Trong số khách này phần đông là những nhà « hành hương giang hồ » thuộc nhiều Giáo Phái thời bấy giờ rất đông tại Nga và nhất là tại Tây-bá-lợi-á. Phương thức hành đạo của họ là đồng-bóng. Đạo đã kỳ lạ thì thành phần tu-sĩ lại kỳ lạ hơn. Nội bật nhất có hai hạng tu-sĩ : Giới Skopptzy (phái bị hoạn) và giới Khlysty (phái dùng roi da) Trong lúc hành đạo hai giới này

dùng roi gân bò để tự quật vào người.

Chuyến hành hương đầu tiên này đã xây dựng «con người» Raspoutine cho đến ngày cuối cùng của đời y. Ảnh hưởng của sinh hoạt các giáo phái đã ăn sâu vào tâm trí đến một mức cao độ và thường biểu hiện bằng những cử chỉ dồn dập từng cơn, nét mặt ra vẻ lo âu, nói năng đôi khi không ai hiểu gì, đứt đoạn bởi kích thích hay những cơn mệt mỏi rú liệt.

Một hôm có người gặp y ngoài đường như là một kẻ mất trí : đầu trần, tóc bờm xồm, vừa đi vừa vung tay hát múa những bài không ai biết là bài gì. Có lúc vào nhà thờ, y nhìn khắp bốn phía với đôi mắt dữ tợn, thỉnh thoảng la hét om sòm.

Trở thành con người mới Raspoutine bỏ hẳn rượu, thuốc lá và thịt. Y trốn tránh chẳng muốn gặp ai, đọc kinh hằng mấy giờ liền.

Y lại lên đường hành hương chuyến thứ hai. Trong mấy năm tiếp theo đó, y viếng thăm hàng

chục Tu viện tại Tây-bá-ly và Nga thuộc Âu châu, đi cả đến Núi Athos (Hy-lạp).

Có khi y trở về nhà có đem theo vài ba người đàn bà ăn mặc theo lối nữ-tu. Tại làng của y, y thành lập một nhóm đệ-tử gồm có người em rể y, em y và ba thiếu nữ khác. Nhóm này thường họp kín trong một giáo đường nhỏ ở ngay dưới nền nhà y.

Người ta đồn đãi những thiếu nữ này thường hay rửa chân cho y rồi uống luôn nước bần thiêu ấy một cách sùng kính, đoạn khiêng y đến trước giáo đường giữa tiếng hát những bài thánh ca của toàn thể. Sau đó, họ ôm nhau khiêu vũ cuồng loạn. Nhiều người tìm cách điều tra nhưng không có cách nào đột nhập giáo đường bí mật ấy được.

Đi Vào cuộc Sống kỳ lạ.-

Vào khoảng tháng 10 năm 1903, có một bà trong giới thượng lưu kể chuyện trong một cuộc tiếp xúc với Raspoutine, y đã khuyên nhủ là ai có tội hãy đến xưng tội với

y, không ngại xấu hổ, vì tội lỗi ấy, y gánh chịu hết cho và đề thấy rõ người kia đã thật sự ăn năn chưa, (tất nhiên những người này toàn là đàn bà) y mời hết các cô gái và các thiếu phụ đi tắm chung với y lại giải thích thêm những người đàn bà mà y hôn là đề giúp cho họ chống lại sự quyến rũ của xác thịt, vì y xem mọi người trên thế gian đều là bà con cật ruột của y cả.

Qua tháng 5 năm ấy, cũng tại làng của y, số nữ tín đồ càng ngày càng đông, quyến luyến bên mình y, xem như là một vị thánh, chăm sóc y từng việc nhỏ đến lớn, cắt móng tay cho y và giữ những mảnh cắt ra ấy cắt làm kỷ niệm... Đi ngoài đường gặp nữ tín đồ nào, y ôm đại vào lòng hôn ra rít, bắt chấp thiên hạ nhìn. Y lại giải thích : -Có gì mà xấu hổ e lệ ? Vì chúng ta chẳng phải là trong một gia đình cả sao ?

Năm 1910, y có viết 6 tập sách nhỏ lấy tên là « Sùng tín suy tư ». Văn chương rất kém, nội dung là một loạt ngôn ngữ về giáo phái kỳ lạ của y.

Từ ngày y đến ở tại Saint Pétersbourg, con người Raspoutine như được trao trả lại cho qui sử. Nhà y không khác là quán dùng nhân của bất kỳ ai : những bà danh giá trong triều lẫn lộn với gái điếm ; năm bảy chính-trị gia, chủ ngân hàng, mấy tay trung gian áp phe hay phiêu lưu, đủ hạng đến đây nhóm họp bàn tính chuyện làm ăn lương hay bất lương giữa tiếng ca hát của mấy ã giang hồ, còn Raspoutine thì say khướt, như con ngựa buồng cương nhảy múa rung động cả nhà.

Nếp sống của y rất lạ và cái lạ ấy đủ sức quyến rũ bất kỳ ai. Nói y khôn cũng không hẳn mà bảo y dại cũng không chắc. Y có tài thích ứng với mọi hoàn cảnh. Trong một cuộc họp mặt của giới nữ lưu qui phái ngưỡng mộ y, trong một khách sạn sang trọng, hoặc tại tư thất một bà tán dương y hay trước mặt một vị thượng thư, v.v y có tài đóng đúng vai rất thích hợp với từng hoàn cảnh và lúc nào cũng thành công tuyệt đối.

Trong những cuộc gặp gỡ ấy,

y nói liên miên, giọng ra kẻ trưởng thượng, cứ nói liên hồi. Thỉnh thoảng y nói chậm lại, tiếng như nghẹt ở cuốn họng, y nhìn đắm đắm vào một người nào đó như mê, nói bập bẹ không ra tiếng nữa. Như thế trong mấy phút, bỗng như tỉnh lại, y nhìn quanh tự hỏi : « Hội này giờ tôi ra thế nào ấy nhỉ ? » rồi liền đó, y đổi qua câu chuyện khác. Đôi mắt của y gây nơi người chung quanh một cảm giác khác lạ. Những người đàn bà nhìn phải, tự nhiên thấy khó chịu, lo ngại. Đang nói một chuyện này, y bỗng qua một vấn đề khác, đi lui đi tới ra vẻ vội vã trong phòng, hai tay xoa nhau, đôi đầu gối như trĩu xuống.

Anna vyrobova, một hung thần tiên cử một hung thần.

Cô Anna là con của viên chánh chương-ấn cho nhà vua, sinh năm 1884. Năm 18 tuổi, nhân bị bệnh nặng, cô được Nữ hoàng chú ý săn sóc và qua năm sau được tiến cử vào cung làm cung nữ. Anna được lòng tin cậy của hoàng hậu Bà thường tâm sự với nàng. Ivan

thở là không có bạn trai nào, và đời bà quá tẻ nhạt, giang sơn như chồng như quá xa lạ với bà.. Từ đó, Anna là người rất thân của hoàng hậu. Năm 21 tuổi nàng lấy chồng nhưng hơn một năm sau xin ly-di vì chồng bất lực và bị bệnh thần kinh. Rảnh tay, nàng lại càng được gần gũi với chủ hơn nữa. Họ xem nhau như bạn thân, cùng thêu thùa, cùng học nhạc với một thầy. Anna biết nhiều sinh ngữ nhưng không có qua một văn bằng nào, kiến thức hẹp hòi tính tình nông nổi nhưng lại tốt bụng và rất trung thành với chúa. Hơn thế nữa nàng lại là một tín đồ cuồng nhiệt.

Vào năm 1907, trước khi lấy chồng Anna quen biết với Raspoutine. Nàng cũng biết y này đã từng gặp nhà vua và hoàng hậu. Nữ quân công Militza, người đã giới thiệu nàng với y có tặng nàng một sổ sách thần bí, trong đó có chứng minh rằng khi người ta có một nếp sống gần gũi thiêng liêng, họ có thể tiên đoán được tương lai.

Hôm Nữ quân công đưa Anna đến giới thiệu với Raspoutine lần

đầu tiên, Bà có nói riêng với nàng hãy xin y cái gì cũng được. Y sẽ cầu nguyện Chúa; Chúa không khi nào từ chối lời van xin của y

Hôm ấy y bận toàn đồ đen, đôi mắt rất sắc bén, lờn sâu vào. Thấy nàng hỏi về ý-dịnh lấy chồng và hỏi y tình duyên ra sao, y đáp ngay là nên lấy chồng nhưng không có hạnh phúc. Quả như lời, qua năm sau, bỏ chồng, Anna trở lại với y, lòng vô cùng khâm phục.

Từ đây, Anna trở thành một dụng cụ đắc lực trong tay Raspoutine. y dùng nàng chuyên lên nhà vua hay Hoàng hậu những điều y yêu cầu xin xỏ. Ngày này qua ngày khác Anna gần như là một tôi tớ tuyệt đối trung thành của y. Có dư luận cho nàng bị y lợi dụng về xác thật nhưng thực tế, nàng rất trong sạch, lúc nào đến y cũng vào lúc ban ngày còn y vào cung thăm nàng cũng có một cô nữ thư ký đi theo và chứng kiến cuộc trò chuyện.

Sẵn được trọng đãi trong triều nên mọi việc của Raspoutine trao cho, Anna đều dùng ảnh hưởng

minh mà thỏa mãn được mọi ân huệ của y xin, can thiệp việc này việc nọ giùm cho y và nhờ đó mà thiên hạ cho rằng thế lực y đối với nhà vua rất lớn.

Được nhà vua trọng dụng.

Tại sau một tên nông dân quen thất học, ghiền rượu, tà, dâm, lại có thể thâm nhập vào đời tư của nhà vua và cuối cùng lung lạc triều đình, nắm trong tay vận mạng của quốc gia ?

Nước Nga vào thời này đang trải qua một giai đoạn chênh vênh lao lý. Nhân tâm xao xuyến một phần do cuộc tham chiến dặt lợi trong cuộc xung đột Nga-Nhật, phần khác vì đường lối chính-trị bảo thủ của triều đình và bởi chính cách đàn áp quá tàn bạo đối với nguyện vọng của toàn dân sau cuộc cách mạng 1905. Tất cả những sự kiện ấy đã nung nấu trong xã-hội và nhất là trong giới giàu sang quý tộc Nga một tinh thần chán nản hoang mang và do đó phát sinh những hiệu tượng suy nhược thần kinh, một sự xáo trộn

giữa tín-ngưỡng và tình dục. Đây là thời kỳ của một đạo giáo mới «Tân cơ đốc giáo» chủ trương kết hợp «Tinh-thần và xác-thịt»

Một giai đoạn lịch sử như vậy là đất sống phong phú của giai cấp «Staretz» một hạng tu-sĩ lớn tuổi có tên tuổi về ngoan đạo và khôn ngoan và trong ấy tất nhiên Raspoutine là kẻ đầu sỏ.

Vào cuối mùa thu năm 1904, Raspoutine về Thủ đô Saint Pétersbourg mang theo một giấy giới thiệu lên Giám Mục Serge. Nhận thấy y ra dáng một tu-sĩ hữu hạng, ông đưa y giới thiệu trước tiên với Nữ quận công Miliza và sau đó được Anna giới thiệu lên nhà vua.

Raspoutine thường vào ra cung nội. Trong các cuộc nói chuyện với nhà vua và hoàng-hậu, thường có mặt nhiều nữ quận-công và cả hoàng tử nữa. Vợ chồng nhà vua thường gọi y với tên thân mật cụt ngắn là «Gregory» còn y thì gọi lại là Ba và Má. Họ hôn nhau khi gặp gỡ nhưng vợ chồng nhà vua không khi nào hôn tay y.

Khi Hoàng-hậu hay Thái-tử bị cảm mạo, y được lệnh cầu nguyện và tất nhiên bệnh thuyên giảm ngay.

Vào năm 1911, Thái-tử Alexis bị bệnh xuất huyết, y ở xa được tin vội về chữa bệnh, y đánh điện tín ngay về báo tin là thái tử sẽ khỏi.

Lần khác vào năm 1916, Thái tử bị bệnh bại huyết và mọi danh-y đã chịu bó tay, lần nữa y lại được vời vào cung. Y làm dấu thập tự trên mình Thái-tử đưa tay ngang qua đầu chú bé và tự nhiên như qua một phép lạ, máu ngưng chảy. Không những thế, y lại quả quyết Thái-tử sẽ lành mạnh một điều mà không một danh-y nào dám nghĩ đến.

Một vài chuyện lạ kỳ như thế quá thừa để chiếm lòng tín nhiệm tuyệt đối của nhà vua, nhất là khi Thái-tử lại là con một,

Viên thượng thư bộ Nội-vụ dữ tiết lộ với lòng đầy ghen tị rằng y đã gây được ảnh hưởng nơi nhà vua và đối với hoàng

hậu, ảnh hưởng ấy lại rất sâu sắc, không những đã nâng đỡ y mà còn tuân cả lệnh y nữa. Anna và các công chúa cũng thương yêu và ngưỡng mộ y như thần như thánh.

Hoàng hậu chăm sóc y từng ly từng tí, thêu cả áo cho y và tặng y một thập tự giá bằng vàng khối cùng một sợi dây chuyền đeo.

Y tìm đủ cơ hội để gần gũi nhà vua và thường than van cốt cho hoàng hậu nghe rằng « Má hà tiện quá, không cho ta tiền bạc gì cả » Và hoàng hậu lại bỏ tiền ra như nước, thờ phụng y, gọi là cha Gregory vì cuồng tín ở khả năng cầu nguyện Chúa của y.

Tất nhiên là vợ chồng nhà vua đã tin tưởng Raspoutine đến cao độ. Bao nhiêu phép tắc y đã thi thố còn làm cho nhà vua tin thêm rằng đời y như bị một sợi dây thiêng liêng buộc chặt vào triều-đại hiện hữu y chẳng nói : « Khi nào y chết là ngại vàng cũng sụp đổ theo sao ? »

★ Con quỷ linh thiêng

Một tập ký ức của Anna viết về

mối liên lạc giữa Raspoutine và Hoàng hậu Nga đã lưu lại cho hậu thế ít nhiều về cuộc đời y.

Tập thơ này bị tu-sĩ Héliodore đánh cắp ngày tu sĩ này còn dao-du thân mật với y. Héliodore là 1 nhà chính trị, một chiến sĩ chống cách mạng hăng hái nhất, là ủy viên sáng lập của một tổ chức bảo vệ chế độ Nga-Hoàng. Nhờ Raspoutine giúp đỡ, ông ta nắm một địa vị khá cao nhưng vào năm 1912 hai người quay qua thù địch nhau. Héliodore bị đày xa và giải chức tu-sĩ.

Sau ngày được tự do, ông trở sang Na-Uy và xuất bản cuốn sách lấy tên « Con quỷ linh thiêng », một tài liệu đã kích Raspoutine kích liệt. Các lá thư của Hoàng hậu cũng như các Nữ quận công v.v... đều được chép y vào, cuốn sách xao động dư luận. Cơ quan liêm phóng Mặt của Nga phải cố vận động mới mua được xấp tài liệu này và đem về cho vua Nicolas đệ Nhị.

Nga Hoàng thật sự bị mù quáng

Năm 1910, một nữ thị vệ cận thân Hoàng Hậu được bà cho phép đi nghỉ mát tại Poraovskoyé. Cùng đi có ba bà mệnh phụ phu nhân. Raspoutine có mặt trong chuyến đi này. Y lợi dụng địa vị quyền rũ người nữ thị vệ, ép nàng ân ái với y và tiếp theo đó đến lần ba bà kia.

Về đến kinh, chị nọ khóc lóc kể chuyện lại cho Hoàng-Hậu hay nhưng bà ta nhất định không tin mà còn không cho chị ta lộ ra cho nhà vua biết. Khi nhà vua phong phanh phe chuyện này, ông cho gọi một bà mệnh phụ có tuổi trong triều và gạn hỏi. Khi nghe cả đầu đuôi, ông thản nhiên nói :

- À ! thì ra thế ! Tôi hỏi bà nhé, nếu tôi cho bà biết riêng rằng nhờ ông ta cầu nguyện mà tôi có thể vượt qua những năm khó khăn cực khổ nhất của tôi thì bà nói sao ?

Bà kia đáp :

- Muốn tiêu, không phải ông ta mà chính toàn dân nước Nga đã

cầu nguyện cho Hoàng-thượng lại qua nạn khỏi đó ả.

Mấy hôm sau, bà mệnh phụ đã dám nói những lời thẳng thắn kia bị trục xuất khỏi hoàng cung.

Tướng Voeykov, chỉ huy Ngự lâm quân đã nhiều lần can gián nhà vua không nên tiếp xúc với Raspoutine nòng hậu như thế. Đó không những là ý của Ông mà còn là nguyện vọng của nhân dân. Nhà vua gạt đi và đáp :

- Ta muốn tiếp ai mặc ta.

Ông Bộ-trưởng Nội vụ một hôm trình lên vua một hồ sơ gồm tất cả những hành tung phạm pháp của Raspoutine, mà Cảnh-sát đã thu góp được. Nhà vua nghe trình một cách lơ đãng, đi thẳng lại mở rộng cánh cửa sổ như tỏ ra không muốn nghe. Viên thượng thư cố năn nỉ ông nghe tiếp cho hết câu chuyện... Qua mấy ngày sau, nhà vua cho vờ! y vào cung để cùng đọc kinh với ông. Ông ân cần nhìn Raspoutine nói :

- Chúng ta quyết không khi

hào xa nhau, bất kỳ bởi một lý do nào.

Nói xong, ông rút trong túi ra một mảnh giấy đưa cho y. Đó là lệnh lạc hồi dân tịch của viên Thượng thư Nội vụ.

Lại một lần khác, ông P. Stolypine, chủ-tịch Hội đồng thượng thư cũng trình lên nhà vua một tài liệu tương tự nhưng đầy đủ cụ thể hơn, nhấn mạnh về những hành động hủ hóa của Raspoutine. Về đêm tổ cáo y thường tâm chung với đàn bà, nhà vua nói :

- Ta biết thế. Nhưng ngay trong các cuộc này, ông ta vẫn truyền bá giáo lý cho các bà ấy kia mà !

Liền đó ông thôi tiếp Ông kia rồi liệng xấp hồ sơ vào lò sưởi đang cháy ngùn ngụt trước mặt.

Không những trong triều đình không ngọt cảnh giới nhà vua về

«hiềm họa Raspoutine» mà tất cả báo chí trong nước cũng như ngoại quốc đều tố cáo Raspoutine, nhằm mục đích chấm dứt một tệ đoan quá lộ liễu và nguy hại đến uy tín quốc gia. Nhưng bao nhiêu cố gắng ấy đều bị cái cuồng tín của vua Nicolas II và Hoàng hậu bẻ gãy.

Thế mà mãi đến năm 1916, tức cả chục năm sau, mới có người đứng ra «toại» y, kẻ cũng quá muộn vậy.



Dùng midol

1350/BVT/ĐDCC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
SỞ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

đáp bạn 4 Phương



★ Cô Trần-thị-Quảng, Biên Hòa

Câu «*Honni soit qui mal y pense*» trong bài «*Hồ-xuân-Hương*», trang 102, P.T. số 220, có nghĩa : «ai mà nghĩ bậy thì có tội». Câu nói của Anh-Hoàng Edouard III, thế kỷ XIV. Trong một buổi tiệc đầy đủ các đại thần và mạng-phụ trong triều, ông vua vô ý để rớt cái giấy nịt vớ ở chân trái (cái Jarretière) làm chiếc vớ tụt xuống để lộ ống chân. Quan khách liền cười rộ lên. Ngay liền đó, vua nói : «*Honni soit qui mal y pense* !» (Ai mà nghĩ bậy cho trăm thì có tội với quý thần đây nhé !) Đó là một câu khôi hài để đỡ gương với các bà mạng phụ. Đề kỷ niệm giai thoại đó, vua Edouard III liền đặt ra một loại huy-chương đặc biệt gọi là «*ordre de la Jarretière*» (huy-chương giấy nịt-vớ), huy-chương này phải đeo nơi đầu gối bên chân trái. Chỉ có 26 người được đặc ân đeo huy-chương «*De la Jarretière*», kể cả nhà Vua.

Câu nói khôi hài trên được truyền tụng khắp thế giới, và được thông dụng trong văn-chương quốc-tế với ý nghĩa rộng là : «chớ có ai hiểu lầm nhé !» đề tự bào chữa một cử chỉ hay một ngôn-ngữ có thể bị dư-luận hiểu-lầm một cách khôi hài. Dùng với tính cách nửa thật nửa đùa.

● Trung-sĩ I Phan-V-Thường và nhóm Quán Y Nha-Trang, KBC 3569.

«*Tiền-đồ tổ-quốc*», đúng theo ý nghĩa như Thầy-giáo đó nói là : Tương lai của Tổ-quốc, chứ không phải là : cơ-đồ của Tiên-nhân để lại. Chữ «*tiền-đồ*» cũng cùng nghĩa như *Tiền-điền, tiền-tuyển*.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Tiền-phong. *Tiền-đồ* là con đường đi tới, tiền tới. *Avenir* (Pháp) *future* (Anh).

□ Bà Kim-thanh-Lệ, Tây-Ninh

Nước Úc, ở phía Nam Thái-bình-Dương. Thủ-đô: Camberra. Rộng bằng 2/3 miền Nam Việt-Nam, dân số không quá 10 triệu. Úc là một quốc gia trong Liên-Hiệp Anh. Ngôn-ngữ : tiếng Anh.

★ Ông Phạm-trọng-Chua, Đường Lục-Tĩnh

Ông Hoàng Shianouk. Quốc trưởng Cambodge chỉ còn mẹ, là Hoàng-thái-hậu Suramarit.

□ Ô. Thanh-Tứ, Độc lập, Đà nẵng

Địa danh *Đà-nẵng* là do tiếng Chăm còn sót lại. Thời vua Minh Mạng, trong các công văn chính thức gọi là *Hàn Cảng*. Người Việt thời bấy giờ cũng gọi là cửa Hàn.

Dưới Pháp thuộc, gọi là *Tourane*, có lẽ theo Quốc-ngữ của các vị Cổ-Đạo viết *Cửa Hàn*, bọn tàu buôn Pháp thấy khó đọc nên tự ý sửa lại *Tourane*.

● Bà Minh, Lê Lợi, Saigon

Ngày 12-4-1923 là ngày 27-2-Quý Hợi.

★ Cô Công-tôn-Nữ-Bạch-Lài, Chợ Dalat

Địa chỉ Nữ-sĩ Tương-Phố : 36A Đường Tĩnh-Phong, Nha Trang.

★ ●



- Trên đỉnh sa mù**, tập truyện ngắn.

Tác-giả : Mang Viên Long-.

Nhị Hồng X.B.- giá 120đ

- Mưa Phổi** thơ của Yên-Giang.

Tôi yêu em như ruộng vì trũng lao trong phổi.

Những tiếng ho nghèn nghẹn

từ miệng khạt ra từ ngum máu rơi đầy mặt đất như
trời mưa..»

Giá bán : 30đ

- Thi ca miền Trung Việt-Nam.**

do Lương trọng Minh biên soạn «với sự hiện diện của 39 nhà
thơ miền Trung lưu lạc bốn phương trời về đây góp tiếng góp lời»
Trần-gia.Thoại, Phạm-Phú-Thông, Lam-Giang, Nguyễn-tiểu-Đào,
Nguyễn-thị Mỹ-Linh, Lương-thế-Linh, Sinh - Hòa, Duy - Năng.

Nguyễn-dình-Hình, Phổ-Đức, Nguyễn-nho-Nhượng, Trần-thị-Lộc,
(Nữ sinh Trung-học Bồ-Đề, Qui-Nhon) v.v...

Đầy từ tiểu-sử, kèm ảnh, Cẩm-Sa Sơn-Châu, Qui.Nhon, xuất-
bản. Giá 165đ

- Điều ru người tình cũ**

Thơ của Hoàng-thị-Thủy-Tiên. Nhị Hồng x.b.

«Mình con ra chào đời.

«Khi vừa nhìn thấy mặt con

Một bông hồng nở trong hồn cỏ khô

Trăm vui đời nạm ngọc ngà

Lòng tham ý tạo nụ hoa sớm vàng

«Đời thâm cấn lặn thiên tài

Vóc sương đã đưng bóng nơi bia thánh».

Giá bán : 50đ

- Thanh-thiếu niên Phổ Thông giáo lý**

Xuân Kỷ Dậu-1969- do cơ quan Phổ Thông Giáo-
lý Cao-Đài.

- ★ **Ánh lửa đêm Thu**

Tập truyện ngắn, của Duyên Anh. Hồng Đức X.B.
Giá 1.10đ

- Việt Nam Thi nhân Tiền Chiến**

Quyển Hạ (III). Do Nguyễn-tấn.Long soạn Tiểu sử,
khảo luận, và Thi tuyển của 150 thi nhân Tiền chiến, (tiếp theo Quyển I
và II) ; Trần tuần Khải, Đông Hồ, Mộng Tuyết, Hồ văn Hào, Phạm
đình Bách, Bích Khê, v.v..»

Một công trình biên soạn rất công phu và nhận xét khách quan
810 trang. Bản đặc biệt không đề giá. Sống Mới X.B. 30 B
Phạm Ngũ Lão Saigon

□ Việt Nam thi nhân tiền chiến

Quyển Thượng (I)

Cùng một tác giả

Ấn bản kỷ niệm (1968). Bổ chính và thêm rất nhiều tài liệu mới,
820 trang - Bản đặc biệt không đề giá, Nhà X.B. Sống Mới.

★ Huế Buồn

Thơ của Lữ-Tùng-Anh

« Triều-đại vàng son từ nay đã hết
Ôi cảm hờn muốn thuở Cổ-đồ ơi
Vết tích này tồn-tại mãi nghìn đời
Trong lòng ta và trong lòng bao kẻ khác
Hỏi những gì đã tan tành đổ nát

.....»
(Khúc Cổ đồ)

Tất cả 10 bài.

Giá 45đ. «Chỉ phát hành tại Huế».
Bến-Ngự 1969. Tác giả ấn-hành.

★ Phát-triển. Nguyệt san ngôn luận của Hội Văn hóa
Bình dân, 7 Phan-kế-Bính. Saigon.

● Khủng hoảng tại Bạch Cung

Nguyên tác của Robert Kennedy «Thirteen days». Bản dịch
của Cao đắc Bửu. Theo bản Pháp văn «Crise à la maison
Blanche».

Văn Hữu xuất bản, hộp thư 980 Saigon. Tổng phát hành
Huy Hoàng 13, Trần quốc Toàn Saigon.

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON COP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ✧ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ✧ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.**
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết. Uống **Giả
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVITINH ngày 9-10-1961
Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công sở : gắp đôi